



DANH SÁCH

SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN

T1/2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận sinh viên trúng tuyển đại học theo hình thức đào tạo từ xa
Đợt tháng 01 năm 2024

VIỆN TRƯỞNG VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Căn cứ Quyết định số 46/QĐ-ĐHH, ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Giám đốc Đại học Huế về việc thành lập Viện Đào tạo mở và Công nghệ thông tin - Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 468/QĐ-ĐHH, ngày 17 tháng 3 năm 2020 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Đào tạo mở và Công nghệ thông tin - Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 10/2017/TT-BGDĐT, ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 2167/QĐ-ĐHH ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định Đào tạo từ xa trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ kết luận của Hội đồng xét đề nghị công nhận trúng tuyển đại học hình thức đào tạo từ xa Viện Đào tạo mở và Công nghệ thông tin - Đại học Huế họp ngày 28 tháng 12 năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo, Nghiên cứu và Hợp tác phát triển, Viện Đào tạo mở và Công nghệ thông tin - Đại học Huế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 1765 sinh viên trúng tuyển đại học, ngành Luật 565 sinh viên, ngành Ngôn ngữ Anh 1200 sinh viên, khóa nhập học ngày 05 tháng 01 năm 2024, tại Viện Đào tạo mở và Công nghệ thông tin - Đại học Huế, trong đó:

Địa điểm	Luật			NN Anh		Tổng
	2,5	3,0	4,5	2,5	4,5	
Viện Đào tạo mở và Công nghệ thông tin	38	2	25	458		523
Trung tâm GDNN-GDTX quận Hà Đông, Hà Nội	11	1	3	2		17
Trung tâm GDTX tỉnh Nghệ An	12		1	106		119
Trường Cao đẳng KTKT số 1 Nghệ An			1	1		2
Trung tâm GDTX tỉnh Hà Tĩnh	10		2	70		82
Trường CĐKT Công - Nông nghiệp Quảng Bình	11		14			25
Trường CDSP Quảng Trị			3			3
Trung tâm GDTX số 3 Thành phố Đà Nẵng	1		1	11		13
Trường cao đẳng Công thương TP.HCM - Quảng Ngãi	12	2	3	3		20
Trường Cao đẳng SP Gia Lai	11		6			17
Trường TC Kinh tế-Kỹ thuật Quốc Việt - Lâm Đồng	8		4	2		14
Trường CD Kon Tum	6		5			11
Trường CD Bách khoa Tây Nguyên tỉnh Đắk Lắk	11	1	18	21		51
Trường CD Công thương Việt Nam cơ sở Đắk Lắk	14		3	45		62

Trường CĐ Cộng đồng Đắk Nông	31		3	3		37
Trung tâm GDTX tỉnh Phú Yên	18		15	11		44
Trung tâm GDTX tỉnh Bình Định			1	44		45
Trung tâm GDTX tỉnh Ninh Thuận	1					1
Trung tâm GDTX tỉnh Khánh Hòa				103		103
Trường Cao đẳng Bình Thuận	21	2	13	56		92
Trường Trung cấp KT-KT Bình Dương	1			149		150
Trường Trung cấp Công nghệ Bách khoa Bình Phước				14		14
Trung tâm GDTX tỉnh Bình Phước	24		21			45
Trung tâm GDTX tỉnh Đồng Nai	48		23	25		96
Trung tâm GDTX tỉnh Đồng Tháp	9		5	1		15
Trung tâm GDTX tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	30		15	11		56
Trung tâm GDTX tỉnh Tây Ninh	22		18	54		94
Trường TC Quốc tế Khôi Việt TP. Hồ Chí Minh	3					3
Trường Cao đẳng Công thương Việt Nam - Cơ sở HCM				6		6
Trường TC Công đoàn Thành phố Hồ Chí Minh			1	4		5
TỔNG CỘNG:	353	8	204	1200		1765
	565			1200		

(Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Viện Đào tạo mở và Công nghệ thông tin - Đại học Huế phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức đào tạo và quản lý sinh viên trong suốt khóa học.

Điều 3. Trưởng các đơn vị chức năng, Kế toán trưởng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Viện;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, Tổ NCHTPT.VĐL.



Nguyễn Hoàng Sơn

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2024
TẠI VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CNTT- ĐẠI HỌC HUẾ

Kèm theo Quyết định số ...56../QĐ-VĐTMCNTT ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Văn bằng	Dân tộc	Ngành - TGDĐT
NGÀNH LUẬT - NHẬP HỌC: 05/01/2024							
THỜI GIAN ĐÀO TẠO 2.5 NĂM							
G29							
1	BÙI ANH	ĐIỆP	NỮ	29/09/1982	QUẢNG BÌNH	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH 503-25
2	TRẦN QUANG	ĐỨC	NAM	28/02/1999	QUẢNG BÌNH	KS CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM	KINH 503-25
3	LÊ ĐÌNH MINH	HẢI	NAM	20/04/1980	ĐÀ NẴNG	ĐH SP GIÁO DỤC THỂ CHẤT.	KINH 503-25
4	NGUYỄN ĐỨC	HIỆP	NAM	15/05/1988	NAM ĐỊNH	KS CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ TRUYỀN THÔNG	KINH 503-25
5	ĐOÀN THÁI	HOÀNG	NAM	15/07/1994	HÀ TĨNH	KS KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH XD	KINH 503-25
6	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	NỮ	15/05/1982	NGHỆ AN	ĐH KINH TẾ NN VÀ PTNT	KINH 503-25
7	NGUYỄN THỊ NHẤT	LINH	NỮ	05/10/1983	TÂY NINH	KS KHOA HỌC CÂY TRỒNG	KINH 503-25
8	TỪ THẾ	LỘC	NAM	20/10/1991	GIA LAI	KS QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	KINH 503-25
9	NGUYỄN MINH	LUÂN	NAM	04/11/1994	BÌNH ĐỊNH	BS Y ĐA KHOA	KINH 503-25
10	PHAN TRẦN TIỀN	PHƯỚC	NAM	17/04/1989	GIA LAI	ĐH CNTT - AN NINH MẠNG	KINH 503-25
11	NGUYỄN THANH	QUỲNH	NAM	18/06/1982	NGHỆ AN	ĐH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	KINH 503-25
12	PHẠM HOÀI	THANH	NAM	20/02/1985	BÌNH ĐỊNH	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH 503-25
13	NGUYỄN THỊ	THU	NỮ	25/08/1990	THỪA THIÊN HUẾ	KS QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	KINH 503-25
14	TRẦN THỊ	THÚY	NỮ	20/08/1990	NAM ĐỊNH	ĐH NGOẠI NGỮ - TRUNG QUỐC	KINH 503-25
15	LÊ VĂN	TOÀN	NAM	02/05/1982	NINH BÌNH	ĐH BÁO CHÍ	KINH 503-25
16	NGUYỄN THỊ CẨM	TÚ	NỮ	07/11/1994	BÀ RỊA - VŨNG TÀU	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH 503-25

	G15						
17	HUỖNH THỊ	DIỆU	NỮ	20/08/1987	BÌNH ĐỊNH	ĐH KẾ TOÁN	KINH 503-25
18	HỒ THỊ	HÀO	NỮ	30/08/1985	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH TRIẾT HỌC	KINH 503-25
19	NGUYỄN THỊ THÚY	NGA	NỮ	18/11/1977	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH TIN HỌC	KINH 503-25
20	PHAN ĐÔNG	PHÚ	NAM	23/03/1982	BÌNH ĐỊNH	ĐH HÀNH CHÍNH HỌC	KINH 503-25
21	HỒ ĐĂNG	PHÚC	NAM	15/08/1979	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH NGỮ VĂN	KINH 503-25
22	HOÀNG THỊ QUÝ	THẢO	NỮ	12/10/1997	QUẢNG TRỊ	ĐH TRUYỀN THÔNG QUỐC TẾ	KINH 503-25
23	PHẠM THỊ NGỌC	TRUNG	NỮ	08/03/1982	QUẢNG BÌNH	ĐH KẾ TOÁN	KINH 503-25
	G13						
24	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	NỮ	07/10/2000	PHÚ YÊN	ĐH QUẢN LÝ CÔNG	KINH 503-25
25	HỒ SĨ QUỐC	DŨNG	NAM	01/03/1987	HỒ CHÍ MINH	ĐH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	KINH 503-25
26	PHẠM UY	DŨNG	NAM	09/08/1979	QUẢNG TRỊ	KS XÂY DỰNG CẦU ĐƯỜNG	KINH 503-25
27	HUỖNH KHÁNH	ĐÔNG	NAM	15/01/1997	HỒ CHÍ MINH	ĐH CÔNG NGHỆ KT MÔI TRƯỜNG	HOA 503-25
28	NGUYỄN HỮU	HÀO	NAM	01/09/1990	GIA LAI	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH 503-25
29	LÊ THỊ DIỆU	HẰNG	NỮ	23/10/1986	HÀ TĨNH	ĐH KẾ TOÁN	KINH 503-25
30	VÕ THỊ MỸ	HOA	NỮ	02/01/1996	BẾN TRE	ĐH DƯỢC HỌC	KINH 503-25
31	NGUYỄN SƠN	LINH	NAM	04/02/1979	ĐỒNG NAI	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	KINH 503-25
32	CHÂU NGỌC	MAI	NỮ	03/04/1981	BÌNH DƯƠNG	ĐH KẾ TOÁN	KINH 503-25
33	LÊ MINH	NHỰT	NAM	11/04/1986	BẾN TRE	ĐH KẾ TOÁN	KINH 503-25
34	TRẦN HOÀNG	TRÍ	NAM	18/08/1995	LONG AN	ĐH CNKT CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG	KINH 503-25
	G28						
35	NGUYỄN THỊ	CHUNG	NỮ	02/03/1986	HÀ NỘI	ĐH ĐỊA CHÍNH	KINH 503-25

36	TRẦN HẢI	NAM	NAM	22/12/1994	NAM ĐỊNH	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503-25
	G08							
37	NGUYỄN THỊ	HỒNG	NỮ	20/08/1986	THANH HÓA	ĐH TIN HỌC	KINH	503-25
38	LÊ THANH	PHONG	NAM	05/04/1999	BÀ RỊA - VŨNG TÀU	KS CÔNG NGHỆ KT MÔI TRƯỜNG	KINH	503-25
	THỜI GIAN ĐÀO TẠO 3 NĂM							
	G29							
1	HOÀNG NHẬT	TRƯỜNG	NAM	10/06/1984	THỪA THIÊN HUẾ	TC LUẬT, THPT	KINH	503-30
2	GIẢNG THỊ	XUÂN	NỮ	22/12/1990	HÀ GIANG	THPT, TRUNG CẤP LUẬT	H'MÔNG (MÈO)	503-30
	THỜI GIAN ĐÀO TẠO 4.5 NĂM							
	G29							
1	TRỊNH BẢO HOÀNG	ANH	NAM	26/11/1993	THÁI BÌNH	THPT	KINH	503-45
2	NGUYỄN THÀNH	DẢO	NAM	08/04/1988	HÀ NỘI	THPT	KINH	503-45
3	LÊ TRẦN ANH	ĐỨC	NAM	25/08/1995	QUẢNG NAM	THPT	KINH	503-45
4	NGUYỄN DUY	KHANG	NAM	17/12/1991	GIA LAI	THPT	KINH	503-45
5	ĐỖ TRÀ	MY	NỮ	05/05/2005	HÀ NỘI	THPT	KINH	503-45
6	NGUYỄN NGỌC	NAM	NAM	23/07/1995	THỪA THIÊN HUẾ	THPT	KINH	503-45
7	LÊ HỒNG	PHƯỚC	NAM	19/03/1994	BÌNH PHƯỚC	THPT	KINH	503-45
8	NGUYỄN HỮU	THỊNH	NAM	29/10/2005	BẠC LIÊU	THPT	KINH	503-45
9	TRƯƠNG VĂN	THỊNH	NAM	02/01/2003	CÀ MAU	THPT	KINH	503-45
10	PHẠM VĂN	TOÀN	NAM	15/04/1986	THANH HÓA	THPT	MƯỜNG	503-45
11	GIANG NGUYỄN TƯỜNG	VY	NỮ	17/07/2000	BÌNH PHƯỚC	THPT	KINH	503-45
12	PHẠM NHƯ	Ý	NỮ	01/01/1997	BẠC LIÊU	THPT	KINH	503-45

DUY
 ĐÀO
 CÔ
 THỎ
 " H

	G13							
13	LƯU THANH PHONG	NAM	16/05/1982	HỒ CHÍ MINH	THPT	KINH	503-45	
14	BÙI TƯ	NAM	10/02/1995	QUẢNG NGÃI	THPT	KINH	503-45	
	G15							
15	ĐẶNG NGỌC DŨNG	NAM	13/07/1972	NAM ĐỊNH	THPT	KINH	503-45	
16	ĐOÀN VĂN HÙNG	NAM	02/02/1988	THỪA THIÊN HUẾ	THPT	KINH	503-45	
17	LÊ VĂN HUNG	NAM	28/10/2001	THỪA THIÊN HUẾ	THPT	PA CỎ	503-45	
18	LÊ THỊ LIÊN	NỮ	28/09/1998	THỪA THIÊN HUẾ	THPT	KINH	503-45	
19	NGUYỄN DUY MINH NHẬT	NAM	02/07/1997	THỪA THIÊN HUẾ	THPT	KINH	503-45	
20	TRẦN VIỆT QUANG	NAM	18/12/1981	THỪA THIÊN HUẾ	THPT	KINH	503-45	
21	LÊ PHÚC THỌ	NAM	18/04/2004	QUẢNG NAM	THPT	KINH	503-45	
	G28							
22	NGUYỄN HỮU DUY HOÀNG	NAM	01/10/2004	NGHỆ AN	THPT	KINH	503-45	
23	LÊ ĐĂNG NAM	NAM	15/10/1989	THANH HÓA	THPT	KINH	503-45	
	G24							
24	NGUYỄN THÀNH QUỐC	NAM	16/05/1983	BÌNH ĐỊNH	THPT	KINH	503-45	
	G08							
25	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	NAM	19/10/2002	HỒ CHÍ MINH	THPT	KINH	503-45	
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - NHẬP HỌC: 05/01/2024								
THỜI GIAN ĐÀO TẠO 2.5 NĂM								
	G29							
1	NGUYỄN THỊ HOÀI ANH	NỮ	08/07/1982	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705-25	

2	PHẠM THỊ TÚ	ANH	NỮ	25/01/1980	THÁI BÌNH	ĐH XÃ HỘI HỌC	KINH	705-25
3	PHẠM TUẤN	ANH	NAM	28/10/1981	THÁI BÌNH	ĐH KHOA HỌC QUÂN SỰ	KINH	705-25
4	TRẦN TUẤN	ANH	NAM	27/05/1997	NAM ĐỊNH	ĐH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	KINH	705-25
5	VÕ VIỆT	ANH	NAM	21/06/1978	QUẢNG TRỊ	KS ĐIỆN TỬ - VIỄN THÔNG	KINH	705-25
6	NGUYỄN THỊ HỒNG	ÁI	NỮ	13/01/1994	KON TUM	ĐH KINH TẾ	KINH	705-25
7	DƯƠNG HỮU TRƯỜNG	ẤN	NAM	09/12/1988	TÂY NINH	BS Y KHOA	KINH	705-25
8	HÀ GIA	BẢO	NAM	27/03/1999	BÌNH DƯƠNG	ĐH CHỈ HUY KỸ THUẬT CÔNG BINH	KINH	705-25
9	NGUYỄN THỊ	CHÂU	NỮ	02/03/1980	NGHỆ AN	ĐH LUẬT	KINH	705-25
10	DƯƠNG THỊ PHƯƠNG	CHINH	NỮ	24/12/1983	NGHỆ AN	ĐH SP MẦM NON	KINH	705-25
11	BÙI VĂN	CƯỜNG	NAM	11/06/1984	GIA LAI	ĐH SP VẬT LÝ	KINH	705-25
12	NGUYỄN THỊ VI	DIỆU	NỮ	08/12/1982	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
13	ĐẶNG THỊ THÙY	DUNG	NỮ	26/04/1996	NGHỆ AN	ĐH SP SINH HỌC	KINH	705-25
14	NGUYỄN THỊ KIM	DUNG	NỮ	16/04/1990	QUẢNG BÌNH	ĐH CÔNG TÁC XÃ HỘI	KINH	705-25
15	CAO THỊ THÙY	DUYÊN	NỮ	23/04/2001	BÌNH DƯƠNG	ĐH LUẬT KINH TẾ	KINH	705-25
16	NGUYỄN THẾ	DŨNG	NAM	16/06/1979	HÀ NỘI	ĐH CÔNG NGHỆ KHOAN KHAI THÁC DẦU KHÍ	KINH	705-25
17	TÔ THANH	DŨNG	NAM	01/07/1968	HÀ TĨNH	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
18	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	NỮ	14/12/1993	NGHỆ AN	ĐH GIÁO DỤC MẦM NON	KINH	705-25
19	NGUYỄN TRỌNG HẢI	ĐĂNG	NAM	25/10/1994	HÀ TĨNH	BS Y ĐA KHOA	KINH	705-25
20	NGUYỄN THỊ	ĐIỆP	NỮ	10/08/1997	HẢI DƯƠNG	BS Y KHOA	KINH	705-25
21	VŨ MẠNH	ĐÌNH	NAM	26/03/1977	NINH BÌNH	ĐH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	KINH	705-25
22	BÙI THỊ HƯƠNG	GIANG	NỮ	28/06/1985	QUẢNG BÌNH	KS CÔNG NGHỆ HOÁ - THỰC PHẨM	KINH	705-25
23	TỪ THỊ CẨM	GIANG	NỮ	30/08/1985	QUẢNG NGÃI	ĐH KINH TẾ CHÍNH TRỊ	KINH	705-25

24	NGÔ THỊ	HÀ	NỮ	30/09/1983	NAM ĐỊNH	KS CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO MÁY	KINH	705-25
25	TRẦN THỊ THANH	HÀ	NỮ	01/04/2001	QUẢNG BÌNH	ĐH LUẬT	KINH	705-25
26	NGUYỄN THỊ THANH	HÀO	NỮ	09/11/1996	NGHỆ AN	ĐH GIÁO DỤC MẦM NON	KINH	705-25
27	ĐẶNG CÔNG	HẠNH	NAM	15/05/1975	BÌNH ĐỊNH	ĐH LUẬT HÀNH CHÍNH	KINH	705-25
28	ĐỖ MỸ	HẠNH	NỮ	04/04/1996	PHÚ YÊN	BS Y ĐA KHOA	KINH	705-25
29	VĂN ĐỨC	HIẾU	NAM	30/06/1999	QUẢNG TRỊ	BS Y KHOA	KINH	705-25
30	TRẦN THỊ	HOA	NỮ	25/05/1995	THANH HÓA	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705-25
31	LÊ THANH	HOÀNG	NAM	14/09/1984	THANH HÓA	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705-25
32	PHẠM NGUYỄN THIÊN	HUY	NAM	09/09/1997	HỒ CHÍ MINH	ĐH SP GIÁO DỤC THỂ CHẤT	KINH	705-25
33	BÙI LỆ	HUYỀN	NỮ	19/01/1991	KON TUM	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
34	THIỆU ĐÌNH	HUNG	NAM	17/11/1979	THANH HÓA	BS Y KHOA	KINH	705-25
35	NGUYỄN THỊ	HƯỜNG	NỮ	21/02/1984	THÁI BÌNH	ĐH CÔNG NGHỆ HÓA, THỰC PHẨM	KINH	705-25
36	VÕ THỊ HỒNG	HƯỚNG	NỮ	27/10/1980	GIA LAI	BS Y KHOA	KINH	705-25
37	CAO BÁ	HƯỚNG	NAM	17/07/1980	CẦN THƠ	BS ĐA KHOA	KINH	705-25
38	NGUYỄN THÁI	KHANG	NAM	02/04/1996	CẦN THƠ	BÁC SỸ Y KHOA	KINH	705-25
39	LÊ THỊ	LÀNH	NỮ	06/09/1992	HÀ TĨNH	BS Y HỌC DỰ PHÒNG	KINH	705-25
40	ĐỖ THỊ KIM	LIÊN	NỮ	10/09/1983	KON TUM	ĐH KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP	KINH	705-25
41	CHÂU THỊ DIỆU	LINH	NỮ	01/07/1999	QUẢNG BÌNH	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
42	HOÀNG THÙY	LINH	NỮ	20/07/1999	THÁI NGUYÊN	ĐH LUẬT	KINH	705-25
43	LÊ NGUYỄN PHÚC	LINH	NAM	12/09/2001	TÂY NINH	ĐH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	KINH	705-25
44	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	NỮ	01/11/1993	ĐẮK LẮK	BS Y ĐA KHOA	KINH	705-25

45	NGUYỄN VĂN LINH	NAM	04/09/1992	LÂM ĐỒNG	KS CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	KINH	705-25
46	PHAN NHẬT LINH	NAM	14/04/1991	QUẢNG NAM	ĐH LUẬT	KINH	705-25
47	SIU LOL	NAM	10/03/1982	GIA LAI	ĐH SP VẬT LÝ	JRAI	705-25
48	HOÀNG HUY LONG	NAM	19/06/1991	THANH HÓA	BS ĐA KHOA	KINH	705-25
49	LÊ THANH LONG	NAM	20/02/1995	HÀ NỘI	ĐH LƯU TRỮ HỌC	KINH	705-25
50	PHAN THỊ LỘC	NỮ	22/07/1989	QUẢNG NGÃI	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705-25
51	LÊ XUÂN LỢI	NAM	20/06/1980	NGHỆ AN	ĐH GIÁO DỤC THỂ CHẤT	KINH	705-25
52	LƯU MINH LUÂN	NAM	16/05/1992	ĐÀ NẴNG	KS LÂM NGHIỆP	KINH	705-25
53	VŨ THỊ HUYỀN LY	NỮ	06/10/1983	THÁI BÌNH	ĐH VĂN HOÁ HỌC	KINH	705-25
54	LÊ QUỲNH MY	NỮ	20/12/1987	BÌNH ĐỊNH	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
55	NGUYỄN TRỌNG NAM	NAM	10/05/1985	NGHỆ AN	ĐH SP VẬT LÝ	KINH	705-25
56	TRẦN PHƯƠNG NAM	NAM	02/11/1981	QUẢNG NGÃI	ĐH SP TOÁN HỌC	KINH	705-25
57	NGUYỄN THANH NGÀ	NỮ	16/07/1987	HÀ NỘI	ĐH LUẬT	KINH	705-25
58	MAI TRẦN KIM NGỌC	NỮ	07/03/1996	BẠC LIÊU	BÁC SỸ Y KHOA	KINH	705-25
59	TRẦN ĐỖ NHƯ NGUYỄN	NỮ	30/04/1988	PHÚ YÊN	ĐH GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ	KINH	705-25
60	VŨ THỊ THẢO NGUYỄN	NỮ	04/02/1986	ĐÀ NẴNG	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705-25
61	NGUYỄN HUỶNH THANH NHÃ	NỮ	27/10/1997	HỒ CHÍ MINH	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
62	PHAN PHƯỚC HOÀI NHÂN	NỮ	26/01/1994	HỒ CHÍ MINH	ĐH SP HOÁ HỌC	KINH	705-25
63	TRẦN DOÃN NHÂN	NAM	10/08/1989	NGHỆ AN	ĐH CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO MÁY	KINH	705-25
64	TRẦN MINH NHẬT	NAM	06/06/1999	NGHỆ AN	ĐH LUẬT	KINH	705-25
65	HUỶNH LINH NHI	NỮ	16/06/1995	HỒ CHÍ MINH	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25

66	LÊ THỊ CẨM	NHI	NỮ	05/01/1994	BÌNH ĐỊNH	BS Y ĐA KHOA	KINH	705-25
67	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	NỮ	29/08/1982	BẮC GIANG	ĐH KINH TẾ	KINH	705-25
68	NGUYỄN THỊ HẢI	OANH	NỮ	29/08/1996	LÂM ĐỒNG	BS Y KHOA	KINH	705-25
69	TRẦN THỊ	OANH	NỮ	25/02/1993	ĐẮK LẮK	ĐH GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ	KINH	705-25
70	NGUYỄN THÀNH	PHÁT	NAM	13/12/1996	BẠC LIÊU	BÁC SỸ Y KHOA	KINH	705-25
71	ĐẶNG THỊ NHƯ	PHƯƠNG	NỮ	20/04/1988	BÌNH THUẬN	ĐH LUẬT	KINH	705-25
72	LÊ THU	PHƯƠNG	NỮ	22/04/1984	NGHỆ AN	ĐH TIN HỌC	KINH	705-25
73	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	NỮ	18/04/1990	VĨNH PHÚC	ĐH VĂN HỌC	KINH	705-25
74	TRẦN HỮU	PHƯỚC	NAM	29/08/1999	THỪA THIÊN HUỆ	BS Y KHOA	KINH	705-25
75	NGUYỄN HỒNG	QUANG	NAM	09/10/1978	HÀ NAM	KS HỆ THỐNG ĐIỆN	KINH	705-25
76	ĐẶNG TRẦN	QUÂN	NAM	28/02/1994	HÀ TĨNH	CN LỊCH SỬ	KINH	705-25
77	NGUYỄN HỒNG	QUÂN	NAM	30/09/1993	BÌNH ĐỊNH	ĐH LUẬT	KINH	705-25
78	TRƯƠNG THỊ	QUYÊN	NỮ	05/07/1986	THANH HÓA	ĐH TRIẾT HỌC, CHÍNH TRỊ HỌC.	KINH	705-25
79	LÊ THỊ NHƯ	QUỲNH	NỮ	04/09/1983	QUẢNG TRỊ	ĐH TRIẾT HỌC	KINH	705-25
80	NGUYỄN TÚ	QUỲNH	NỮ	10/06/1997	LONG AN	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	705-25
81	ĐỖ HỒNG	SƠN	NAM	15/11/1977	NAM ĐỊNH	ĐH VẬT LÝ	KINH	705-25
82	TRẦN ĐỨC	SƠN	NAM	17/09/1999	ĐẮK LẮK	BS Y KHOA	KINH	705-25
83	LÊ THỊ	SƯƠNG	NỮ	04/10/1998	QUẢNG NAM	BS Y KHOA	KINH	705-25
84	ĐÌNH VĂN	TÀI	NAM	25/09/1997	KHÁNH HÒA	ĐH LUẬT	KINH	705-25
85	NGUYỄN THANH	TÂM	NỮ	04/11/1996	NGHỆ AN	ĐH THIẾT KẾ VÀ CNKT ĐIỆN TỬ	KINH	705-25
86	PHẠM VĂN	TÂM	NAM	18/10/1992	THANH HÓA	BS ĐA KHOA	KINH	705-25

87	ĐỖ QUANG	TÂN	NAM	26/03/1981	BÌNH ĐỊNH	ĐH VẬT LÝ	KINH	705-25
88	TRẦN THỊ NHẬT	THANH	NỮ	29/09/2001	NGHỆ AN	ĐH LUẬT	KINH	705-25
89	LỘ ĐẠT	THÀNH	NAM	08/07/1996	NINH THUẬN	BS Y ĐA KHOA	CHĂM	705-25
90	NGUYỄN VĂN	THÀNH	NAM	21/05/1984	THANH HÓA	ĐH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	KINH	705-25
91	LÊ THU	THẢO	NỮ	23/03/1994	QUẢNG BÌNH	ĐH CÔNG NGHỆ SINH HỌC	KINH	705-25
92	MUỘN THỊ	THẢO	NỮ	23/09/1985	NAM HÀ	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
93	NGUYỄN XUÂN	THỊ	NAM	16/10/1978	NGHỆ AN	KS CƠ KHÍ ĐỘNG LỰC	KINH	705-25
94	NGUYỄN ĐỨC	THỊNH	NAM	24/08/1994	HẢI PHÒNG	BS Y ĐA KHOA	KINH	705-25
95	PHẠM THỊ	THOA	NỮ	30/12/1984	KON TUM	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
96	NGUYỄN THỊ THU	THÚY	NỮ	03/12/2000	KON TUM	ĐH SP SINH HỌC	KINH	705-25
97	NGUYỄN ANH	THƯ	NỮ	12/01/1991	HÀ NỘI	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
98	NGUYỄN NGỌC	THƯ	NAM	05/11/1973	ĐỒNG NAI	BÁC SỸ ĐA KHOA	KINH	705-25
99	VÕ THỊ MINH	THƯ	NỮ	18/06/1989	GIA LAI	BS Y ĐA KHOA	KINH	705-25
100	HOÀNG THỊ	THƯƠNG	NỮ	01/02/1986	NGHỆ AN	ĐH VĂN HỌC	KINH	705-25
101	NGUYỄN THỊ HOÀI	THƯƠNG	NỮ	30/04/1990	NGHỆ AN	BS ĐA KHOA	KINH	705-25
102	TRẦN THỊ	THƯỜNG	NỮ	20/07/1988	BÌNH ĐỊNH	ĐH LUẬT	KINH	705-25
103	TRƯƠNG MẠNH	TIỀN	NAM	16/06/1989	QUẢNG TRỊ	KS ĐIỆN TỬ - VIỄN THÔNG	KINH	705-25
104	NGUYỄN CẢNH	TOÀN	NAM	19/04/1984	KON TUM	ĐH DƯỢC	KINH	705-25
105	NGUYỄN THANH	TOÀN	NAM	24/04/1992	BÌNH ĐỊNH	ĐH TOÁN - TIN HỌC	KINH	705-25
106	NGUYỄN VĂN	TOÀN	NAM	02/02/1983	HÀ NỘI	ĐH ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705-25
107	HUỲNH THỊ THÚY	TRANG	NỮ	26/03/1976	HỒ CHÍ MINH	ĐH TOÁN	KINH	705-25

108	LÊ MINH	TRANG	NỮ	26/05/1997	NGHỆ AN	ĐH KINH TẾ ĐỐI NGOẠI	KINH	705-25
109	NGUYỄN THỊ HỒNG	TRANG	NỮ	15/06/1987	KHÁNH HÒA	ĐH ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705-25
110	ĐINH THANH	TRÀ	NAM	04/05/1999	LÂM ĐỒNG	BÁC SỸ Y KHOA	KINH	705-25
111	LÊ ĐÌNH	TRI	NAM	15/06/1986	HÀ TĨNH	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
112	TRẦN MINH	TRÍ	NAM	24/08/1999	PHÚ YÊN	ĐH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	KINH	705-25
113	PHẠM VÕ TRỌNG	TRÍ	NAM	28/05/1997	KON TUM	KS KỸ THUẬT CƠ SỞ HẠ TẦNG	KINH	705-25
114	PHÙNG NHẬT	TRỌNG	NAM	05/10/1983	BÌNH ĐỊNH	ĐH VẬT LÝ	KINH	705-25
115	TRẦN QUANG	TRUNG	NAM	11/05/1995	ĐẮK LẮK	BÁC SỸ Y KHOA	KINH	705-25
116	LÊ QUANG	TUẤN	NAM	06/07/1997	THỪA THIÊN HUẾ	BS Y ĐA KHOA	KINH	705-25
117	NGUYỄN THỊ	TUYẾT	NỮ	22/04/1988	HÀ TĨNH	ĐH LUẬT KINH TẾ	KINH	705-25
118	PHAN THỊ	TUYẾT	NỮ	25/09/1992	ĐÀ NẴNG	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705-25
119	PHAN VĂN	TÚ	NAM	02/05/1985	NGHỆ AN	KS CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG	KINH	705-25
120	NGUYỄN VĂN	TƯỜNG	NAM	27/01/1981	NGHỆ AN	KS CƠ KHÍ CHẾ TẠO MÁY	KINH	705-25
121	LÊ THỊ PHƯƠNG	UYÊN	NỮ	14/05/1995	ĐÀ NẴNG	ĐH DƯỢC HỌC	KINH	705-25
122	BÙI THỊ THANH	VÂN	NỮ	16/08/1986	BÌNH ĐỊNH	ĐH GIÁO DỤC MẦM NON	KINH	705-25
123	NGÔ THỊ THÙY	VÂN	NỮ	10/05/1993	ĐẮK LẮK	BS Y ĐA KHOA	KINH	705-25
124	NGÔ THỊ TƯỜNG	VÂN	NỮ	31/05/1995	QUẢNG NGÃI	KS ĐỊA CHẤT HỌC	KINH	705-25
125	NGUYỄN KHẮC	VINH	NAM	26/03/1984	GIA LAI	KS CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	KINH	705-25
126	NGUYỄN PHÙNG XUÂN	VŨ	NAM	21/08/1998	ĐẮK LẮK	ĐH SP TOÁN	KINH	705-25
127	BÙI THANH	XUÂN	NAM	21/02/1990	HẢI DƯƠNG	ĐH XÉT NGHIỆM Y HỌC	KINH	705-25
128	TÔ ĐÌNH HƯƠNG	YRI	NỮ	02/03/1982	TÂY NINH	ĐH LUẬT HỌC	KINH	705-25
	G06							
129	HÀ MINH	ANH	NAM	02/11/1986	ĐÀ NẴNG	BS Y ĐA KHOA	KINH	705-25

130	LÊ NGỌC	ANH	NỮ	23/02/1999	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH KIỂM TOÁN	KINH	705-25
131	NGUYỄN ĐĂNG THÙY	ANH	NỮ	13/03/2000	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH DƯỢC SĨ	KINH	705-25
132	NGUYỄN TRẦN LÊ NỮ VÂN	ANH	NỮ	20/01/1979	THỪA THIÊN HUẾ	BS Y ĐA KHOA	KINH	705-25
133	NGUYỄN VĂN TUẤN	ANH	NAM	09/01/1992	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH GD QUỐC PHÒNG - AN NINH	KINH	705-25
134	NGUYỄN VĂN	CHIẾN	NAM	13/10/1985	THANH HÓA	ĐH SP ĐỊA LÝ	KINH	705-25
135	NGUYỄN HUY	CHUNG	NAM	30/08/1998	NGHỆ AN	BS Y ĐA KHOA	KINH	705-25
136	TRẦN VĂN QUỐC	CƯỜNG	NAM	09/10/1995	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH Y HỌC DỰ PHÒNG	KINH	705-25
137	ĐINH VIỆT BẢO	DUY	NAM	28/09/1999	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN - MÔI TRƯỜNG	KINH	705-25
138	TRẦN NGỌC	DƯƠNG	NAM	03/12/1978	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH LỊCH SỬ	KINH	705-25
139	LÊ CÔNG	DƯƠNG	NAM	10/03/1991	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH GD QUỐC PHÒNG - AN NINH	KINH	705-25
140	NGUYỄN THỊ THANH	ĐIỆP	NỮ	01/12/1991	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	KINH	705-25
141	TRẦN ĐÌNH	GIAI	NAM	16/01/1988	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH GD QUỐC PHÒNG - AN NINH	KINH	705-25
142	LÝ THANH TRƯỜNG	GIANG	NAM	04/06/1987	THỪA THIÊN HUẾ	BS Y ĐA KHOA	KINH	705-25
143	NGUYỄN NINH	GIANG	NAM	10/02/1986	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH TIN HỌC	KINH	705-25
144	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	NỮ	12/12/1982	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
145	TRẦN ANH	HÀ	NAM	22/06/1984	THỪA THIÊN HUẾ	KS XÂY DỰNG DÂN DỤNG - CÔNG NGHIỆP	KINH	705-25
146	TRẦN MINH	HẢI	NAM	25/07/1985	THỪA THIÊN HUẾ	KS ĐIỆN TỬ VỄN THÔNG	KINH	705-25
147	VÕ THANH	HẢI	NAM	05/01/1992	THỪA THIÊN HUẾ	BS Y ĐA KHOA	KINH	705-25
148	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	NỮ	27/01/1999	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH KIỂM TOÁN	KINH	705-25
149	ĐẶNG THỊ MINH	HIỀN	NỮ	09/07/1982	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH HOÁ HỌC	KINH	705-25
150	NGUYỄN THỊ	HOÀI	NỮ	05/05/1997	HÀ TĨNH	ĐH LUẬT	KINH	705-25
151	ĐẶNG CÔNG	HOÀNG	NAM	15/10/1995	NGHỆ AN	BS Y ĐA KHOA	KINH	705-25
152	NGUYỄN ĐỨC	HOÀNG	NAM	25/12/1998	ĐẮK LẮK	BS Y KHOA	KINH	705-25

153	NGÔ THỊ ÁNH	HÔNG	NỮ	09/10/1999	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH LUẬT	KINH	705-25
154	TRẦN THỊ THÚY	HÔNG	NỮ	08/11/1990	QUẢNG BÌNH	ĐH GD CHÍNH TRỊ - GD QUỐC PHÒNG	KINH	705-25
155	NGUYỄN HOÀNG DẠ	HỢP	NỮ	27/01/1990	THỪA THIÊN HUẾ	BS RĂNG HÀM MẶT	KINH	705-25
156	LÊ NGUYỄN ĐĂNG	HUY	NAM	21/02/1996	KHÁNH HÒA	ĐH SP VẬT LÝ	KINH	705-25
157	TRƯƠNG NGỌC	HUY	NAM	22/01/1998	ĐÀ NẴNG	BS Y KHOA	KINH	705-25
158	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	NỮ	15/11/1992	NGHỆ AN	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
159	TRẦN THỊ MỸ	HUYỀN	NỮ	29/05/1998	ĐẮK LẮK	ĐH Y TẾ CÔNG CỘNG	KINH	705-25
160	NGUYỄN TẤN	HÙNG	NAM	26/01/1986	ĐÀ NẴNG	BS ĐA KHOA	KINH	705-25
161	NGUYỄN THANH	HÙNG	NAM	07/10/1991	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH LUẬT	KINH	705-25
162	NGUYỄN ĐỨC	HUNG	NAM	19/01/1987	THỪA THIÊN HUẾ	BS Y ĐA KHOA	KINH	705-25
163	NGUYỄN THỊ MAI	HƯƠNG	NỮ	12/12/2000	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH SP NGỮ VĂN	KINH	705-25
164	PHẠM THỊ DIỄM	HƯƠNG	NỮ	18/09/1991	THỪA THIÊN HUẾ	BS Y ĐA KHOA	KINH	705-25
165	VÕ TRẦN VY	KHANH	NỮ	07/09/1998	ĐÀ NẴNG	BS Y KHOA	KINH	705-25
166	HỒ TĂNG NGUYỄN	KHÔI	NAM	27/06/2000	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP	KINH	705-25
167	CAO TRUNG	KIÊN	NAM	05/07/1980	QUẢNG BÌNH	KS CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN	KINH	705-25
168	TRẦN THỊ	KIỀU	NỮ	29/02/1992	QUẢNG NAM	KS ĐIỆN TỬ - VIỄN THÔNG	KINH	705-25
169	HUỲNH THỊ	LÀNH	NỮ	24/06/1998	QUẢNG NAM	ĐH SP VẬT LÝ	KINH	705-25
170	MAI THỊ XUÂN	LỆ	NỮ	10/10/1999	ĐẮK LẮK	BS Y KHOA	KINH	705-25
171	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	LINH	NỮ	07/05/1998	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH LUẬT KINH TẾ	KINH	705-25
172	NGUYỄN THÀNH	LONG	NAM	08/10/2000	ĐÀ NẴNG	ĐẠI HỌC LUẬT	KINH	705-25
173	PHAN DUY	MINH	NAM	21/12/1987	NINH THUẬN	ĐH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	KINH	705-25
174	PHẠM THỊ TY	NA	NỮ	04/02/1988	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH DƯỢC HỌC	KINH	705-25
175	HOÀNG THỊ TRÚC	NGA	NỮ	08/01/1988	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH SP HOÁ HỌC	KINH	705-25

176	ĐINH THỊ HỒNG	NGỌC	NỮ	21/01/1994	NGHỆ AN	BS Y ĐA KHOA	KINH	705-25
177	LÊ NỮ HẠNH	NGUYỄN	NỮ	19/08/1995	THỪA THIÊN HUẾ	BS Y KHOA	KINH	705-25
178	NGUYỄN THỊ	NGUYỆT	NỮ	14/10/1991	HÀ TĨNH	ĐH GD CHÍNH TRỊ - GD QUỐC PHÒNG	KINH	705-25
179	LÊ THỊ YẾN	NHI	NỮ	06/07/1998	THỪA THIÊN HUẾ	BS Y KHOA	KINH	705-25
180	NGUYỄN NGỌC	NHỎ	NAM	13/03/1996	QUẢNG TRỊ	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	KINH	705-25
181	CAO THỊ CẨM	NHUNG	NỮ	28/08/1992	QUẢNG BÌNH	ĐH DƯỢC	KINH	705-25
182	NGUYỄN THỊ KIM	OANH	NỮ	02/11/1985	NGHỆ AN	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
183	BÙI XUÂN	PHONG	NAM	25/07/1994	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	KINH	705-25
184	NGUYỄN THỊ VIỆT	PHÚC	NỮ	20/08/1997	QUẢNG NAM	KS CÔNG NGHỆ RAU HOA QUẢ & CQ	KINH	705-25
185	NGUYỄN HOÀNG	PHƯƠNG	NAM	09/09/1992	THỪA THIÊN HUẾ	BS Y ĐA KHOA	KINH	705-25
186	NGUYỄN NHẬT	PHƯƠNG	NỮ	27/11/1993	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	KINH	705-25
187	NGUYỄN THỊ LAN	PHƯƠNG	NỮ	07/08/1992	QUẢNG BÌNH	ĐH HỆ THỐNG THÔNG TIN KINH TẾ	KINH	705-25
188	TRẦN THỊ THANH	PHƯƠNG	NỮ	04/09/1998	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH SINH HỌC	KINH	705-25
189	NGÔ THỊ KIM	PHƯƠNG	NỮ	19/06/1983	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
190	DƯƠNG ANH	QUÂN	NAM	16/11/1970	NGHỆ AN	BS Y KHOA	KINH	705-25
191	CHÂU MẠNH	QUỲNH	NAM	01/11/1981	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH ĐỊA LÝ	KINH	705-25
192	LÊ THANH	SƠN	NAM	05/12/1979	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH SP VẬT LÝ	KINH	705-25
193	TRẦN THỊ THU	SƯƠNG	NỮ	24/08/1989	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH ĐIỀU DƯỠNG ĐA KHOA	KINH	705-25
194	LÊ ANH	TÀI	NAM	25/03/1983	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH ĐIỀU DƯỠNG ĐA KHOA	KINH	705-25
195	TRẦN THỊ MINH	TÂM	NỮ	08/06/1999	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH SP ĐỊA LÝ	KINH	705-25
196	CAO THỊ	THANH	NỮ	15/09/1999	NGHỆ AN	BS Y KHOA	KINH	705-25
197	LÊ NGUYỄN HUY	THÀNH	NAM	12/02/1996	THỪA THIÊN HUẾ	BS Y KHOA	KINH	705-25
198	NGUYỄN NGỌC	THÀNH	NAM	21/09/1987	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH THỂ CHẤT, GD QUỐC PHÒNG.	KINH	705-25

199	MAI THỊ PHƯƠNG	THẢO	NỮ	18/02/1982	QUẢNG TRỊ	ĐH Y TẾ CÔNG CỘNG	KINH	705-25
200	TRẦN THỊ MAI	THI	NỮ	24/09/1985	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH TIN HỌC	KINH	705-25
201	NGUYỄN THỊ KIM	THOA	NỮ	18/03/1974	QUẢNG NAM	ĐH TOÁN - TIN HỌC	KINH	705-25
202	PHAN TRUNG	THÔNG	NAM	08/08/1991	QUẢNG BÌNH	KS QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN RỪNG VÀ MT	KINH	705-25
203	NGUYỄN THỊ LỆ	THU	NỮ	30/06/1987	QUẢNG BÌNH	BS ĐA KHOA	KINH	705-25
204	BÙI THỊ THU	THỦY	NỮ	14/06/1999	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH LUẬT	KINH	705-25
205	NGUYỄN PHAN BÍCH	THỦY	NỮ	08/07/1999	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
206	ĐỖ ĐÌNH	THỰC	NAM	04/08/1997	KHÁNH HÒA	BS Y KHOA	KINH	705-25
207	NGUYỄN THỊ THANH	THƯƠNG	NỮ	01/10/1998	QUẢNG NAM	ĐH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	KINH	705-25
208	NGUYỄN ĐÌNH DUY	TÍN	NAM	01/09/1991	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH GIÁO DỤC - QUỐC PHÒNG - AN NINH	KINH	705-25
209	TRẦN TÂN	TÍNH	NAM	06/03/1995	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH TRÌNH SÁT AN NINH	KINH	705-25
210	LÊ QUÝ THÀNH	TOÀN	NAM	03/01/1996	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH XÉT NGHIỆM Y HỌC	KINH	705-25
211	TRẦN THỊ THÙY	TRANG	NỮ	11/04/1999	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	KINH	705-25
212	HỒ THỊ NGỌC	TRÂN	NỮ	09/07/1991	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
213	HỒ THỊ NGỌC	TRÂN	NỮ	05/05/2000	QUẢNG NAM	ĐH LUẬT	KINH	705-25
214	NGUYỄN THỊ XUÂN	TRINH	NỮ	17/11/1997	ĐÀ NẴNG	ĐH LUẬT KINH TẾ	KINH	705-25
215	NGUYỄN PHƯỚC ANH	TRÍ	NAM	01/03/1990	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH HỆ THỐNG THÔNG TIN KINH TẾ	KINH	705-25
216	LÊ	TRUNG	NAM	20/12/1994	THỪA THIÊN HUẾ	BS Y ĐA KHOA	KINH	705-25
217	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	NAM	30/06/1978	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH LUẬT	KINH	705-25
218	LÊ BÁ	TRƯỜNG	NAM	06/06/1997	THANH HÓA	ĐH LUẬT	KINH	705-25
219	ĐẶNG NGỌC CÔNG	TUẤN	NAM	20/05/1998	THỪA THIÊN HUẾ	BS Y KHOA	KINH	705-25
220	LÊ VĂN MINH	TUẤN	NAM	24/07/1989	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH SP TOÁN	KINH	705-25
221	TÔN THẮT	TUẤN	NAM	13/11/1987	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH SP KỸ THUẬT NÔNG LÂM	KINH	705-25

222	PHẠM PHƯỚC	TUYÊN	NAM	28/05/1990	ĐẮK LẮK	ĐH GD CHÍNH TRỊ - GD QUỐC PHÒNG	KINH	705-25
223	TRẦN THỊ	TUYẾT	NỮ	22/01/1991	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH LUẬT	KINH	705-25
224	PHAN NGUYỄN CẨM	TÚ	NỮ	26/05/1986	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705-25
225	VĂN THỊ HOÀI	TÚ	NỮ	03/10/2000	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH KHUYẾN NÔNG	KINH	705-25
226	LÊ THỊ HỒNG	VÂN	NỮ	25/12/1987	QUẢNG TRỊ	BS Y ĐA KHOA	KINH	705-25
227	VÕ ĐĂNG	VIỆT	NAM	01/01/1973	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH VẬT LÝ	KINH	705-25
228	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VY	NỮ	10/06/1993	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH LUẬT	KINH	705-25
	G13							
229	NGUYỄN TUẤN	ANH	NAM	30/03/1992	CỬU LONG	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705-25
230	NGUYỄN TUẤN	ANH	NAM	09/01/1991	ĐỒNG THÁP	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705-25
231	NGUYỄN NGỌC	BẢO	NAM	30/10/1974	HỒ CHÍ MINH	ĐH XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NN	KINH	705-25
232	NGUYỄN THỊ THANH	BÌNH	NỮ	03/08/1999	HỒ CHÍ MINH	ĐH LUẬT	KINH	705-25
233	TRẦN THỊ NGỌC	BÍCH	NỮ	01/02/1997	BÌNH DƯƠNG	ĐH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	KINH	705-25
234	TRẦN TUẤN	CẢNH	NAM	21/09/1996	VĨNH LONG	ĐH QUẢN LÝ GIÁO DỤC	KINH	705-25
235	TRƯƠNG NGUYỄN HỒNG	CHÂU	NỮ	28/10/1988	HỒ CHÍ MINH	ĐH ĐỒNG NAM Á HỌC	KINH	705-25
236	HUỲNH THỊ CẨM	CHI	NỮ	25/06/1988	HỒ CHÍ MINH	ĐH SP SINH HỌC	KINH	705-25
237	HOÀNG NGỌC	CHÍNH	NAM	02/11/1997	NGHỆ AN	BS Y KHOA	KINH	705-25
238	LÊ MINH	CÔNG	NAM	07/04/2000	NINH BÌNH	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
239	NGUYỄN THỊ	DIỄM	NỮ	09/11/1992	VŨNG TÀU	ĐH TOÁN - TIN HỌC	KINH	705-25
240	NGUYỄN THỊ HỒNG	DIỄM	NỮ	15/11/1993	LONG AN	ĐH SP TOÁN	KINH	705-25
241	NGUYỄN THANH	DUY	NAM	08/03/1994	TÂY NINH	KS CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CTXD	KINH	705-25
242	MAI HOÀNG	DƯƠNG	NAM	10/06/1990	QUẢNG BÌNH	BS Y ĐA KHOA	KINH	705-25
243	HOÀNG	ĐẠT	NAM	07/09/1993	BÌNH THUẬN	ĐH SP ĐỊA LÝ	KINH	705-25

244	NGUYỄN VĨNH	ĐẠT	NAM	21/03/1987	HỒ CHÍ MINH	ĐH TIN HỌC	KINH	705-25
245	PHAN QUỐC	ĐẠT	NAM	27/04/1998	BẾN TRE	KS CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	KINH	705-25
246	NGUYỄN HOÀNG HẢI	ĐĂNG	NAM	30/12/1981	KHÁNH HÒA	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	KINH	705-25
247	NGUYỄN NHẬT	ĐĂNG	NAM	24/01/1997	HỒ CHÍ MINH	ĐH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	KINH	705-25
248	MAI THUYẾT	ĐÌNH	NAM	09/10/1992	CÀ MAU	ĐH DƯỢC HỌC	KINH	705-25
249	TRẦN ANH	ĐỨC	NAM	27/01/1994	BẾN TRE	BS Y HỌC DỰ PHÒNG	KINH	705-25
250	CAO THỊ THU	HÀ	NỮ	10/08/1991	ĐỒNG NAI	ĐH VẬT LÝ	KINH	705-25
251	NGUYỄN THỊ	HÀ	NỮ	02/08/1988	THANH HÓA	ĐH SP LỊCH SỬ	KINH	705-25
252	TRẦN NGỌC	HẢI	NAM	06/01/2000	HỒ CHÍ MINH	ĐH SP ĐỊA LÝ	KINH	705-25
253	ĐOÀN THỊ	HẠNH	NỮ	20/10/1990	THANH HÓA	ĐH SP ĐỊA LÝ	KINH	705-25
254	TRẦN TUYẾT	HẠNH	NỮ	07/09/1981	THÁI BÌNH	ĐH QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN	KINH	705-25
255	TỔNG THÀNH	HẬU	NAM	12/08/1993	LONG AN	KS CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	KINH	705-25
256	PHAN THỊ ÁNH	HẰNG	NỮ	28/10/1989	GIA LAI	ĐH SP TIN HỌC	KINH	705-25
257	ĐỖ TRỌNG	HIỀN	NAM	17/01/1998	TIỀN GIANG	ĐH ĐỊA LÝ	KINH	705-25
258	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	NỮ	15/03/1983	HÀ NỘI	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	KINH	705-25
259	VÕ BÁ	HOÀNG	NAM	16/07/1993	NGHỆ AN	KS KỸ THUẬT CT GIAO THÔNG	KINH	705-25
260	TRẦN THỊ NHƯ	HÔNG	NỮ	12/09/1988	KON TUM	ĐH DƯỢC HỌC	KINH	705-25
261	NGUYỄN BÁ	HỘI	NAM	10/04/1984	PHÚ YÊN	ĐH ĐỊA LÝ MÔI TRƯỜNG	KINH	705-25
262	HOÀNG MẠNH	HUẾ	NAM	28/11/1990	HÀ NAM	ĐH SP ĐỊA LÝ	KINH	705-25
263	NGUYỄN THỊ	HUẾ	NỮ	24/03/1990	QUẢNG TRỊ	ĐH KHMT CÔNG NGHỆ SH VÀ MT	KINH	705-25
264	ĐÌNH HOÀNG	HUY	NAM	01/12/1998	ĐẮK LẮK	ĐH KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH THUỶ	KINH	705-25
265	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	NỮ	04/11/1984	HẢI DƯƠNG	ĐH GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ	KINH	705-25
266	LÊ THỊ DIỄM	HƯƠNG	NỮ	27/09/1985	ĐỒNG NAI	ĐH SP ĐỊA LÝ	KINH	705-25

267	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	NỮ	07/04/1984	VĨNH LONG	ĐH QUẢN TRỊ DU LỊCH- KHÁCH SẠN	KINH	705-25
268	NGUYỄN THỊ MAI	KHANH	NỮ	15/03/1984	HỒ CHÍ MINH	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705-25
269	LÊ NGỌC	KHÁNH	NỮ	03/03/1995	AN GIANG	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705-25
270	TRẦN QUANG	KHAI	NAM	05/11/2002	HỒ CHÍ MINH	ĐH KINH DOANH THƯƠNG MẠI	KINH	705-25
271	KHIÊU MAI	KHÔI	NỮ	21/10/1999	HỒ CHÍ MINH	BS Y KHOA	KINH	705-25
272	LÊ NGỌC	KHƯƠNG	NỮ	15/02/1999	AN GIANG	BS Y KHOA	KINH	705-25
273	NGUYỄN MINH	KIÊN	NAM	24/01/1999	BÌNH THUẬN	CN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	KINH	705-25
274	HUỖNH ANH	KIỆT	NAM	31/05/1996	HỒ CHÍ MINH	BS Y KHOA	KINH	705-25
275	NGUYỄN THẾ	KIỆT	NAM	01/09/1985	HỒ CHÍ MINH	ĐH LUẬT KINH TẾ	KINH	705-25
276	LŨ LÂM THIÊN	KIM	NỮ	25/11/1988	BÌNH THUẬN	ĐH SP TOÁN HỌC	KINH	705-25
277	ĐỖ THỊ TUYẾT	LAN	NỮ	16/12/1982	HỒ CHÍ MINH	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
278	HỒ THỊ	LIÊN	NỮ	10/05/1987	NGHỆ AN	KS KINH TẾ XÂY DỰNG	KINH	705-25
279	HỒ THỊ PHƯƠNG	LIÊN	NỮ	15/12/1978	HỒ CHÍ MINH	ĐH TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC	KINH	705-25
280	PHẠM THỊ	LIÊN	NỮ	10/02/1997	NAM ĐỊNH	ĐH SP NGŨ VẦN	KINH	705-25
281	VÕ THỊ BÍCH	LIÊN	NỮ	22/08/1982	BÌNH ĐỊNH	ĐH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	KINH	705-25
282	NGUYỄN THỊ THÚY	LIỄU	NỮ	02/02/1990	BẾN TRE	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	KINH	705-25
283	NGUYỄN TÂN	LINH	NAM	10/04/1999	HỒ CHÍ MINH	ĐH SP TOÁN HỌC	KINH	705-25
284	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	NỮ	29/10/1998	BẾN TRE	ĐH ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705-25
285	HỒ THỊ	LƯƠNG	NỮ	21/02/1985	QUẢNG TRỊ	ĐH SP TOÁN HỌC	KINH	705-25
286	HOÀNG THỊ	MAI	NỮ	11/12/1990	THANH HÓA	ĐH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	KINH	705-25
287	LƯƠNG TỎ	MANH	NỮ	26/09/1992	HỒ CHÍ MINH	ĐH SP TOÁN HỌC	HOA (HÁN)	705-25
288	NGUYỄN THỊ	MANH	NỮ	05/01/1987	THANH HÓA	ĐH SP ĐỊA LÝ	KINH	705-25
289	TRẦN THỊ	MÉN	NỮ	20/11/1986	BÌNH ĐỊNH	ĐH HÀNH CHÍNH HỌC	KINH	705-25

290	DƯƠNG QUANG	MINH	NAM	19/11/2000	TRÀ VINH	ĐH GIÁO DỤC THỂ CHẤT	KINH	705-25
291	TRẦN NGỌC	MINH	NAM	13/03/1998	KHÁNH HÒA	BS Y KHOA	KINH	705-25
292	VÕ THỊ NHƯ	MUỘI	NỮ	01/01/2000	BẾN TRE	ĐH NGÔN NGỮ NHẬT	KINH	705-25
293	TRẦN HUỖNH	MY	NỮ	28/08/1989	ĐỒNG THÁP	ĐH SP HOÁ HỌC	KINH	705-25
294	NGUYỄN THÀNH	NAM	NAM	04/08/1995	ĐỒNG THÁP	ĐH VIỆT NAM HỌC	KINH	705-25
295	NGUYỄN THỊ	NGA	NỮ	17/09/1990	NGHỆ AN	ĐH GIÁO DỤC MÀM NON	KINH	705-25
296	HOÀNG THỊ	NGÀ	NỮ	10/10/1991	QUẢNG BÌNH	ĐH VĂN HỌC	KINH	705-25
297	LÊ THỊ KIM	NGÂN	NỮ	30/05/2000	HỒ CHÍ MINH	ĐH ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705-25
298	LƯƠNG HOÀNG	NGHĨA	NAM	19/02/1982	HỒ CHÍ MINH	ĐH SP LỊCH SỬ	KINH	705-25
299	NGUYỄN THỊ	NGOAN	NỮ	23/09/1995	AN GIANG	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
300	NGUYỄN THỊ THANH	NGOAN	NỮ	10/12/1993	BÌNH PHƯỚC	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
301	PHAN THỊ BÍCH	NGỌC	NỮ	18/02/1990	HỒ CHÍ MINH	ĐH SP NGỮ VĂN	KINH	705-25
302	HOÀNG THỊ	NGUYỆT	NỮ	01/05/1981	THANH HÓA	ĐH XÃ HỘI HỌC	KINH	705-25
303	PHẠM VŨ ÁNH	NGUYỆT	NỮ	15/05/1995	HỒ CHÍ MINH	ĐH ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705-25
304	LÊ THỊ Ý	NHI	NỮ	03/03/1994	BÌNH ĐỊNH	ĐH KINH TẾ QUỐC TẾ	KINH	705-25
305	THẠCH THỊ HOÀNG	NHI	NỮ	02/05/1995	NINH THUẬN	BÁC SỸ Y KHOA	CHĂM	705-25
306	TRẦN HẠNH	NHU	NỮ	08/01/1986	HỒ CHÍ MINH	ĐH TIN HỌC	KINH	705-25
307	NGÔ THỊ	NHUNG	NỮ	08/03/1987	THANH HÓA	ĐH SP ĐỊA LÝ	KINH	705-25
308	NGUYỄN PHƯƠNG	OANH	NỮ	04/07/1997	NINH BÌNH	ĐH SP ĐỊA LÝ	KINH	705-25
309	KIỀU THANH	PHONG	NAM	19/07/1996	NINH THUẬN	BÁC SỸ Y KHOA	CHĂM	705-25
310	ĐỖ NAM	PHÚ	NAM	16/12/2001	NGHỆ AN	ĐH KINH DOANH QUỐC TẾ	KINH	705-25
311	PHAN HOÀNG	PHÚC	NAM	23/05/1992	HỒ CHÍ MINH	ĐH TOÁN - TIN HỌC	KINH	705-25
312	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	NỮ	24/09/1997	NGHỆ AN	ĐH SP NGỮ VĂN	KINH	705-25

313	NGUYỄN NHÃ	QUYÊN	NỮ	16/05/1995	LONG AN	ĐH SP NGỮ VĂN	KINH	705-25
314	NGUYỄN HUY	QUYÊN	NAM	14/07/1985	CÀ MAU	ĐH TÀI CHÍNH - TÍN DỤNG	KINH	705-25
315	DƯƠNG NGỌC NHƯ	QUỖNH	NỮ	22/10/1997	ĐỒNG NAI	ĐH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	KINH	705-25
316	TRẦN TRÚC	QUỖNH	NỮ	15/02/1982	BẾN TRE	ĐH GIÁO DỤC MẦM NON	KINH	705-25
317	ĐINH THỊ KIM	QUÝ	NỮ	04/04/1987	BẮC THÁI	ĐH SP HOÁ HỌC	KINH	705-25
318	HOÀNG THỊ MINH	SEN	NỮ	09/08/1983	HÀ TĨNH	ĐH LUẬT HỌC	KINH	705-25
319	DƯƠNG THỊ	SINH	NỮ	04/02/1985	HÀ TĨNH	ĐH NGỮ VĂN	KINH	705-25
320	TRẦN NGỌC ANH	TÂN	NAM	09/02/1979	BẾN TRE	ĐH SP VẬT LÝ	KINH	705-25
321	HOÀNG THỊ	THANH	NỮ	01/10/1992	HÀ TĨNH	ĐH SP ĐỊA LÝ	KINH	705-25
322	MAI THẾ	THÀNH	NAM	10/06/1989	THANH HÓA	ĐH SP LỊCH SỬ	KINH	705-25
323	NGUYỄN QUANG	THÁI	NAM	08/01/1993	QUẢNG TRỊ	ĐH SP ĐỊA LÝ	KINH	705-25
324	LƯU THANH	THẢO	NAM	09/08/1995	CÀ MAU	ĐH SP NGỮ VĂN	KINH	705-25
325	QUANG QUỐC	THẢO	NAM	13/08/1990	HỒ CHÍ MINH	KS CÔNG NGHIỆP	KINH	705-25
326	NGUYỄN THỊ HỒNG	THÊU	NỮ	12/10/1999	HỒ CHÍ MINH	ĐH SP ĐỊA LÝ	KINH	705-25
327	NGUYỄN TÂN	THỊNH	NAM	10/12/1998	PHÚ YÊN	KS KỸ THUẬT XÂY DỰNG	KINH	705-25
328	HỒ THỊ	THU	NỮ	02/09/1985	BÌNH DƯƠNG	ĐH MỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP	KINH	705-25
329	DƯƠNG NGỌC	THUẬN	NỮ	19/02/1991	TÂY NINH	ĐH SP ĐỊA LÝ	KINH	705-25
330	HUỖNH THỊ MINH	THÙY	NỮ	11/01/1987	HỒ CHÍ MINH	ĐH SP ĐỊA LÝ	KINH	705-25
331	PHẠM THỊ	THÙY	NỮ	23/03/1992	THÁI BÌNH	ĐH SP NGỮ VĂN	KINH	705-25
332	LA MỘNG	THÚY	NỮ	18/09/1984	TIỀN GIANG	ĐH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC	KINH	705-25
333	LÊ THỊ THANH	THÚY	NỮ	01/06/1987	QUẢNG TRỊ	KS KINH TẾ XÂY DỰNG	KINH	705-25
334	NGUYỄN THỊ THU	THÚY	NỮ	08/02/1987	HỒ CHÍ MINH	ĐH ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705-25
335	TRẦN THỊ THANH	THÚY	NỮ	20/11/1985	HỒ CHÍ MINH	ĐH SP ĐỊA LÝ	KINH	705-25

336	HOÀNG THỊ	THỦY	NỮ	10/11/1980	THANH HÓA	ĐH SP ĐỊA LÝ	KINH	705-25
337	PHẠM TRẦN ANH	THU	NỮ	25/05/1999	HỒ CHÍ MINH	BÁC SỸ Y KHOA	KINH	705-25
338	ĐỖ THỊ THANH	THƯƠNG	NỮ	12/03/1981	THÁI BÌNH	ĐH SP ĐỊA LÝ	KINH	705-25
339	TRƯƠNG VĨNH BẢO	THY	NỮ	02/04/1990	HỒ CHÍ MINH	ĐH SP ĐỊA LÝ	KINH	705-25
340	NGUYỄN VĂN	TOÀN	NAM	26/03/1996	ĐỒNG THÁP	ĐH ĐỊA LÝ KINH TẾ & PT VÙNG	KINH	705-25
341	ĐỖ THỊ PHƯƠNG	TRANG	NỮ	09/06/1981	HỒ CHÍ MINH	ĐH KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP	KINH	705-25
342	HỒ THỊ	TRANG	NỮ	10/08/1995	HÀ TĨNH	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705-25
343	NGÔ THỊ HOÀI	TRANG	NỮ	03/12/1977	KHÁNH HÒA	ĐH TIN HỌC	KINH	705-25
344	NGUYỄN THỊ HỒNG	TRANG	NỮ	17/03/2000	HỒ CHÍ MINH	ĐH GIÁO DỤC THỂ CHẤT	KINH	705-25
345	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	NỮ	02/06/1988	HỒ CHÍ MINH	ĐH ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705-25
346	NGUYỄN THỊ MỸ	TRANG	NỮ	24/09/1982	HỒ CHÍ MINH	ĐH SP ÂM NHẠC	KINH	705-25
347	VÕ THỊ THANH	TRÀ	NỮ	03/01/1981	TÂY NINH	ĐH ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705-25
348	HỒ NGỌC	TRÂM	NỮ	16/01/1997	HỒ CHÍ MINH	ĐH ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705-25
349	PHAN THỊ MỸ	TRINH	NỮ	07/07/1996	HỒ CHÍ MINH	ĐH ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705-25
350	TRẦN MINH	TRỌNG	NAM	21/10/1997	TÂY NINH	ĐH VĂN HỌC	KINH	705-25
351	NINH CÔNG	TUẤN	NAM	11/01/1984	NINH BÌNH	ĐH TOÁN HỌC	KINH	705-25
352	TRẦN DUY	TUẤN	NAM	16/04/1980	BÌNH ĐỊNH	ĐH XÂY DỰNG DÂN & DỤNG CÔNG NGHIỆP	KINH	705-25
353	NGUYỄN TRẦN TỐ	UYÊN	NỮ	20/02/1995	NINH THUẬN	ĐH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	KINH	705-25
354	QUAN VĂN	ÚT	NAM	29/08/1989	BẠC LIÊU	ĐH SP ĐỊA LÝ	KINH	705-25
355	MAI THỊ CẨM	VÂN	NỮ	24/03/1981	HỒ CHÍ MINH	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
356	PHẠM THỊ HỒNG	VÂN	NỮ	14/11/1979	HÀ TĨNH	ĐH KINH TẾ LUẬT	KINH	705-25
357	LÊ THỊ TUỜNG	VI	NỮ	03/09/1984	BÀ RỊA - VŨNG TÀU	ĐH QUẢN TRỊ DU LỊCH	KINH	705-25
358	NGÔ NGỌC	VIỆT	NAM	14/08/1985	THANH HÓA	ĐH SP LỊCH SỬ	KINH	705-25

359	NGUYỄN TUẤN	VIỆT	NAM	19/04/1989	LONG AN	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705-25
360	TRẦN QUỐC	VIỆT	NAM	19/05/1987	TUYÊN QUANG	ĐH SP ÂM NHẠC	KINH	705-25
361	NGUYỄN THANH	VŨ	NAM	21/01/1998	TIỀN GIANG	KS KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH THUỶ	KINH	705-25
362	VÕ MINH	VƯƠNG	NAM	12/12/1993	QUẢNG NGÃI	ĐH KINH TẾ ĐỐI NGOẠI	KINH	705-25
363	NGUYỄN HUỲNH THẢO	VY	NỮ	19/10/1998	HỒ CHÍ MINH	ĐH DƯỢC SĨ	KINH	705-25
364	ĐINH THỊ KIM	XUÂN	NỮ	30/12/1984	HỒ CHÍ MINH	ĐH LUẬT	KINH	705-25
365	ĐẶNG THỊ NGỌC	Y	NỮ	03/09/1987	HỒ CHÍ MINH	ĐH SP HOÁ HỌC	KINH	705-25
366	PHAN KIM	YÊN	NỮ	15/11/1982	VĨNH LONG	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705-25
	G28							
367	KIỀU DUY	ANH	NAM	26/07/1992	VĨNH PHÚC	BS ĐA KHOA	KINH	705-25
368	NGUYỄN VIỆT	ANH	NAM	22/06/1998	SƠN LA	BÁC SỸ Y KHOA	KINH	705-25
369	TRỊNH TUẤN	ANH	NAM	19/01/1992	HẢI PHÒNG	KS KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ, TRUYỀN THÔNG.	KINH	705-25
370	VŨ THỊ TRUNG	ANH	NỮ	14/10/1995	NAM ĐỊNH	BÁC SỸ ĐA KHOA	KINH	705-25
371	NGUYỄN ĐỨC	DUY	NAM	09/10/1997	LAI CHÂU	ĐH TÂM LÝ GIÁO DỤC	KINH	705-25
372	NGÔ VĂN	ĐẶNG	NAM	21/01/1992	NINH BÌNH	ĐH ĐIỀU TRA HÌNH SỰ	KINH	705-25
373	TRƯƠNG LẬP	ĐÔNG	NAM	17/11/1996	QUẢNG NINH	KS KỸ THUẬT TUYẾN KHOÁNG	SÁN DÌU	705-25
374	ĐẶNG VĂN	ĐỨC	NAM	03/03/1999	NAM ĐỊNH	ĐH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC	KINH	705-25
375	ĐOÀN THỊ	GIANG	NỮ	12/06/1986	NAM ĐỊNH	ĐH LUẬT	KINH	705-25
376	NGUYỄN HOÀNG	GIANG	NAM	22/04/1991	BẮC GIANG	BS ĐA KHOA	KINH	705-25
377	NGUYỄN TRUNG	GIANG	NAM	29/07/1987	HÀ NỘI	ĐH Y TẾ CÔNG CỘNG	KINH	705-25
378	NGUYỄN PHƯƠNG	HÀ	NỮ	10/10/1996	NGHỆ AN	BÁC SỸ Y KHOA	KINH	705-25
379	ĐINH CÔNG	HẢI	NAM	18/02/1980	NAM ĐỊNH	ĐH PIANO	KINH	705-25
380	VŨ QUANG	HẢI	NAM	07/03/1989	THÁI BÌNH	BS Y HỌC DỰ PHÒNG	KINH	705-25

381	NGUYỄN THỊ HẠNH	NỮ	30/04/1995	THANH HÓA	BS Y ĐA KHOA	KINH	705-25
382	NGUYỄN THỊ THU HẬU	NỮ	03/09/1986	VĨNH PHÚ	BS ĐA KHOA	KINH	705-25
383	DƯƠNG THỊ THÚY HẰNG	NỮ	11/04/2000	NGHỆ AN	ĐH DƯỢC SĨ	KINH	705-25
384	ĐỖ THỊ HẰNG	NỮ	21/11/1994	LÂM ĐỒNG	ĐH SP TOÁN HỌC	KINH	705-25
385	PHÙNG THỊ HẰNG	NỮ	18/06/1995	HÀ NỘI	ĐH SP LỊCH SỬ	KINH	705-25
386	VƯƠNG THỊ THÚY HẰNG	NỮ	24/01/1978	NGHỆ AN	ĐH SP KỸ THUẬT	KINH	705-25
387	ĐINH XUÂN HIẾU	NAM	13/08/1989	THÁI BÌNH	BS ĐA KHOA	KINH	705-25
388	NGUYỄN THANH HIẾU	NỮ	17/03/1984	HÀ NỘI	BS Y KHOA	KINH	705-25
389	PHẠM MINH HIẾU	NAM	24/11/1998	NAM ĐỊNH	ĐH GD QUỐC PHÒNG - AN NINH	KINH	705-25
390	NGUYỄN THỊ HIỆP	NỮ	22/02/1987	NGHỆ AN	BS ĐA KHOA	KINH	705-25
391	VŨ ĐÌNH HIỆP	NAM	06/09/1988	THÁI BÌNH	ĐH XÉT NGHIỆM Y HỌC	KINH	705-25
392	PHÙNG THỊ HOA	NỮ	02/11/1986	HẢI DƯƠNG	KS CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	KINH	705-25
393	NGUYỄN HUY HOÀNG	NAM	16/02/1991	BẮC GIANG	KS CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	KINH	705-25
394	NINH THỊ THU HỒNG	NỮ	01/10/1984	HẢI DƯƠNG	ĐH GIÁO DỤC MẦM NON	KINH	705-25
395	ĐỖ LƯU GIA HUY	NAM	03/12/1999	NAM ĐỊNH	BS Y HỌC DỰ PHÒNG	KINH	705-25
396	BÙI THỊ THU HUYỀN	NỮ	04/06/1980	HOÀ BÌNH	ĐH BÁO TRUYỀN HÌNH	MƯỜNG	705-25
397	NGUYỄN THU HUYỀN	NỮ	28/12/1985	QUẢNG NINH	BS ĐA KHOA	KINH	705-25
398	NGUYỄN DUY HÙNG	NAM	18/08/1992	THANH HÓA	ĐH DƯỢC SĨ	KINH	705-25
399	NGUYỄN QUANG HÙNG	NAM	16/03/1982	THÁI BÌNH	KS ĐIỆN TỬ ĐỘNG HOÁ XNCN	KINH	705-25
400	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	NỮ	20/10/1993	HẢI DƯƠNG	KS ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG	KINH	705-25
401	NGUYỄN THU HƯƠNG	NỮ	27/09/1988	NINH BÌNH	KS CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	KINH	705-25
402	VŨ THU HƯƠNG	NỮ	18/11/1992	TUYÊN QUANG	BS ĐA KHOA	KINH	705-25
403	BÙI THỊ MỸ LỆ	NỮ	20/08/1985	HÀ TĨNH	BS Y KHOA	KINH	705-25

404	LƯƠNG THỊ	LIÊN	NỮ	28/03/1990	NAM ĐỊNH	ĐH SP SINH HỌC	KINH	705-25
405	NGUYỄN THỊ	LINH	NỮ	26/02/1997	HÀ NỘI	BS Y ĐA KHOA	KINH	705-25
406	PHAN TÙNG	LĨNH	NAM	12/04/1971	HÀ NỘI	BS ĐA KHOA	KINH	705-25
407	TÔ THỊ	LOAN	NỮ	06/11/1994	NINH BÌNH	ĐH BÁC SỸ Y KHOA	KINH	705-25
408	NGUYỄN KHÁNH	LY	NỮ	18/04/1998	THÁI NGUYÊN	BS ĐA KHOA	KINH	705-25
409	NGUYỄN THỊ CẨM	LY	NỮ	29/08/1999	QUẢNG NINH	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705-25
410	ĐẶNG THỊ	MAI	NỮ	20/05/1994	HÀ NỘI	BS Y ĐA KHOA	KINH	705-25
411	PHẠM NGỌC	MỸ	NỮ	05/11/2002	HÀ NỘI	ĐH TÀI CHÍNH CÔNG	KINH	705-25
412	PHÙNG HÀ	NAM	NAM	16/09/1996	HÀ NỘI	BS Y ĐA KHOA	KINH	705-25
413	HOÀNG THỊ HẰNG	NGA	NỮ	15/06/1994	THANH HÓA	BS Y ĐA KHOA	KINH	705-25
414	THÁI THỊ	NGA	NỮ	25/03/1983	HÀ NỘI	BS ĐA KHOA	KINH	705-25
415	TRẦN QUỲNH	NGA	NỮ	26/08/1997	PHÚ THO	KS KHÍ TƯỢNG VÀ KHÍ HẬU HỌC	KINH	705-25
416	ĐÀO THỊ	NGOAN	NỮ	23/01/1987	HẢI DƯƠNG	ĐH GIÁO DỤC MẦM NON	KINH	705-25
417	TRẦN VĂN	NGỌC	NAM	05/06/1991	NAM ĐỊNH	BS Y KHOA	KINH	705-25
418	LÊ THỊ MINH	NGUYỆT	NỮ	01/06/1998	CAO BẰNG	KS QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG BAY	KINH	705-25
419	NGUYỄN VĂN	NHÂN	NAM	16/05/1978	BẮC NINH	BS Y KHOA	KINH	705-25
420	ĐOÀN HỮU	NHỰ	NAM	23/03/1993	NAM ĐỊNH	KS KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ	KINH	705-25
421	TRẦN THỊ KIỀU	OANH	NỮ	26/10/1996	CAO BẰNG	BS Y KHOA	NÙNG	705-25
422	LƯƠNG THỊ MINH	PHƯƠNG	NỮ	11/03/1978	HÀ NỘI	BÁC SỸ Y ĐA KHOA	TÂY	705-25
423	PHAN NHẬT	QUANG	NAM	06/09/1994	HÀ NỘI	BÁC SỸ ĐA KHOA	KINH	705-25
424	VŨ TIẾN	QUANG	NAM	16/03/1999	HÀ NỘI	BÁC SỸ Y KHOA	KINH	705-25
425	HOÀNG TRƯỜNG	SƠN	NAM	30/10/1987	THANH HÓA	ĐH Y KHOA	KINH	705-25
426	LÝ HUY	SƠN	NAM	31/07/1985	HÀ NAM	BS ĐA KHOA	KINH	705-25

427	TRẦN TIẾN	THÀNH	NAM	22/03/2000	NAM ĐỊNH	ĐH PIANO	KINH	705-25
428	VŨ ĐỨC	THÀNH	NAM	18/01/1984	HẢI PHÒNG	ĐH TIN HỌC	KINH	705-25
429	LÊ VINH	THÁI	NAM	13/04/1997	THANH HÓA	BS Y ĐA KHOA	KINH	705-25
430	CHU THỊ HƯƠNG	THẢO	NỮ	03/05/1990	HÒA BÌNH	ĐH GIÁO DỤC MẦM NON	MUỖNG	705-25
431	HỒ THỊ	THẢO	NỮ	05/11/1994	NGHỆ AN	BS ĐA KHOA	KINH	705-25
432	XA VĂN	THẮNG	NAM	09/03/1984	HOÀ BÌNH	ĐH GIÁO DỤC CÔNG DÂN	MUỖNG	705-25
433	NGUYỄN THỊ BẢO	THOÀ	NỮ	10/09/1986	HÀ TĨNH	BÁC SỸ ĐA KHOA	KINH	705-25
434	NGUYỄN MINH	THU	NỮ	22/06/1997	THÁI BÌNH	ĐH SP ĐỊA LÝ	KINH	705-25
435	HOÀNG THỊ	THÙY	NỮ	16/05/1988	THANH HÓA	BS ĐA KHOA	KINH	705-25
436	NGUYỄN MINH	THÙY	NỮ	30/08/1986	HẢI DƯƠNG	BS ĐA KHOA	KINH	705-25
437	TRẦN THỊ	THÚY	NỮ	21/10/1993	HÀ NỘI	BS ĐA KHOA	KINH	705-25
438	NGUYỄN THỊ THU	THỦY	NỮ	05/12/1988	NINH BÌNH	BS Y ĐA KHOA	KINH	705-25
439	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	NỮ	14/12/1995	HÀ NỘI	BS Y ĐA KHOA	KINH	705-25
440	NGUYỄN THỦY	TIÊN	NỮ	28/10/1999	HẢI PHÒNG	BS Y KHOA	KINH	705-25
441	NGUYỄN HUY	TIẾN	NAM	18/10/1993	HÀ NỘI	BS Y ĐA KHOA	KINH	705-25
442	ĐÀO THỊ THU	TRANG	NỮ	24/07/1988	KHÁNH HÒA	ĐH GIÁO DỤC MẦM NON	KINH	705-25
443	ĐẶNG THỊ	TRANG	NỮ	22/07/1987	THANH HÓA	BS ĐA KHOA	MUỖNG	705-25
444	ĐỖ QUỲNH	TRANG	NỮ	18/11/1987	HUNG YÊN	BS ĐA KHOA	KINH	705-25
445	PHẠM DIỆU	TRANG	NỮ	10/02/1984	HÀ NỘI	BS ĐA KHOA	KINH	705-25
446	PHẠM THỊ HUYỀN	TRANG	NỮ	15/03/1990	NAM ĐỊNH	ĐH SP HOÁ HỌC	KINH	705-25
447	ĐÀM QUANG	TRUNG	NAM	12/06/1988	HÀ NỘI	BS HỌC VIỆN QUÂN Y	KINH	705-25
448	ĐẶNG NGỌC	TUYẾN	NAM	15/09/1986	THÁI BÌNH	BS ĐA KHOA	KINH	705-25
449	NGUYỄN THANH	XUÂN	NỮ	25/05/1995	QUẢNG NINH	KS KINH TẾ VẬN TẢI	KINH	705-25



450	NGUYỄN HẢI	YÊN	NỮ	29/08/1996	HÀ NỘI	ĐH SP ÂM NHẠC	KINH	705-25
	G08							
451	LÊ THỊ	LÀNH	NỮ	17/06/1992	ĐÀ NẴNG	ĐH SP ĐỊA LÝ	KINH	705-25
452	TRƯƠNG VĂN	LƯƠNG	NAM	22/10/1998	QUẢNG BÌNH	ĐH SP ĐỊA LÝ	KINH	705-25
453	TRẦN THỊ THU	THỦY	NỮ	18/09/1997	ĐÀ NẴNG	ĐH SP TOÁN HỌC	KINH	705-25
454	NGUYỄN TRƯỜNG	TRUNG	NAM	20/04/1998	QUẢNG NAM	ĐH SP ĐỊA LÝ	KINH	705-25
455	VÕ THỊ THANH	TUYÊN	NỮ	18/05/1996	QUẢNG NAM	ĐH SP NGỮ VĂN	KINH	705-25
456	NGUYỄN QUANG	VINH	NAM	14/06/1995	BÌNH ĐỊNH	ĐH SP ĐỊA LÝ	KINH	705-25
457	NGUYỄN THỊ HOÀNG	VŨ	NỮ	22/01/1990	ĐÀ NẴNG	ĐH SP LỊCH SỬ	KINH	705-25
458	NGUYỄN THỊ CẨM	VY	NỮ	01/11/1990	ĐÀ NẴNG	ĐH SP ĐỊA LÝ	KINH	705-25

Danh sách này có: 523 sinh viên

CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

CÁN BỘ KIỂM TRA

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT

Tạm Quốc Tiến

Võ Đình Lâm

DM



Nguyễn Hoàng Sơn

25

25

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2024
TẠI TRUNG TÂM GDNN GDTX QUẬN HÀ ĐÔNG - NHẬP HỌC: 05/01/2024

Kèm theo Quyết định số 56.../QĐ-VĐTMCNTT ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Văn bằng	Dân tộc	Ngành - TGĐT
	NGÀNH LUẬT						
	THỜI GIAN ĐÀO TẠO 2.5 NĂM						
1	HOÀNG THỊ THANH	CHÂM	NỮ	27/08/1990	HÒA BÌNH	ĐH HÀNH CHÍNH HỌC	MƯỜNG 503-25
2	DƯƠNG VIỆT	DỪNG	NAM	13/03/1981	HÀ NỘI	ĐH CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ - VIỄN THÔNG	KINH 503-25
3	ĐÀO MINH	ĐỨC	NAM	23/07/1986	HÀ NỘI	ĐH CHÍNH TRỊ HỌC	KINH 503-25
4	NGUYỄN THANH	LÃI	NAM	01/10/1984	HÀ NỘI	KS QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	KINH 503-25
5	ĐẶNG THUY	LINH	NỮ	20/10/1989	HÀ NỘI	ĐH CÔNG TÁC XÃ HỘI	KINH 503-25
6	TRẦN THỊ MỸ	LINH	NỮ	26/10/1981	HÀ NỘI	ĐH GIÁO DỤC THỂ CHẤT	KINH 503-25
7	ĐẶNG HOÀNG	LONG	NAM	08/02/1976	HÀ TÂY	ĐH KẾ TOÁN	KINH 503-25
8	LÊ THỊ HẢI	LÝ	NỮ	20/09/1988	HÀ NỘI	KS THUỶ VĂN - MÔI TRƯỜNG	KINH 503-25
9	NGUYỄN VINH	NGUYỄN	NAM	04/01/1984	HÀ NỘI	ĐH CÔNG TRÌNH THỦY LỢI	KINH 503-25
10	NGUYỄN THỊ MAI	PHƯƠNG	NỮ	10/11/1986	HÀ NỘI	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH 503-25
11	LÊ TRUNG	TUYẾN	NAM	22/03/1996	HÀ NỘI	ĐH NGÔN NGỮ ANH (ANH NHẬT)	KINH 503-25
	THỜI GIAN ĐÀO TẠO 3 NĂM						
1	NGUYỄN THU	HƯỜNG	NỮ	25/03/1994	HÀ NỘI	CĐ DỊCH VỤ PHÁP LÝ + THPT	KINH 503-30
	THỜI GIAN ĐÀO TẠO 4.5 NĂM						
1	NGÔ TRUNG	CAO	NAM	26/11/1993	HÀ NỘI	THPT	KINH 503-45



2	LÊ THỊ HỒNG	NGỌC	NỮ	02/09/1987	HÀ NỘI	THPT	KINH	503-45
3	LÊ VŨ ĐỨC	THIỆN	NAM	21/08/2005	HÀ TÂY	THPT	KINH	503-45
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH								
THỜI GIAN ĐÀO TẠO 2.5 NĂM								
1	TRẦN THỰC	ANH	NỮ	20/10/2001	HÀ NỘI	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705-25
2	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	NAM	05/08/1988	HÀ NỘI	ĐH XÂY DỰNG ĐANG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC	KINH	705-25

Danh sách này có: 17 sinh viên

CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

ƯN

Nguyễn Thị Thu Hiền

CÁN BỘ KIỂM TRA

Mano

Võ Đình Lâm

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT

DM



Nguyễn Hoàng Sơn

23

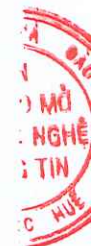
DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2024
TẠI TRUNG TÂM GDTX TỈNH NGHỆ AN - NHẬP HỌC: 05/01/2024

Kèm theo Quyết định số 56/QĐ-VĐTMCNTT ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Văn bằng	Dân tộc	Ngành - TGĐT
	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH						
	THỜI GIAN ĐÀO TẠO 2.5 NĂM						
1	TRẦN THỊ THÚY AN	NỮ	12/09/1990	NGHỆ AN	ĐH SƯ PHẠM VẬT LÝ	KINH	705-25
2	NGUYỄN HOÀNG TRÂM ANH	NỮ	02/11/2000	NGHỆ AN	ĐH LUẬT	KINH	705-25
3	TÔN LƯƠNG BẢO	NAM	07/02/2001	NGHỆ AN	ĐH LUẬT	KINH	705-25
4	HOÀNG THỊ NGỌC CẨM	NỮ	18/12/1997	NGHỆ AN	BÁC SỸ Y HỌC CỔ TRUYỀN	KINH	705-25
5	LÊ ĐĂNG CƯỜNG	NAM	27/12/1991	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y HỌC CỔ TRUYỀN	KINH	705-25
6	NGUYỄN TIỀN DŨNG	NAM	25/08/1998	NGHỆ AN	BÁC SỸ Y KHOA	KINH	705-25
7	TRẦN ĐÌNH DŨNG	NAM	27/12/1990	NGHỆ AN	KỸ SƯ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	KINH	705-25
8	TRẦN THỊ NGỌC GIANG	NỮ	02/04/1983	HÀ TĨNH	ĐẠI HỌC KINH TẾ	KINH	705-25
9	PHAN THỊ HẰNG	NỮ	09/06/1997	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705-25
10	TRẦN THỊ HẰNG	NỮ	13/05/1996	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705-25
11	TRẦN THỊ HOA	NỮ	10/05/1989	NAM ĐỊNH	ĐH DU LỊCH	KINH	705-25
12	NGUYỄN THỊ HOÀI	NỮ	28/09/1995	HÀ TĨNH	BÁC SỸ Y HỌC DỰ PHÒNG	KINH	705-25
13	NGUYỄN THỊ THU HOÀI	NỮ	16/01/1998	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y HỌC CỔ TRUYỀN	KINH	705-25
14	BÙI VIỆT HOÀNG	NAM	20/11/1992	NGHỆ AN	KỸ SƯ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY&CỨU HỘ CỨU NẠN	KINH	705-25
15	NGUYỄN THỊ HỢP	NỮ	03/11/1990	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705-25
16	HOÀNG DANH HUY	NAM	05/12/1996	NGHỆ AN	ĐH KHÍ TƯỢNG HỌC	KINH	705-25
17	BÙI THỊ MỸ HUYỀN	NỮ	31/07/1998	NGHỆ AN	BÁC SỸ Y HỌC CỔ TRUYỀN	KINH	705-25



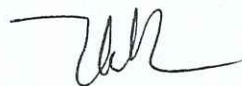
18	NGŨ KHÁNH	HUYỀN	NỮ	20/10/2000	NGHỆ AN	ĐH ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705-25
19	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	NỮ	12/02/1990	NGHỆ AN	ĐH ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705-25
20	NGUYỄN VĂN	KHÁNH	NAM	20/12/1992	NGHỆ AN	ĐH Y HỌC CỔ TRUYỀN	KINH	705-25
21	PHAN THỊ	KIEU	NỮ	02/07/1996	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705-25
22	NGUYỄN THỊ	LAN	NỮ	29/02/1996	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y HỌC CỔ TRUYỀN	KINH	705-25
23	TRẦN KHÁNH	LINH	NỮ	12/03/2001	NGHỆ AN	ĐH KINH DOANH QUỐC TẾ	KINH	705-25
24	NGUYỄN XUÂN	LỘC	NAM	18/02/1997	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705-25
25	NGUYỄN TIỀN	MẠNH	NAM	29/04/1991	NINH BÌNH	BÁC SĨ ĐA KHOA	KINH	705-25
26	BÙI THỊ	MÙI	NỮ	22/02/1991	NGHỆ AN	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
27	LÊ HOÀI	NAM	NAM	04/09/1999	NGHỆ AN	KỸ SƯ KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN&TỰ ĐỘNG HÓA	KINH	705-25
28	ĐINH THỊ HỒNG	NGỌC	NỮ	27/02/1997	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y HỌC CỔ TRUYỀN	KINH	705-25
29	NGUYỄN THỊ NGỌC	OANH	NỮ	24/08/1996	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705-25
30	NGUYỄN HÀ	PHƯƠNG	NỮ	07/07/2001	NGHỆ AN	ĐH KINH DOANH QUỐC TẾ	KINH	705-25
31	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	NỮ	10/03/1996	HÀ TĨNH	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705-25
32	NGUYỄN MẠNH	QUYỀN	NAM	16/08/1995	NGHỆ AN	ĐH LUẬT	KINH	705-25
33	ĐƯỜNG VĂN	SON	NAM	30/10/1994	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705-25
34	NGUYỄN VĂN	TÀI	NAM	11/06/1991	NGHỆ AN	BÁC SĨ ĐA KHOA	KINH	705-25
35	VÕ HỒNG	THÀNH	NAM	28/02/1997	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705-25
36	PHAN THỊ PHƯƠNG	THẢO	NỮ	18/09/1997	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
37	NGUYỄN THỊ HỒNG	THẨM	NỮ	02/02/1991	NGHỆ AN	ĐH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	KINH	705-25
38	HỒ SỸ	THẮNG	NAM	15/01/1992	NGHỆ AN	ĐH ĐIỀU TRA TRINH SÁT	KINH	705-25
39	TRẦN ĐỨC	THẮNG	NAM	19/11/2000	HÀ TĨNH	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25



40	LÊ THỊ	THỦY	NỮ	23/07/1997	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705-25
41	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THÚY	NỮ	03/10/1998	HÀ TĨNH	BÁC SĨ Y HỌC CỔ TRUYỀN	KINH	705-25
42	NGUYỄN THỊ	THỦY	NỮ	23/03/1997	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705-25
43	VŨ TUYẾT	TRINH	NỮ	09/06/1990	NGHỆ AN	BÁC SĨ ĐA KHOA	THÁI	705-25
44	TRẦN THỊ	TUYẾT	NỮ	17/10/1997	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705-25
45	ĐẶNG THỊ THANH	TÙNG	NỮ	07/12/1983	NGHỆ AN	ĐH DƯỢC	KINH	705-25
46	PHAN THỊ HỒNG	TUOI	NỮ	20/07/1997	NGHỆ AN	ĐH Y TẾ CÔNG CỘNG	KINH	705-25
47	NGUYỄN NGỌC	YẾN	NỮ	16/12/1992	NGHỆ AN	ĐH THỦ Y	KINH	705-25

Danh sách này có: 47 sinh viên

CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ



Nguyễn Thị Thu Hiền

CÁN BỘ KIỂM TRA



Võ Đình Lâm

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT




Nguyễn Hoàng Sơn

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2024
TẠI TRUNG TÂM GDTX TỈNH NGHỆ AN - NHẬP HỌC: 05/01/2024

Kèm theo Quyết định số 56/QĐ-VĐTM&CNTT ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Văn bằng	Dân tộc	Ngành - TGDĐT
	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH						
	THỜI GIAN ĐÀO TẠO 2.5 NĂM						
1	HÀ ĐỨC ANH	NAM	03/08/1996	NGHỆ AN	DƯỢC SĨ	KINH	705-25
2	NGUYỄN VIỆT TUẤN ANH	NAM	10/11/1990	NGHỆ AN	ĐH ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705-25
3	TRẦN THỊ KIỀU ANH	NỮ	30/10/1993	NGHỆ AN	BÁC SĨ ĐA KHOA	KINH	705-25
4	PHẠM THỊ ÁNH	NỮ	04/01/1997	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705-25
5	LÊ THỊ BÌNH	NỮ	12/05/1988	NGHỆ AN	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
6	CHU THỊ PHƯƠNG CHI	NỮ	02/09/2000	NGHỆ AN	DƯỢC SĨ	KINH	705-25
7	TRẦN THỊ KHÁNH CHI	NỮ	05/06/1994	NGHỆ AN	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
8	NGÔ NGỌC DIỆU	NỮ	01/02/1990	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y HỌC DỰ PHÒNG	KINH	705-25
9	PHAN HỮU DŨNG	NAM	15/08/1990	NGHỆ AN	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	705-25
10	VÔ TÁ DŨNG	NAM	22/12/1997	NGHỆ AN	KS KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH BIỂN	KINH	705-25
11	LÊ ĐÌNH ĐẠT	NAM	01/08/1992	NGHỆ AN	ĐH BIỂN PHÒNG	KINH	705-25
12	VÔ DUY ĐỨC	NAM	15/01/1986	HÀ TĨNH	ĐH ĐIỀU KHIỂN TÀU BIỂN	KINH	705-25
13	NGÔ THỊ GIANG	NỮ	15/03/1993	THANH HÓA	BÁC SĨ ĐA KHOA	KINH	705-25
14	THÁI VIỆT HÀ	NỮ	10/08/1998	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y HỌC CỔ TRUYỀN	KINH	705-25
15	ĐÌNH THỊ HẢI	NỮ	01/11/1996	NGHỆ AN	ĐH GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH	KINH	705-25
16	NGUYỄN THỊ HẠNH	NỮ	08/08/1994	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y HỌC CỔ TRUYỀN	KINH	705-25
17	PHAN THỊ THU HIỀN	NỮ	06/01/1982	NGHỆ AN	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705-25



18	NGUYỄN KHẮC	HÒA	NAM	20/04/1988	NGHỆ AN	KS CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	KINH	705-25
19	HỒ XUÂN	HÙNG	NAM	08/10/1999	HÀ TĨNH	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
20	BÙI VIỆT	HÙNG	NAM	23/05/1981	NGHỆ AN	ĐH ĐIỀU KHIỂN TÀU BIỂN	KINH	705-25
21	NGUYỄN CÔNG	KIỆN	NAM	08/12/1987	NGHỆ AN	KS KHAI THÁC MÁY TÀU BIỂN	KINH	705-25
22	BÙI THỊ	LIÊN	NỮ	12/07/1990	HUNG YÊN	ĐH TOÁN HỌC	KINH	705-25
23	BÙI THỊ	LINH	NỮ	04/01/2000	NGHỆ AN	ĐH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	KINH	705-25
24	CAO XUÂN	LONG	NAM	08/05/1981	NGHỆ AN	KS KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG	KINH	705-25
25	LÊ XUÂN	LỘC	NAM	25/07/1993	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y HỌC CỔ TRUYỀN	KINH	705-25
26	NGUYỄN THỊ	LÝ	NỮ	02/03/1994	NGHỆ AN	BÁC SĨ ĐA KHOA	KINH	705-25
27	ĐẶNG VĂN	MINH	NAM	22/11/1985	NGHỆ AN	ĐH ĐIỆN	KINH	705-25
28	LÔ THỊ THANH	NHÂN	NỮ	20/09/1996	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	THÁI	705-25
29	LÊ VÕ	NHẤT	NAM	29/10/1998	NGHỆ AN	DƯỢC SĨ	KINH	705-25
30	NGUYỄN ĐÌNH	PHI	NAM	20/02/1988	NGHỆ AN	ĐHSP THỂ DỤC - GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG	KINH	705-25
31	TRẦN THỊ	PHƯƠNG	NỮ	01/05/1998	NINH BÌNH	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705-25
32	ĐÌNH THỌ	QUẢNG	NAM	20/02/1971	HÀ TĨNH	ĐH LUẬT KINH TẾ	KINH	705-25
33	NGUYỄN VĂN	QUÂN	NAM	11/12/1991	NGHỆ AN	BÁC SĨ	KINH	705-25
34	NGUYỄN MINH	QUYẾT	NAM	25/07/1991	HÀ TĨNH	ĐH GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH	KINH	705-25
35	NGUYỄN CAO	SƠN	NAM	14/10/1980	NGHỆ AN	ĐH CƠ KHÍ ĐỘNG LỰC	KINH	705-25
36	ĐẶNG THIÊN	TÀI	NAM	30/04/1981	NGHỆ AN	ĐH LỊCH SỬ	KINH	705-25
37	HỒ THỊ	THANH	NỮ	06/05/1994	NGHỆ AN	ĐH XÉT NGHIỆM Y HỌC	KINH	705-25
38	PHAN VĂN	THÀNH	NAM	13/02/1991	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y ĐA KHOA	KINH	705-25
39	PHẠM THỊ	THÀNH	NỮ	14/04/1993	NGHỆ AN	ĐH Y TẾ CÔNG CỘNG	KINH	705-25

40	NGUYỄN ĐỨC	THẮNG	NAM	30/06/1986	NGHỆ AN	ĐH ĐIỀU KHIỂN TÀU BIỂN	KINH	705-25
41	TRẦN NGUYỄN ANH	THẮNG	NAM	13/08/1995	NGHỆ AN	ĐH LUẬT	KINH	705-25
42	NGUYỄN THỊ BÍCH	THỦY	NỮ	16/10/1987	NGHỆ AN	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
43	NGUYỄN THỊ HOÀI	THƯƠNG	NỮ	20/11/1993	NGHỆ AN	BÁC SĨ ĐA KHOA	THỎ	705-25
44	NGUYỄN THẾ	TIỀN	NAM	01/06/1987	THANH HÓA	ĐHSP GIÁO DỤC THỂ CHẤT - GDQP	KINH	705-25
45	VŨ VĂN	TÌNH	NAM	08/10/1990	NGHỆ AN	BÁC SĨ ĐA KHOA	KINH	705-25
46	HOÀNG THỊ QUỲNH	TRANG	NỮ	14/12/1996	NGHỆ AN	ĐH NGÔN NGỮ NHẬT BẢN	KINH	705-25
47	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	NỮ	04/11/1997	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705-25
48	PHẠM THỊ HUYỀN	TRANG	NỮ	03/09/1996	NGHỆ AN	ĐH LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	KINH	705-25
49	NINH THỊ	TRÂM	NỮ	10/07/1983	THANH HÓA	ĐH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	KINH	705-25
50	TRẦN THỊ NGỌC	TRÂM	NỮ	15/08/1992	NGHỆ AN	BÁC SĨ ĐA KHOA	KINH	705-25
51	VI ANH	TUẤN	NAM	20/01/1995	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	THÁI	705-25
52	NGUYỄN MINH	TÚ	NAM	13/03/1979	NGHỆ AN	ĐH CƠ KHÍ ĐỘNG LỰC	KINH	705-25
53	TRẦN THỊ THANH	TÚ	NỮ	10/03/2000	NGHỆ AN	ĐH LUẬT	KINH	705-25
54	NGUYỄN THỊ TÚ	UYÊN	NỮ	07/12/1995	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705-25
55	NGUYỄN THỊ KIỀU	VÂN	NỮ	28/04/1995	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y HỌC CỔ TRUYỀN	KINH	705-25
56	NGUYỄN THỊ	VINH	NỮ	14/04/1992	NGHỆ AN	ĐH CÔNG NGHỆ SINH HỌC	KINH	705-25
57	TRẦN THẾ	VINH	NAM	05/11/1994	HÀ TĨNH	BÁC SĨ Y ĐA KHOA	KINH	705-25
58	TRẦN THỊ	XINH	NỮ	18/09/1997	NGHỆ AN	ĐH GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH	KINH	705-25
59	NGUYỄN THỊ	YẾN	NỮ	10/06/1992	NGHỆ AN	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	705-25

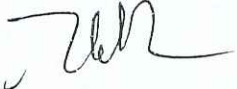
Danh sách này có: 59 sinh viên

CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

CÁN BỘ KIỂM TRA

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT

VIỆN TRƯỞNG


Nguyễn Thị Thu Hiền


Võ Đình Lâm





DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2024
TẠI TRUNG TÂM GDTX TỈNH NGHỆ AN

Kèm theo Quyết định số 56.../QĐ-VĐTMCNTT ngày 03 tháng 04 năm 2024 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Văn bằng	Dân tộc	Ngành-TGĐT
	NGÀNH LUẬT. NHẬP HỌC: 05/01/2024						
	THỜI GIAN ĐÀO TẠO 2.5 NĂM						
1	NGUYỄN THỊ HẢO	NỮ	05/03/1987	HÀ TĨNH	ĐH CTXH	KINH	503-25
2	NGUYỄN GIANG NAM	NAM	01/01/1980	HÀ TĨNH	ĐHSP TOÁN- LÝ	KINH	503-25
3	NGUYỄN THỊ NGỌC	NỮ	23/11/1990	NGHỆ AN	ĐH TIẾNG TRUNG	KINH	503-25
4	PHẠM XUÂN NHẬT	NAM	17/04/1975	NGHỆ AN	ĐH XDCT BIỂN DẦU KHÍ	KINH	503-25
5	TRẦN QUANG NHẬT	NAM	29/04/1990	NGHỆ AN	KS QLXDĐT	KINH	503-25
6	TÔNG THỊ KIỀU OANH	NỮ	24/09/1984	NGHỆ AN	ĐHSP ÂM NHẠC	KINH	503-25
7	NGUYỄN TRUNG PHÚC	NAM	02/11/1996	NGHỆ AN	ĐH QTKD (NƯỚC NGOÀI)	KINH	503-25
8	TRẦN THỊ SƠN	NỮ	20/05/1983	HÀ TĨNH	ĐH LỊCH SỬ	KINH	503-25
9	DƯƠNG LÊ TÂN	NAM	19/05/1991	NGHỆ AN	KS HT ĐIỆN	KINH	503-25
10	LÊ VIỆT THÀNH	NAM	06/03/1981	HÀ TĨNH	ĐH LỊCH SỬ	KINH	503-25
11	TRẦN THU TRANG	NỮ	02/11/1990	NGHỆ AN	KS QLĐĐ	KINH	503-25
12	PHẠM QUỐC TUẤN	NAM	12/10/1987	HÀ TĨNH	ĐH KHMT	KINH	503-25
	THỜI GIAN ĐÀO TẠO 4.5 NĂM						
1	HÀ VĂN TÙNG	NAM	20/05/1990	NGHỆ AN	THPT	THÁI	503-45

Danh sách này có: 13 sinh viên
CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

CÁN BỘ KIỂM TRA

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT



DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2024
TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG KT - KT SỐ 1 TỈNH NGHỆ AN

Kèm theo Quyết định số 56.../QĐ-VĐTMCNTT ngày 13..tháng 01....năm 20 24 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Văn bằng	Dân tộc	Ngành-TGĐT
	NGÀNH LUẬT. NHẬP HỌC: 05/01/2024						
	THỜI GIAN ĐÀO TẠO 4.5 NĂM						
1	TRẦN QUANG HUY	NAM	15/06/1997	NGHỆ AN	THPT	KINH	503-45

Danh sách này có: 01 sinh viên
CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ



CÁN BỘ KIỂM TRA


Võ Đình Lâm

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT





Nguyễn Hoàng Sơn

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2024
TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG KT- KT SỐ 1 NGHỆ AN - NHẬP HỌC: 05/01/2024

Kèm theo Quyết định số ...56.../QĐ-VĐTM&CNTT ngày 03 tháng 01...năm 2024 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Văn bằng	Dân tộc	Ngành - TGĐT
	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH						
	THỜI GIAN ĐÀO TẠO 2.5 NĂM						
1	ĐỖ THỊ LÀNH	NỮ	05/05/1982	NAM ĐỊNH	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705-25

Danh sách này có: 1 sinh viên

CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

Nguyễn Thị Thu Hiền

CÁN BỘ KIỂM TRA

Võ Đình Lâm

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT



Nguyễn Hoàng Sơn

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2024
TẠI TTGD TX TỈNH HÀ TĨNH

Kèm theo Quyết định số ...56./QĐ-VĐTMCNTT ngày 03 tháng 04 năm 2024 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Văn bằng	Ngành-TGĐT
NGÀNH LUẬT - NHẬP HỌC: 05/01/2024							
THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 2.5 NĂM							
1	HOÀNG THỊ VÂN ANH	NỮ	17/08/1989	HÀ TĨNH	KINH	ĐH KHUYẾN NÔNG VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	503-25
2	NGUYỄN TRÍ ANH	NAM	13/09/1977	HÀ TĨNH	KINH	ĐH VẬT LÝ	503-25
3	NGUYỄN TRÍ BẢNG	NAM	01/11/1976	HÀ TĨNH	KINH	ĐH VĂN - SỬ	503-25
4	NGUYỄN ĐĂNG CHIẾN	NAM	01/06/1986	HÀ TĨNH	KINH	ĐH CHỈ HUY THAM MƯU PHÁO PK	503-25
5	TRẦN THANH HẢI	NỮ	21/11/1988	HÀ TĨNH	KINH	ĐHSP LỊCH SỬ	503-25
6	TRẦN CHÍ HÙNG	NAM	20/02/1993	HÀ TĨNH	KINH	ĐH QUẢN LÝ THỂ DỤC THỂ THAO	503-25
7	TRỊNH ANH NAM	NAM	06/06/1985	HÀ TĨNH	KINH	ĐH MÔI TRƯỜNG	503-25
8	HOÀNG XUÂN NGỌC	NAM	14/09/1980	HÀ TĨNH	KINH	ĐH LỊCH SỬ	503-25
9	NGUYỄN HỮU NGỌC	NAM	08/05/1982	NGHỆ AN	KINH	ĐH NÔNG HỌC	503-25
10	TRẦN THỊ HỒNG NHUNG	NỮ	26/01/1990	HÀ TĨNH	KINH	ĐH CÔNG TÁC XÃ HỘI	503-25
THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4.5 NĂM							
1	TRẦN THANH HẢI	NAM	24/04/1992	HÀ TĨNH	KINH	THPT	503-45
2	TRẦN THỊ THANH	NỮ	07/12/1987	HÀ TĨNH	KINH	THPT	503-45
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - NHẬP HỌC: 05/01/2024							
THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 2.5 NĂM							
1	PHAN THỊ HÀ AN	NỮ	09/02/1997	HÀ TĨNH	KINH	ĐH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	705-25
2	LÊ TUẤN ANH	NAM	13/12/1994	HÀ TĨNH	KINH	KS QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN RỪNG	705-25
3	PHAN KHẮC BÁCH	NAM	18/03/1990	HÀ TĨNH	KINH	ĐH KINH TẾ	705-25
4	PHAN THỊ THANH BÌNH	NỮ	20/05/1987	HÀ TĨNH	KINH	ĐH CÔNG TÁC XÃ HỘI	705-25
5	HOÀNG THỊ DỊU	NỮ	26/08/1984	QUẢNG BÌNH	KINH	ĐHSP ĐỊA LÝ	705-25
6	TRẦN THỊ DUNG	NỮ	01/06/1984	HÀ TĨNH	KINH	ĐH TIN HỌC ỨNG DỤNG	705-25



STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Văn bằng	Ngành-TGĐT
7	NGUYỄN NHÂM DŨNG	NAM	02/01/2000	HÀ TĨNH	KINH	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	705-25
8	NGUYỄN VIỆT DŨNG	NAM	05/06/1977	HÀ TĨNH	KINH	ĐH PHÁP LUẬT KINH TẾ VÀ LUẬT QUỐC TẾ	705-25
9	PHẠM NGỌC ĐÀM	NAM	29/04/1992	HÀ TĨNH	KINH	BS Y HỌC CỔ TRUYỀN	705-25
10	HOÀNG THÀNH ĐẠT	NAM	30/11/2000	HÀ TĨNH	KINH	ĐH KINH TẾ TÀI NGUYÊN	705-25
11	PHAN BÁ ĐẠT	NAM	03/12/1996	HÀ TĨNH	KINH	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	705-25
12	VÔ THỊ ĐƯƠNG	NỮ	24/12/1986	HÀ TĨNH	KINH	KS TIN HỌC ỨNG DỤNG	705-25
13	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	NAM	02/08/1976	HÀ TĨNH	KINH	ĐH ĐIỆN	705-25
14	PHAN TRỊNH LINH GIANG	NỮ	18/04/2000	HÀ TĨNH	KINH	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	705-25
15	NGUYỄN LÊ THÚY HẰNG	NỮ	22/04/1982	HÀ TĨNH	KINH	ĐH HÀNH CHÍNH	705-25
16	PHẠM VIỆT HOÀNG	NAM	10/02/1991	HÀ TĨNH	KINH	ĐH KINH TẾ	705-25
17	HỒ THỊ KHÁNH HUYỀN	NỮ	05/08/1997	HÀ TĨNH	KINH	ĐH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	705-25
18	BÙI KHẮC HÙNG	NAM	20/10/1991	HÀ TĨNH	KINH	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	705-25
19	NGUYỄN CÔNG HÙNG	NAM	26/09/1998	HÀ TĨNH	KINH	KS CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT VẬT LIỆU XÂY DỰNG	705-25
20	QUANG LƯƠNG HÙNG	NAM	29/06/1996	NGHỆ AN	THÁI	ĐH LUẬT KINH TẾ	705-25
21	LÊ HỮU KHÁNH	NAM	17/05/2001	HÀ TĨNH	KINH	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	705-25
22	NGUYỄN ĐÌNH KIÊN	NAM	19/05/1998	HÀ TĨNH	KINH	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	705-25
23	DƯƠNG THỊ DIỆU LINH	NỮ	29/10/1995	HÀ TĨNH	KINH	ĐH KẾ TOÁN	705-25
24	ĐẶNG THỊ THÁI LINH	NỮ	10/02/1986	HÀ TĨNH	KINH	ĐH QUAN HỆ QUỐC TẾ	705-25
25	LÊ THỊ ÁI LINH	NỮ	26/09/1995	HÀ TĨNH	KINH	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	705-25
26	NGUYỄN KHÁNH LINH	NỮ	04/01/2001	HÀ TĨNH	KINH	ĐH CHÍNH TRỊ HỌC	705-25
27	NGUYỄN THỊ THẢO LINH	NỮ	23/03/1982	HÀ TĨNH	KINH	ĐH TRIẾT HỌC	705-25
28	PHẠM THỊ DIỆU LINH	NỮ	09/11/1998	HÀ TĨNH	KINH	ĐH LUẬT	705-25
29	PHAN HỒNG LỢI	NAM	05/07/1982	NGHỆ AN	KINH	ĐH LUẬT	705-25
30	BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG	NỮ	22/08/1998	HÀ TĨNH	KINH	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	705-25
31	LÊ THỊ MAI	NỮ	12/05/1998	HÀ TĨNH	KINH	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	705-25
32	LÂM THỊ LỆ MỸ	NỮ	09/12/1982	HÀ TĨNH	KINH	ĐH KẾ TOÁN	705-25
33	NGUYỄN HUYỀN NA	NỮ	03/12/1997	HÀ TĨNH	KINH	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	705-25
34	LÊ QUANG NAM	NAM	07/04/1980	HÀ TĨNH	KINH	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	705-25

STT	Họ tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Văn bằng	Ngành-TGĐT
35	BÙI TRẦN TRỌNG	NGHĨA	NAM	10/06/1998	HÀ TĨNH	KINH	ĐH CÔNG NGHỆ SINH HỌC	705-25
36	BÙI ĐÌNH	NGUYỄN	NAM	04/06/1988	HÀ TĨNH	KINH	ĐH ĐIỀU TRA TRÌNH SÁT	705-25
37	LÊ TÙNG	NGUYỄN	NAM	17/04/1997	HÀ TĨNH	KINH	KS KINH TẾ XÂY DỰNG	705-25
38	LÊ THỊ	NGUYỆT	NỮ	28/04/1999	HÀ TĨNH	KINH	ĐH CÔNG TÁC XÃ HỘI	705-25
39	VŨ ÁNH	NGUYỆT	NỮ	31/10/1997	HÀ TĨNH	KINH	ĐH LUẬT	705-25
40	NGUYỄN HOÀNG	NHÂN	NAM	22/12/1999	HÀ TĨNH	KINH	BS Y KHOA	705-25
41	NGUYỄN THỊ	NHUẬN	NỮ	15/10/1975	HÀ TĨNH	KINH	ĐH LUẬT	705-25
42	PHAN THỊ HỒNG	NHUNG	NỮ	05/01/2000	HÀ TĨNH	KINH	ĐH LUẬT	705-25
43	LÊ THỊ	PHƯƠNG	NỮ	04/04/1987	HÀ TĨNH	KINH	ĐH KINH TẾ	705-25
44	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	NỮ	05/12/1995	HÀ TĨNH	KINH	BS Y HỌC DỰ PHÒNG	705-25
45	NGUYỄN QUANG	SÁNG	NAM	18/09/1998	HÀ TĨNH	KINH	BẰNG DƯỢC SĨ	705-25
46	MAI THÁI	SON	NAM	27/03/1983	QUẢNG BÌNH	KINH	ĐH ĐIỀU KHIỂN HỌC KỸ THUẬT	705-25
47	VÔ VĂN	TÀI	NAM	19/10/1999	HÀ TĨNH	KINH	ĐH GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ	705-25
48	LÊ NGỌC	THANH	NAM	19/10/1986	HÀ TĨNH	KINH	KS KỸ THUẬT XÂY DỰNG	705-25
49	PHAN THỊ GIANG	THANH	NỮ	03/08/1999	HÀ TĨNH	KINH	ĐH BÁO CHÍ	705-25
50	THÁI VĂN	THÀNH	NAM	18/04/1997	HÀ TĨNH	KINH	ĐH KẾ TOÁN	705-25
51	BÙI SỸ	THÁI	NAM	31/03/2001	HÀ TĨNH	KINH	ĐH LUẬT	705-25
52	HỒ MỸ	THẨM	NỮ	19/12/1997	HÀ TĨNH	KINH	ĐH GIÁO DỤC MẦM NON	705-25
53	PHAN THỊ	THẨM	NỮ	01/06/1990	HÀ TĨNH	KINH	ĐH GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ	705-25
54	LÊ THỊ MINH	THÔNG	NỮ	16/07/1994	HÀ TĨNH	KINH	ĐHSP TOÁN HỌC	705-25
55	CHU THỊ CẨM	THƠ	NỮ	16/05/1982	HÀ TĨNH	KINH	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	705-25
56	VÔ THỊ	THU	NỮ	15/05/1990	HÀ TĨNH	KINH	ĐH TIN HỌC	705-25
57	NGUYỄN THỊ	THỦY	NỮ	27/01/1998	HÀ TĨNH	KINH	ĐH KẾ TOÁN	705-25
58	NGUYỄN THỊ ANH	THU	NỮ	18/09/1988	GIA LAI	KINH	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	705-25
59	DƯƠNG CÔNG	TIỀN	NAM	20/11/1990	HÀ TĨNH	KINH	KS KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG	705-25
60	PHAN THỊ	TÌNH	NỮ	25/10/1984	HÀ TĨNH	KINH	ĐH KẾ TOÁN	705-25
61	PHAN THỊ HỒNG	TỈNH	NỮ	13/03/1981	NGHỆ AN	KINH	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	705-25

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Văn bằng	Ngành-TGĐT	
62	HỒ THỊ HÀ	TRANG	NỮ	02/04/1996	HÀ TĨNH	KINH	BS Y KHOA	705-25
63	LÊ THỊ HÀ	TRANG	NỮ	29/03/1999	HÀ TĨNH	KINH	ĐH KINH TẾ	705-25
64	NGUYỄN HỮU	TRUNG	NAM	16/09/1990	HÀ TĨNH	KINH	DƯỢC SỸ	705-25
65	LƯƠNG QUỐC	TUẤN	NAM	19/09/1978	HÀ TĨNH	KINH	ĐH KINH TẾ BẢO HIỂM	705-25
66	NGUYỄN TRỌNG	TỬ	NAM	01/01/1967	HÀ TĨNH	KINH	ĐHSP LỊCH SỬ	705-25
67	ĐẬU THỊ THU	UYÊN	NỮ	24/02/1995	HÀ TĨNH	KINH	ĐH GIÁO DỤC MẦM NON	705-25
68	NGUYỄN THỊ ÁI	VÂN	NỮ	19/05/1985	HÀ TĨNH	KINH	ĐH NGŨ VÂN	705-25
69	NGUYỄN CÔNG	VIÊN	NAM	20/09/1989	HÀ TĨNH	KINH	ĐH GIÁO DỤC THỂ CHẤT	705-25
70	LÊ THỊ	XUÂN	NỮ	08/11/1995	HÀ TĨNH	KINH	ĐH GIÁO DỤC MẦM NON	705-25

Danh sách này có: 82 sinh viên

CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

CÁN BỘ KIỂM TRA

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT

Nh
Nguyễn Văn Lợi

ellaw
Võ Đình Lâm

DM



DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2024
TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG - NÔNG NGHIỆP QUẢNG BÌNH

Kèm theo Quyết định số 52.../QĐ-VĐTMCNTT ngày 03...tháng 01...năm 2024 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế



STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Văn bằng	Dân tộc	Ngành-TGĐT
NGÀNH LUẬT. NHẬP HỌC: 05/01/2024							
THỜI GIAN ĐÀO TẠO 2.5 NĂM							
1	NGUYỄN NGỌC LONG	BẢO	NAM	08/10/2000	QUẢNG BÌNH	ĐH BẢO VỆ THỰC VẬT	KINH 503-25
2	ĐẶNG VĂN	CHƯƠNG	NAM	02/02/1986	QUẢNG BÌNH	ĐH XHH	KINH 503-25
3	VÕ CHÍ	CÔNG	NAM	17/10/1981	THỪA THIÊN HUẾ	KS XDCT	KINH 503-25
4	NGUYỄN QUỐC	CƯỜNG	NAM	15/11/1997	QUẢNG BÌNH	KS KTCTXD	KINH 503-25
5	NGUYỄN THỊ	HẢO	NỮ	30/11/1981	QUẢNG BÌNH	ĐH LỊCH SỬ	KINH 503-25
6	PHẠM THỊ PHÚC	MAI	NỮ	21/10/1987	QUẢNG BÌNH	ĐH TCNH	KINH 503-25
7	CAO HỮU	QUỲNH	NAM	01/08/1985	QUẢNG BÌNH	ĐH KINH TẾ	KINH 503-25
8	NGUYỄN ĐỨC	SON	NAM	17/05/1985	HÀ TĨNH	ĐH QTKD	KINH 503-25
9	PHẠM NGỌC	TÀI	NAM	26/12/1991	QUẢNG BÌNH	ĐH Y TẾ CÔNG CỘNG	KINH 503-25
10	TRẦN	TUẤN	NAM	23/07/1984	QUẢNG BÌNH	ĐH CNTT	KINH 503-25
11	PHẠM THỊ KIM	TUYẾN	NỮ	10/08/1991	QUẢNG BÌNH	ĐH TRIẾT HỌC	KINH 503-25
THỜI GIAN ĐÀO TẠO 4.5 NĂM							
1	NGÔ TÁN	BÌNH	NAM	02/05/2005	QUẢNG BÌNH	THPT	KINH 503-45
2	LẠI THỊ	HẬU	NỮ	15/07/1982	QUẢNG BÌNH	THPT	KINH 503-45
3	NGUYỄN DIỆU	HÀNG	NỮ	16/04/1999	QUẢNG BÌNH	THPT	KINH 503-45
4	NGUYỄN NGỌC	HIẾU	NAM	25/09/1995	QUẢNG BÌNH	THPT	KINH 503-45
5	NGUYỄN VĂN	HUÂN	NAM	01/10/2002	QUẢNG BÌNH	THPT	KINH 503-45
6	TRẦN SĨ	HÙNG	NAM	20/03/1987	QUẢNG BÌNH	THPT	KINH 503-45
7	TRẦN THANH	HÙNG	NAM	20/10/1980	QUẢNG BÌNH	THPT	KINH 503-45
8	MAI THỊ THANH	HƯƠNG	NỮ	16/12/1980	QUẢNG BÌNH	THPT	KINH 503-45
9	NGÔ ANH	KHÔN	NAM	30/01/1994	QUẢNG BÌNH	THPT	KINH 503-45

10	PHAN ĐÌNH	NHÂN	NAM	16/01/1997	QUẢNG BÌNH	THPT	KINH	503-45
11	PHẠM MINH	PHƯƠNG	NAM	04/05/1975	QUẢNG BÌNH	THPT	KINH	503-45
12	PHẠM NGỌC	THÀNH	NAM	22/04/1997	QUẢNG BÌNH	THPT	KINH	503-45
13	ĐÌNH VĂN	TIỀN	NAM	06/04/1982	QUẢNG BÌNH	THPT	KINH	503-45
14	LÊ MINH	TIỀN	NAM	25/01/1997	QUẢNG BÌNH	THPT	KINH	503-45

Danh sách này có: 25 sinh viên
CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

[Signature]
Lê Thị Nga

CÁN BỘ KIỂM TRA

[Signature]
Võ Đình Lâm

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT

[Signature]



Nguyễn Hoàng Sơn

**DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2024
TẠI TRƯỜNG CĐSP TỈNH QUẢNG TRỊ - NHẬP HỌC: 05/01/2024**

Kèm theo Quyết định số ...56.../QĐ-VĐTM&CNTT ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Văn bằng	Dân tộc	Ngành - TGĐT
	NGÀNH LUẬT						
	THỜI GIAN ĐÀO TẠO 4.5 NĂM						
1	NGUYỄN VĂN HÒA	NAM	01/05/1983	QUẢNG TRỊ	THPT	KINH	503-45
2	LÊ HẢI LÂM	NAM	28/11/1997	QUẢNG TRỊ	THPT	KINH	503-45
3	NGÔ THẾ SƠN	NAM	22/02/1996	QUẢNG TRỊ	THPT	KINH	503-45

Danh sách này có: 3 sinh viên

CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

Nguyễn Thị Thu Hiền

CÁN BỘ KIỂM TRA

Võ Đình Lâm

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT



Nguyễn Hoàng Sơn

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2024
TẠI TRUNG TÂM GDTX SỐ 3 TP. ĐÀ NẴNG - NHẬP HỌC: 05/01/2024

Kèm theo Quyết định số 56.../QĐ-VĐTMCNTT ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế



STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Văn bằng	Dân tộc	Ngành - TGĐT
NGÀNH LUẬT							
THỜI GIAN ĐÀO TẠO 2.5 NĂM							
1	TRẦN THỊ THANH PHƯƠNG	NỮ	10/08/1995	ĐÀ NẴNG	ĐH HÓA HỌC	KINH	503-25
THỜI GIAN ĐÀO TẠO 4.5 NĂM							
1	TRƯƠNG HOÀNG LỘC	NAM	02/07/1998	ĐÀ NẴNG	THPT	KINH	503-45
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH							
THỜI GIAN ĐÀO TẠO 2.5 NĂM							
1	VÕ THỊ LAN ANH	NỮ	27/10/2000	ĐÀ NẴNG	ĐHSP TOÁN	KINH	705-25
2	NGUYỄN HỮU CHÁNH	NAM	29/06/1993	QUẢNG NAM	ĐH TOÁN ỨNG DỤNG	KINH	705-25
3	PHAN QUỐC DUY	NAM	09/09/1983	ĐÀ NẴNG	ĐHSP TOÁN - TIN	KINH	705-25
4	ĐỖ THỊ LỘC ĐỨC	NỮ	13/10/1991	ĐÀ NẴNG	ĐHSP VẬT LÝ	KINH	705-25
5	HUỲNH THỊ HÀ	NỮ	08/11/1994	ĐÀ NẴNG	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705-25
6	LÊ LÝ LỆ HIỀN	NỮ	20/01/1993	ĐÀ NẴNG	ĐH HÓA HỌC	KINH	705-25
7	LÊ THỊ MỘNG HOA	NỮ	18/12/1980	ĐÀ NẴNG	ĐH Y TẾ CÔNG CỘNG	KINH	705-25
8	HUỲNH THỊ HOÀNG	NỮ	20/04/1994	ĐÀ NẴNG	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705-25
9	HOÀNG NGỌC THANH THỦY	NỮ	20/03/1991	ĐÀ NẴNG	ĐH HOÁ HỌC	KINH	705-25
10	PHAN THỊ THUỖ TRANG	NỮ	24/01/1990	ĐÀ NẴNG	ĐHSP HOÁ HỌC	KINH	705-25

11	ÔNG VĂN	TUYÊN	NAM	06/12/1988	ĐÀ NẴNG	ĐHSP TOÁN - TIN	KINH	705-25
----	---------	-------	-----	------------	---------	-----------------	------	--------

Danh sách này có: 13 sinh viên

CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

CÁN BỘ KIỂM TRA

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT



Nguyễn Hoàng Sơn

NR

llaw

DM

Nguyễn Thị Thu Hiền

Võ Đình Lâm

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2024
TẠI TRƯỜNG CĐ CÔNG THƯƠNG TP. HCM - CƠ SỞ QUẢNG NGÃI

Kèm theo Quyết định số ...56.../QĐ-VĐTM&CNTT ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Văn bằng	Dân tộc	Ngành - TGĐT
NGÀNH LUẬT- NHẬP HỌC: 05/01/2024							
THỜI GIAN ĐÀO TẠO 2.5 NĂM							
1	NGUYỄN HOÀI ĐỨC	NAM	28/08/1994	QUẢNG NGÃI	KS CÔNG NGHỆ KT ĐIỆN, ĐT.	KINH	503-25
2	LÊ TRUNG HIẾU	NAM	06/04/2001	QUẢNG NAM	ĐH KỸ THUẬT PHẦN MỀM	KINH	503-25
3	LÝ THỊ THU HỒNG	NỮ	19/10/1988	QUẢNG NGÃI	ĐH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	KINH	503-25
4	VÕ DUY KHANH	NAM	20/10/1985	QUẢNG NGÃI	KS KỸ THUẬT CT XÂY DỰNG	KINH	503-25
5	BÙI THỊ LƯU LUYẾN	NỮ	19/05/1985	QUẢNG NGÃI	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503-25
6	DƯƠNG THỊ HÒA LÝ	NỮ	22/12/1983	QUẢNG NGÃI	ĐH QUẢN TRỊ DU LỊCH KHÁCH SẠN	KINH	503-25
7	NGUYỄN THỊ ÁI NHÂN	NỮ	02/09/1986	QUẢNG NGÃI	ĐH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	KINH	503-25
8	PHAN THỊ THU SANG	NỮ	10/02/1988	QUẢNG NGÃI	ĐH QUẢN LÝ VĂN HOÁ	KINH	503-25
9	TRẦN THỊ THANH THÚY	NỮ	15/02/1980	QUẢNG NGÃI	ĐH SP NGỮ VĂN	KINH	503-25
10	NGUYỄN TRẦN DIỆP TUYÊN	NỮ	02/09/1986	QUẢNG NGÃI	ĐH NGÂN HÀNG	KINH	503-25
11	VÕ THỊ TỎ UYÊN	NỮ	18/06/1990	QUẢNG NGÃI	ĐH KẾ TOÁN KIỂM TOÁN	KINH	503-25
12	NGUYỄN VĂN	NAM	20/11/1985	BÌNH ĐỊNH	ĐH KẾ TOÁN KIỂM TOÁN	KINH	503-25
THỜI GIAN ĐÀO TẠO 3 NĂM							
1	NGUYỄN TRẦN BÍCH DUYÊN	NỮ	15/04/1997	QUẢNG NGÃI	CĐ DỊCH VỤ PHÁP LÝ	KINH	503-30
2	ĐINH THÀNH	NAM	23/05/1980	QUẢNG NGÃI	TC LUẬT, THPT	H'Ê	503-30
THỜI GIAN ĐÀO TẠO 4.5 NĂM							
1	NGUYỄN ĐÌNH LỘC	NAM	26/02/2004	QUẢNG NGÃI	THPT	KINH	503-45



2	NGUYỄN	THƯƠNG	NAM	12/02/1981	QUẢNG NGÃI	THPT	KINH	503-45
3	NGUYỄN QUỐC	VIỆT	NAM	06/08/1995	QUẢNG NGÃI	THPT	KINH	503-45
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - NHẬP HỌC: 05/01/2024								
THỜI GIAN ĐÀO TẠO 2.5 NĂM								
1	LÊ THỊ CẨM	HÀ	NỮ	20/08/1993	QUẢNG NGÃI	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
2	LÊ THỊ CẨM	HÀNG	NỮ	20/06/1990	QUẢNG NGÃI	ĐH LUẬT KINH TẾ	KINH	705-25
3	PHẠM HOÀI	TRÂN	NỮ	18/12/1992	QUẢNG NGÃI	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25

Danh sách này có: 20 sinh viên
CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

Tiến Quý Tim

CÁN BỘ KIỂM TRA

Võ Đình Lâm

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT

DM



Nguyễn Hoàng Sơn



DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2024
TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM GIA LAI

Kèm theo Quyết định số ...56.../QĐ-VĐTM&CNTT ngày 03 tháng 04 năm 2024 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Văn bằng	Dân tộc	Ngành - TGĐT
NGÀNH LUẬT - NHẬP HỌC: 05/01/2024							
THỜI GIAN ĐÀO TẠO 2.5 NĂM							
1	TRẦN THỊ DUNG	NỮ	09/07/1989	GIA LAI	ĐH CÔNG TÁC XÃ HỘI	KINH	503-25
2	VÕ KHÁNH	NAM	07/12/1977	QUẢNG NGÃI	ĐH LỊCH SỬ	KINH	503-25
3	TRƯƠNG THỊ BẢO KHUYỀN	NỮ	22/10/1983	GIA LAI	KS QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	KINH	503-25
4	PHẠM THUÝ KIỀU	NỮ	10/02/1992	GIA LAI	ĐH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	KINH	503-25
5	LƯƠNG THỊ MỸ LOAN	NỮ	28/09/1986	GIA LAI	ĐH NÔNG LÂM	KINH	503-25
6	ĐINH THỊ PHƯƠNG QUẾ	NỮ	13/05/1991	GIA LAI	ĐH CÔNG TÁC XÃ HỘI	KINH	503-25
7	TRƯƠNG THỊ KIM THOA	NỮ	16/11/1986	GIA LAI	ĐH NÔNG LÂM	KINH	503-25
8	BÙI THỊ HUYỀN THƯƠNG	NỮ	15/06/1993	GIA LAI	KS CHĂN NUÔI	KINH	503-25
9	PHẠM THỊ THÚY TIÊN	NỮ	20/02/1996	GIA LAI	ĐH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	KINH	503-25
10	TRƯƠNG THỊ TUYẾT TRINH	NỮ	20/02/1982	BÌNH ĐỊNH	KS QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	KINH	503-25
11	CÔNG VĂN TRỌNG	NAM	02/05/1989	GIA LAI	KS XÂY DỰNG DD VÀ CN	KINH	503-25
THỜI GIAN ĐÀO TẠO 4.5 NĂM							
1	ĐINH THỊ CHEM	NỮ	06/08/1990	GIA LAI	THPT	BAH NAR	503-45
2	ĐINH VĂN ĐÊN	NAM	06/08/1994	GIA LAI	THPT	BAH NAR	503-45
3	NGUYỄN VĂN HỒNG	NAM	02/05/1992	GIA LAI	THPT	KINH	503-45
4	ĐINH KHANG	NAM	15/03/1984	GIA LAI	THPT	BAH NAR	503-45
5	ĐINH THANH OAI	NAM	20/12/1989	GIA LAI	THPT	BAH NAR	503-45



6	ĐINH THỊ	PHƯƠNG	NỮ	20/12/2003	GIA LAI	THPT	BAH NAR	503-45	ĐÀO TẠO VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐẠI HỌC HUẾ
---	----------	--------	----	------------	---------	------	---------	--------	--

Danh sách này có: 17 sinh viên
CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

CÁN BỘ KIỂM TRA

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT

[Signature]
Trần Công Tâm

[Signature]
Võ Đình Lâm

[Signature]



Nguyễn Hoàng Sơn

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2024
TẠI TRƯỜNG TC K T- KT QUỐC VIỆT, ĐỨC TRỌNG, LÂM ĐỒNG

Kèm theo Quyết định số 56 /QĐ-VĐTMCNTT ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế



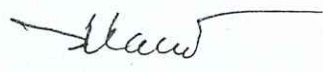
STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Văn bằng	Dân tộc	Ngành - TGĐT
NGÀNH LUẬT - NHẬP HỌC: 05/01/2024							
THỜI GIAN ĐÀO TẠO 2.5 NĂM							
1	LÊ XUÂN CÔNG	NAM	13/05/1987	THANH HOÁ	KS XÂY DỰNG CẦU ĐƯỜNG	KINH	503-25
2	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	NAM	17/11/1995	LÂM ĐỒNG	KS QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	KINH	503-25
3	ĐÀM THỊ HIỀN	NỮ	21/09/1984	HÀ NỘI	ĐH TÀI CHÍNH KẾ TOÁN	KINH	503-25
4	K' HOA	NỮ	12/02/1985	LÂM ĐỒNG	ĐH NÔNG HỌC	KƠ HO	503-25
5	PHAN KIM HOÀNG	NAM	14/09/2001	LÂM ĐỒNG	KS KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ	KINH	503-25
6	K' NIS SON	NAM	02/01/1996	LÂM ĐỒNG	ĐH QUÂN SỰ CƠ SỞ	KƠ HO	503-25
7	LÊ PHÚC THỊNH	NAM	28/08/1986	LÂM ĐỒNG	ĐH SĨ QUAN LỤC QUÂN 2	KINH	503-25
8	NGUYỄN THỊ MINH THƠ	NỮ	05/07/1990	LÂM ĐỒNG	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	503-25
THỜI GIAN ĐÀO TẠO 4.5 NĂM							
1	VI THỊ HẰNG	NỮ	18/03/1997	ĐẮK LẮK	THPT	THÁI	503-45
2	TOU PRONG HOÀNG HUỖNH	NAM	09/09/1997	LÂM ĐỒNG	THPT	CHU RU	503-45
3	SỖ MỸ NGÂN	NỮ	14/07/1998	LÂM ĐỒNG	THPT	NÙNG	503-45
4	LÊ ĐÌNH TRUNG	NAM	15/12/1998	THANH HOÁ	THPT	KINH	503-45
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH- NHẬP HỌC: 05/01/2024							
THỜI GIAN ĐÀO TẠO 2.5 NĂM							
1	VÕ ĐƯỜNG TRIỀU	NAM	20/10/1995	QUẢNG NGÃI	ĐH LUẬT	KINH	705-25
2	ĐỖ VIỆT TUẤN	NAM	08/12/1992	ĐỒNG NAI	ĐH LUẬT	KINH	705-25

Danh sách này có: 14 sinh viên
CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

CÁN BỘ KIỂM TRA

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT


Trần Công Tín


Võ Đình Lâm





Nguyễn Hoàng Sơn



DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2024
TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM - NHẬP HỌC: 05/01/2024

Kèm theo Quyết định số 56.../QĐ-VĐTMCNTT ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Văn bằng	Dân tộc	Ngành - TGD
NGÀNH LUẬT - NHẬP HỌC: 05/01/2024							
THỜI GIAN ĐÀO TẠO 2.5 NĂM							
1	NGUYỄN THỊ HẰNG	NỮ	23/05/1984	HÀ TĨNH	ĐH LƯU TRỮ HỌC VÀ QUẢN TRỊ VĂN PHÒNG	KINH	503-25
2	ĐÀO THỊ NGỌC PHỤNG	NỮ	18/12/1996	KON TUM	ĐH NGÔN NGỮ PHÁP	KINH	503-25
3	LÊ THỊ THU PHƯƠNG	NỮ	17/12/1984	GIA LAI	KS KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	KINH	503-25
4	LÊ VĂN THÁI	NAM	17/01/1982	QUẢNG NGÃI	ĐH LỊCH SỬ	KINH	503-25
5	A PÊM	NAM	10/10/1974	KON TUM	KS KHUYẾN NÔNG VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	ĐỀ	503-25
6	TRẦN THANH VĨNH	NAM	29/03/1978	QUẢNG NAM	ĐH HÓA HỌC	KINH	503-25
THỜI GIAN ĐÀO TẠO 4.5 NĂM							
1	Y NGỌC ĐƯƠNG	NỮ	06/03/1995	KON TUM	THPT	GIÉ - TRIÊNG	503-45
2	A HỌC	NAM	08/04/2002	KON TUM	THPT	GIÉ - TRIÊNG	503-45
3	A HỐT	NAM	12/06/1988	KON TUM	THPT	XƠ ĐĂNG	503-45
4	A PHANG	NAM	15/07/1984	KON TUM	THPT	XƠ ĐĂNG	503-45
5	A THÂM	NAM	17/02/1995	KON TUM	THPT	GIÉ - TRIÊNG	503-45

Danh sách này có: 11 sinh viên

CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

CÁN BỘ KIỂM TRA

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT

Nguyễn Thị Thu Hiền

Võ Đình Lâm



Nguyễn Hoàng Sơn

52

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2024
TẠI CAO ĐẲNG BÁCH KHOA TÂY NGUYÊN TỈNH ĐẮK LẮK

Kèm theo Quyết định số ...5.6./QĐ-VĐTMCNTT ngày 03 tháng 1 năm 2024 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Văn bằng	Dân tộc	Ngành - TGĐT
NGÀNH LUẬT - NHẬP HỌC: 05/01/2024							
THỜI GIAN ĐÀO TẠO 2.5 NĂM							
1	ĐẶNG HỒNG AN	NAM	01/11/1980	QUẢNG NAM	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	503-25
2	ĐẶNG NGUYỄN HỒNG ÂN	NỮ	03/02/1986	QUẢNG NAM	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503-25
3	NGUYỄN THỊ HẢI	NỮ	20/05/1985	NGHỆ AN	ĐH MỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP	KINH	503-25
4	PHẠM TUYẾT XUÂN HUY	NỮ	11/02/1996	ĐẮK LẮK	ĐH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	KINH	503-25
5	HOÀNG THU HƯỜNG	NỮ	22/07/1994	BẮC KẠN	ĐHSP ĐỊA LÝ	TÂY	503-25
6	VŨ HÙNG MẠNH	NAM	06/12/1978	NINH BÌNH	ĐH TOÁN	KINH	503-25
7	TRẦN THỊ HỒNG NHUNG	NỮ	22/10/1984	ĐẮK LẮK	ĐH SINH HỌC	KINH	503-25
8	NGUYỄN ĐÌNH SÁNG	NAM	05/05/1986	NGHỆ AN	KS QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	KINH	503-25
9	TRẦN THỊ THANH TÂM	NỮ	09/09/1997	ĐẮK LẮK	KS QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	KINH	503-25
10	TRƯƠNG THỊ THANH TÂM	NỮ	20/11/1994	ĐẮK LẮK	ĐH ĐIỀU DƯỠNG	KINH	503-25
11	NGÔ HOÀI THƯƠNG	NỮ	20/08/1990	NGHỆ AN	ĐH CHÍNH TRỊ - LUẬT	KINH	503-25
THỜI GIAN ĐÀO TẠO 3 NĂM							
1	NGUYỄN THANH BÌNH	NAM	02/09/1997	ĐẮK LẮK	TC KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP + THPT	KINH	503-30
THỜI GIAN ĐÀO TẠO 4.5 NĂM							
1	HÀ THỊ ANH	NỮ	05/09/1994	HÒA BÌNH	THPT	THÁI	503-45
2	NGUYỄN QUỐC BẢO	NAM	09/09/1999	ĐẮK LẮK	THPT	KINH	503-45
3	HOÀNG KHƯƠNG DUY	NAM	09/11/1998	ĐẮK LẮK	THPT	KINH	503-45



STT	Họ tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Văn bằng	Dân tộc	Ngành - TGDĐT
4	Y HOÀN	KTLA	NAM	10/09/1994	ĐẮK LẮK	THPT	Ê ĐÊ	503-45
5	NÔNG THỊ CHÍ	LINH	NỮ	16/06/1998	ĐẮK LẮK	THPT	NÙNG	503-45
6	PHAN THỊ TRÚC	LINH	NỮ	22/10/2000	ĐẮK LẮK	THPT	KINH	503-45
7	NGUYỄN TRẦN DIỄM	MY	NỮ	09/12/2002	ĐẮK NÔNG	THPT	TÂY	503-45
8	TRỊNH THỊ QUỲNH	NHU	NỮ	24/10/1995	ĐẮK LẮK	THPT	KINH	503-45
9	Y LUYNH	NIÊ	NAM	17/08/1979	ĐẮK LẮK	THPT	Ê ĐÊ	503-45
10	Y THÚC	NIÊ	NAM	10/05/1993	ĐẮK LẮK	THPT	Ê ĐÊ	503-45
11	HỨA THỊ	NIÊN	NỮ	02/06/1977	LẠNG SƠN	THPT	NÙNG	503-45
12	LÊ THỊ	PHƯƠNG	NỮ	05/10/2004	NAM ĐỊNH	THPT	KINH	503-45
13	NGUYỄN BÁ	SANG	NAM	25/04/1992	ĐẮK LẮK	THPT	KINH	503-45
14	LÊ QUANG	TÂN	NAM	22/09/1991	THANH HÓA	THPT	KINH	503-45
15	NGUYỄN THỊ	THOM	NỮ	07/12/1990	VĨNH PHÚC	THPT	KINH	503-45
16	LÊ ĐÌNH	THỌ	NAM	04/11/1991	ĐẮK LẮK	THPT	KINH	503-45
17	ĐÌNH QUỐC	TRUNG	NAM	29/04/2003	ĐẮK LẮK	THPT	SÁCH	503-45
18	HOÀNG MINH	VƯƠNG	NAM	12/02/1999	ĐẮK LẮK	THPT	KINH	503-45
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH- NHẬP HỌC: 05/01/2024								
THỜI GIAN ĐÀO TẠO 2.5 NĂM								
1	LÊ TUẤN	ANH	NAM	02/02/2000	HÀ TĨNH	ĐH LUẬT	KINH	705-25
2	NGUYỄN VIỆT	BÌNH	NAM	20/03/1977	HÀ TĨNH	ĐH LUẬT HỌC	KINH	705-25
3	NGUYỄN THỊ LINH	CHI	NỮ	12/09/1994	ĐẮK LẮK	ĐH DƯỢC HỌC	KINH	705-25
4	PHẠM THỊ HỒNG	CHUYÊN	NỮ	20/10/1990	ĐẮK LẮK	ĐH VĂN HỌC	KINH	705-25
5	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	NỮ	01/08/2001	QUẢNG NAM	ĐH LUẬT	KINH	705-25



STT	Họ tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Văn bằng	Dân tộc	Ngành - TGĐT
6	LƯƠNG THANH	HUYỀN	NỮ	08/11/1985	KHÁNH HÒA	ĐH LUẬT HỌC	KINH	705-25
7	ĐỖ TRUNG	KIÊN	NAM	14/06/2001	ĐẮK LẮK	ĐH LUẬT	KINH	705-25
8	NGUYỄN THỊ	MAI	NỮ	25/12/1990	ĐẮK LẮK	BÁC SĨ Y ĐA KHOA	KINH	705-25
9	CÙ HUY	MINH	NAM	16/05/1988	ĐẮK LẮK	ĐH LUẬT	KINH	705-25
10	PHAN THỊ BÌNH	MINH	NỮ	25/08/1995	ĐẮK LẮK	DƯỢC SĨ	KINH	705-25
11	NGUYỄN THỊ THÚY	NGA	NỮ	02/09/1999	ĐẮK LẮK	ĐH LUẬT	KINH	705-25
12	TRƯƠNG THỊ THẢO	NGỌC	NỮ	25/09/1995	ĐẮK LẮK	ĐH LUẬT	KINH	705-25
13	HOÀNG THỊ	NHÂN	NỮ	20/03/1995	ĐẮK LẮK	KS KHUYẾN NÔNG VÀ PTNT	KINH	705-25
14	BÙI ĐẶNG NHƯ	QUỖNH	NỮ	14/10/1994	ĐẮK LẮK	ĐH VĂN HỌC	KINH	705-25
15	NGUYỄN THỊ HÀ	THANH	NỮ	13/09/2001	ĐẮK LẮK	ĐH LUẬT	TÂY	705-25
16	ĐẶNG ĐÌNH	THÀNH	NAM	06/04/1990	ĐẮK LẮK	ĐH SINH HỌC	KINH	705-25
17	TẶNG QUANG	THẾ	NAM	27/11/1999	ĐẮK LẮK	ĐH LUẬT	KINH	705-25
18	TRẦN THỊ	TRANG	NỮ	08/06/1984	VĨNH LONG	ĐH Y KHOA	KINH	705-25
19	DƯƠNG THỊ NGỌC	TRINH	NỮ	07/06/1993	QUẢNG TRỊ	ĐH CÔNG TÁC XÃ HỘI	KINH	705-25
20	TRẦN TƯỜNG	VI	NỮ	10/06/1983	ĐẮK LẮK	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
21	NGUYỄN THỊ	YẾN	NỮ	24/02/1990	ĐẮK LẮK	ĐH LUẬT	KINH	705-25

Danh sách này có: 51 sinh viên

CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

CÁN BỘ KIỂM TRA

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT


Nguyễn Thị Thu Hiền


Võ Đình Lâm





55

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2024

TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM CƠ SỞ ĐẮK LẮK - NHẬP HỌC: 05/01/2024

Kèm theo Quyết định số 56.../QĐ-VĐTMCNTT ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Văn bằng	Dân tộc	Ngành - TGĐT
NGÀNH LUẬT							
THỜI GIAN ĐÀO TẠO 2.5 NĂM							
1	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	NAM	31/10/1984	ĐẮK LẮK	KS QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	KINH	503-25
2	Y QUÂN	NAM	19/08/1999	ĐẮK LẮK	ĐH CHÍNH TRỊ HỌC	Ê ĐÊ	503-25
3	PHẠM THỊ THU	NỮ	03/10/1988	ĐẮK LẮK	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	503-25
4	HỒ SỸ	NAM	22/04/1996	ĐẮK LẮK	KS KHOA HỌC CÂY TRỒNG	KINH	503-25
5	NGUYỄN TRUNG	NAM	24/12/1983	ĐẮK LẮK	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	503-25
6	LÊ THỊ	NỮ	06/07/1987	ĐẮK LẮK	KS LÂM SINH	KINH	503-25
7	NGUYỄN BÁ	NAM	09/03/1999	ĐẮK LẮK	ĐH DƯỢC HỌC	KINH	503-25
8	ĐẶNG XUÂN	NAM	20/10/1985	ĐẮK LẮK	KS QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	KINH	503-25
9	LƯU THỊ HUYỀN	NỮ	19/05/1996	ĐẮK LẮK	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503-25
10	NGUYỄN THỊ	NỮ	08/06/1984	NGHỆ AN	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	503-25
11	NGUYỄN THỊ	NỮ	25/05/1984	ĐẮK LẮK	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503-25
12	LÊ QUỐC	NAM	19/10/1986	HÀ TĨNH	ĐH QUẢN LÝ VĂN HÓA	KINH	503-25
13	NGUYỄN THỊ THU	NỮ	20/11/2000	ĐẮK LẮK	ĐH KINH TẾ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN	KINH	503-25
14	MA VĂN	NAM	17/02/1988	LẠNG SƠN	ĐH GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ	TÂY	503-25
THỜI GIAN ĐÀO TẠO 4.5 NĂM							
1	PHẠM ĐÌNH QUANG	NAM	29/07/1995	ĐẮK LẮK	THPT	KINH	503-45
2	NGUYỄN THỊ MINH	NỮ	15/04/1998	ĐẮK LẮK	THPT	KINH	503-45



3	HỒ HỮU	TRỌNG	NAM	14/09/2005	ĐẮK LẮK	THPT	KINH	503-45
	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH							
	THỜI GIAN ĐÀO TẠO 2.5 NĂM							
1	LÊ HUY	AN	NAM	20/04/1984	THÁI NGUYÊN	ĐHSP KỸ THUẬT	KINH	705-25
2	AI VŨ	AYUA	NAM	07/07/1996	ĐẮK LẮK	BÁC SĨ Y KHOA	VÂN KIỀU	705-25
3	NGUYỄN THỊ	BÌNH	NỮ	19/07/1984	ĐẮK LẮK	ĐH LUẬT HỌC	KINH	705-25
4	LÊ NGỌC ĐAN	CHÂU	NỮ	20/08/1988	ĐẮK LẮK	BÁC SĨ Y ĐA KHOA	KINH	705-25
5	NGUYỄN THỊ THÙY	DUNG	NỮ	22/06/1990	HÀ TĨNH	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	705-25
6	TRẦN VĂN	DŨNG	NAM	25/02/1996	ĐẮK LẮK	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705-25
7	VÕ HỮU	DŨNG	NAM	01/12/1968	QUẢNG TRỊ	ĐH LUẬT HỌC	KINH	705-25
8	CAO XUÂN	ĐĂNG	NAM	01/06/1986	NGHỆ AN	ĐH QUÂN SỰ CƠ SỞ	KINH	705-25
9	NGUYỄN THỊ TRÀ	GIANG	NỮ	07/10/1987	ĐẮK LẮK	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
10	NGUYỄN TRẦN THU	HÀ	NỮ	06/07/1992	ĐẮK LẮK	ĐH LUẬT DÂN SỰ	KINH	705-25
11	TRẦN MINH	HÀO	NAM	24/05/1997	ĐẮK LẮK	ĐH LUẬT	KINH	705-25
12	PHAN BÁ LÊ	HIỀN	NAM	09/08/1979	HÀ TĨNH	ĐHSP TOÁN - TIN	KINH	705-25
13	ĐẶNG THỊ	HOA	NỮ	03/01/1994	ĐẮK NÔNG	ĐH SINH HỌC	KINH	705-25
14	CAO THỊ	HUẾ	NỮ	25/04/1998	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705-25
15	TRIỆU QUANG	HÙNG	NAM	17/04/1986	BẮC KẠN	ĐH LUẬT	DAO	705-25
16	VŨ QUANG	HÙNG	NAM	02/07/1983	KON TUM	ĐHSP SINH - KT NÔNG LÂM	KINH	705-25
17	LÊ THỊ DIỄM	HƯƠNG	NỮ	30/07/1987	ĐẮK LẮK	BÁC SĨ Y ĐA KHOA	KINH	705-25
18	LÊ THỊ THU	HƯƠNG	NỮ	07/03/1985	HÀ TĨNH	ĐH LUẬT KINH TẾ	KINH	705-25
19	NGUYỄN THÚY	HƯỜNG	NỮ	03/10/1984	HÀ NỘI	ĐH NGỮ VĂN	KINH	705-25
20	TRƯƠNG CÔNG	LUẬT	NAM	24/07/1990	ĐẮK LẮK	ĐH LUẬT	KINH	705-25
21	NGUYỄN TIẾN	MẠNH	NAM	18/07/1986	NGHỆ AN	KS CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	KINH	705-25
22	ĐÌNH ĐỨC	MỸ	NAM	20/11/1997	ĐẮK LẮK	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705-25
23	PHAN THỊ	NA	NỮ	19/02/1999	ĐẮK LẮK	ĐH GIÁO DỤC MẦM NON	KINH	705-25
24	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG	NHI	NỮ	05/10/1998	ĐẮK LẮK	BÁC SĨ Y ĐA KHOA	KINH	705-25

MỞ
NGHỀ
TIN
HUẾ

57

25	TRƯƠNG XUÂN	NINH	NAM	17/07/1977	NGHỆ AN	ĐH LUẬT	KINH	705-25
26	HỒ THỨC UYÊN	PHƯƠNG	NỮ	17/06/1999	KHÁNH HÒA	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705-25
27	NGUYỄN THANH HOÀNG	PHƯƠNG	NAM	18/02/1996	NINH BÌNH	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	705-25
28	NGUYỄN THỊ HOÀI	PHƯƠNG	NỮ	14/01/1990	ĐẮK LẮK	ĐHSP NGỮ VĂN	KINH	705-25
29	LÊ THỊ TRÚC	QUỲNH	NỮ	13/11/1999	GIA LAI	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705-25
30	LÊ HỮU	THÀNH	NAM	14/07/1980	VĨNH PHÚC	ĐH TOÁN - TIN	KINH	705-25
31	NGUYỄN THỊ	THE	NỮ	24/09/1980	HÀ TĨNH	ĐH LUẬT HỌC	KINH	705-25
32	HOÀNG THỊ ANH	THƯ	NỮ	07/10/1990	ĐẮK LẮK	DƯỢC SĨ	KINH	705-25
33	NGUYỄN VĂN	TIẾP	NAM	10/06/1984	BẮC GIANG	ĐHSP SINH - KTTN	KINH	705-25
34	CAO VĂN	TOÀN	NAM	13/05/1986	NAM ĐỊNH	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705-25
35	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	NỮ	14/05/1991	HÀ TĨNH	ĐH LUẬT	KINH	705-25
36	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRÂM	NỮ	15/06/1991	ĐẮK LẮK	ĐH LUẬT	KINH	705-25
37	CAO NGỌC	TRÍ	NAM	28/06/1996	ĐẮK LẮK	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705-25
38	BÙI ANH	TUẤN	NAM	01/08/1997	THANH HÓA	ĐH KINH TẾ QUỐC TẾ	KINH	705-25
39	HỒ TRỌNG	TUẤN	NAM	10/10/1973	NGHỆ AN	ĐH SÁNG TÁC ÂM NHẠC	KINH	705-25
40	PHẠM ANH	TUẤN	NAM	08/04/1992	ĐẮK LẮK	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705-25
41	NGÔ THỊ	TUYẾT	NỮ	18/02/1989	THÁI BÌNH	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705-25
42	PHẠM THỊ	TUYẾT	NỮ	05/11/1984	NAM ĐỊNH	ĐH GIÁO DỤC MẦM NON	KINH	705-25
43	NGUYỄN VĂN	TUYỀN	NAM	20/06/1986	BẮC NINH	ĐH QUÂN SỰ CƠ SỞ	KINH	705-25
44	PHẠM LÊ TÚ	UYÊN	NỮ	09/02/1996	ĐẮK LẮK	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705-25
45	NGUYỄN THỊ NGỌC	VÂN	NỮ	11/08/1984	HÀ NỘI	ĐH GIÁO DỤC MẦM NON	KINH	705-25

Danh sách này có: 62 sinh viên

CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

CÁN BỘ KIỂM TRA

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT



Nguyễn Thị Thu Hiền

Võ Đình Lâm

DM

Hoàng Sơn

ĐẠI HỌC HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mã đợt: 202403

VIỆN ĐÀO TẠO MỎ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2024

TẠI TRƯỜNG CĐ CỘNG ĐỒNG ĐẮK NÔNG - NHẬP HỌC: 05/01/2024

Kèm theo Quyết định số ...56.../QĐ-VĐTMCNTT ngày 03...tháng 01...năm 2024 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Văn bằng	Dân tộc	Ngành - TGĐT
	NGÀNH LUẬT						
	THỜI GIAN ĐÀO TẠO 2.5 NĂM						
1	NGUYỄN TÚ CẨM	NỮ	24/12/1994	ĐỒNG NAI	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503-25
2	NGUYỄN THỊ DIỆP	NỮ	27/08/1988	QUẢNG BÌNH	ĐH CÔNG TÁC XÃ HỘI	KINH	503-25
3	NGUYỄN THỊ ÁNH	NỮ	26/06/1986	ĐẮK NÔNG	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503-25
4	LƯU MINH ĐỨC	NAM	24/07/1994	THANH HÓA	KS QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN RỪNG	KINH	503-25
5	TRẦN PHẠM KIM HÀ	NỮ	20/01/1993	ĐẮK LẮK	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	503-25
6	NGÔ THỊ HÒE	NỮ	05/01/1982	NGHỆ AN	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503-25
7	NGÔ THỊ THANH HUYỀN	NỮ	09/02/1994	ĐẮK LẮK	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503-25
8	TRẦN VĂN HƯNG	NAM	20/10/1980	THANH HÓA	ĐH LỊCH SỬ	KINH	503-25
9	NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG	NỮ	20/08/1986	ĐẮK LẮK	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503-25
10	LÊ ĐÌNH HỮU	NAM	24/08/1988	NGHỆ AN	KS QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	KINH	503-25
11	TRẦN ANH KHOA	NAM	09/07/1985	ĐẮK LẮK	KS QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	KINH	503-25
12	NGUYỄN THỊ LÀI	NỮ	10/11/1979	NGHỆ AN	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503-25
13	LÊ NHẬT LINH	NỮ	13/04/1999	ĐẮK LẮK	ĐH XÂY DỰNG ĐANG VÀ CƠ QUAN NHÀ NƯỚC	KINH	503-25
14	NGUYỄN HOÀNG LONG	NAM	07/01/1997	ĐẮK LẮK	KS CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	KINH	503-25
15	ĐỖ MƯỜI NGUYỄN	NAM	05/02/1988	ĐẮK NÔNG	KS QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	KINH	503-25
16	QUẢNG MINH PHÚC	NAM	24/06/1984	QUẢNG NGÃI	ĐH VẬT LÝ	KINH	503-25
17	PHẠM THỊ MINH PHƯƠNG	NỮ	26/08/1989	ĐẮK LẮK	KS QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	KINH	503-25
18	TRẦN VIỆT QUANG	NAM	17/04/1982	NAM ĐỊNH	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	503-25
19	TRẦN HỒNG QUÂN	NAM	15/07/1997	ĐẮK LẮK	KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG	KINH	503-25
20	PHAN VĂN THÀNH	NAM	27/05/1988	NGHỆ AN	ĐH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	KINH	503-25



59

21	TRẦN THỊ TRANG	THẢO	NỮ	21/02/1991	ĐẮK NÔNG	KS CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG GIAO THÔNG	KINH	503-25
22	NGUYỄN VIỆT	THÔNG	NAM	05/02/1981	HÀ TĨNH	ĐH NÔNG LÂM	KINH	503-25
23	TRẦN ANH	THU	NỮ	11/01/2001	ĐẮK LẮK	KS KHOA HỌC CÂY TRỒNG	KINH	503-25
24	LÝ	THƯƠNG	NAM	26/01/1983	ĐẮK LẮK	ĐH KẾ TOÁN KIỂM TOÁN	KINH	503-25
25	VÕ THANH	TIỀN	NAM	24/11/1996	ĐẮK LẮK	KS LÂM SINH	KINH	503-25
26	ĐỖ THỊ	TRANG	NỮ	01/10/1991	ĐẮK NÔNG	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	503-25
27	PHAN THỊ VIỆT	TRINH	NỮ	28/12/1991	ĐẮK NÔNG	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503-25
28	NGUYỄN QUỐC	TU	NAM	17/11/1983	QUẢNG NAM	KS XÂY DỰNG CẦU ĐƯỜNG	KINH	503-25
29	NGUYỄN MẠNH	TƯỜNG	NAM	06/06/1991	LÂM ĐỒNG	KS CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT XÂY DỰNG	KINH	503-25
30	NGUYỄN THỊ	VÂN	NỮ	02/06/1990	ĐẮK LẮK	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503-25
31	THÁI THỊ TƯỜNG	VY	NỮ	22/01/1988	ĐẮK NÔNG	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503-25
THỜI GIAN ĐÀO TẠO 4.5 NĂM								
1	NGUYỄN THỊ	AN	NỮ	13/02/2003	ĐẮK LẮK	THPT	MUÔNG	503-45
2	Y LUONG	LIỀNG	NAM	23/09/1991	ĐẮK LẮK	THPT	Ê ĐỀ	503-45
3	TRẦN THỊ KIỀU	LINH	NỮ	28/09/2005	ĐẮK NÔNG	THPT	KINH	503-45
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH								
THỜI GIAN ĐÀO TẠO 2.5 NĂM								
1	HOÀNG THỊ LAN	ANH	NỮ	15/09/1994	THANH HÓA	ĐH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	KINH	705-25
2	PHÙNG THỊ	NGÂN	NỮ	25/12/1993	ĐẮK NÔNG	ĐH PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	KINH	705-25
3	PHAN VĂN	MINH	NAM	17/07/1993	ĐẮK LẮK	ĐH KT ĐIỆN TỬ, TRUYỀN THÔNG	KINH	705-25

Danh sách này có: 37 sinh viên
CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

CÁN BỘ KIỂM TRA

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT

Nguyễn Thị Thu Hiền
Võ Đình Pâm



DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2024
TẠI TRUNG TÂM GDTX TỈNH PHÚ YÊN - NHẬP HỌC: 05/01/2024

Kèm theo Quyết định số ...56/QĐ-VĐTMCNTT ngày 03...tháng 04...năm 2024 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Văn bằng	Dân tộc	Ngành - TGĐT
	NGÀNH LUẬT						
	THỜI GIAN ĐÀO TẠO 2.5 NĂM						
1	TRẦN THIÊN ÂN	NAM	18/08/1987	PHÚ YÊN	ĐH NGÔN NGỮ ANH	KINH	503-25
2	NGUYỄN MINH CHÂU	NỮ	22/02/1991	PHÚ YÊN	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	503-25
3	PHẠM THỊ MỸ CHUM	NỮ	08/10/1988	PHÚ YÊN	ĐH KINH TẾ THƯƠNG MẠI	KINH	503-25
4	NGUYỄN THỊ THU DUYÊN	NỮ	10/12/1989	PHÚ YÊN	KS CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG	KINH	503-25
5	LA THỊ GIANG	NỮ	29/02/1992	PHÚ YÊN	ĐHSP ĐỊA LÝ	BA NA	503-25
6	HUỲNH THỊ HẢO	NỮ	17/02/1988	PHÚ YÊN	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	503-25
7	ĐÌNH THU HẰNG	NỮ	06/05/1993	PHÚ YÊN	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503-25
8	HOÀNG THỊ HOA	NỮ	17/10/1986	LẠNG SƠN	ĐHSP ĐỊA LÝ	TÀY	503-25
9	SÔ MINH HUẤN	NAM	03/03/1987	PHÚ YÊN	ĐH GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ	CHĂM	503-25
10	HỒ TUẤN NAM	NAM	10/01/1981	NGHỆ AN	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	503-25
11	LÊ TẤN NINH	NAM	29/02/1996	PHÚ YÊN	ĐH KINH TẾ NÔNG NGHIỆP	KINH	503-25
12	BÙI NGỌC QUỐC	NAM	01/07/1977	KHÁNH HÒA	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503-25
13	VÕ THỊ ANH THƯ	NỮ	10/07/1988	PHÚ YÊN	ĐH CÔNG TÁC XÃ HỘI	KINH	503-25
14	NGUYỄN TRẦN THỦY TIÊN	NỮ	23/08/2001	PHÚ YÊN	ĐH NGÔN NGỮ ANH	KINH	503-25
15	NGUYỄN NGỌC TÌNH	NAM	20/12/1992	PHÚ YÊN	KS KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG	KINH	503-25
16	LÊ QUỐC TRẠNG	NAM	25/05/1992	PHÚ YÊN	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	503-25
17	CAO VĂN TRIỀU	NAM	22/07/1991	PHÚ YÊN	ĐH HẢI DƯƠNG, KHÍ TƯỢNG VÀ THUYẾT VĂN	KINH	503-25

18	VĂN THỊ ÁNH	TUYẾT	NỮ	25/08/1986	PHÚ YÊN	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503-25
THỜI GIAN ĐÀO TẠO 4.5 NĂM								
1	LÊ HOÀNG	ANH	NỮ	15/09/2000	PHÚ YÊN	THPT	KINH	503-45
2	NAY Y	CÔNG	NAM	12/02/1998	PHÚ YÊN	THPT	Ê ĐỀ	503-45
3	SO MINH	DIÊM	NAM	21/05/1992	PHÚ YÊN	THPT	BA NA	503-45
4	VÕ VĂN	ĐON	NAM	13/06/1982	PHÚ YÊN	THPT	KINH	503-45
5	ĐẶNG KHẮC	HIÊN	NAM	16/06/1982	PHÚ YÊN	THPT	KINH	503-45
6	LÊ THỊ MỸ	HIỆP	NỮ	11/01/1984	PHÚ YÊN	THPT	KINH	503-45
7	HUỖNH LÊ XUÂN	HOÀI	NAM	28/01/1984	KHÁNH HOÀ	THPT	KINH	503-45
8	NGUYỄN NGỌC	HỘI	NAM	10/05/1983	PHÚ YÊN	THPT	KINH	503-45
9	VÕ VĂN	KHÁ	NAM	06/06/1999	KHÁNH HÒA	THPT	KINH	503-45
10	LÊ QUANG	KHÁNH	NAM	03/09/2000	PHÚ YÊN	THPT	KINH	503-45
11	NGUYỄN THỊ THANH	KIỀU	NỮ	20/03/1999	PHÚ YÊN	THPT	KINH	503-45
12	SO MINH	LÝ	NAM	14/07/1996	PHÚ YÊN	THPT	BA NA	503-45
13	ĐÌNH THỊ THU	THANH	NỮ	28/02/1988	PHÚ YÊN	THPT	KINH	503-45
14	VŨ THỊ	TRANG	NỮ	06/05/1983	HẢI DƯƠNG	THPT	KINH	503-45
15	KPÁ	TÝ	NAM	30/04/1991	PHÚ YÊN	THPT	BA NA	503-45
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - NHẬP HỌC: 05/01/2024								
THỜI GIAN ĐÀO TẠO 2.5 NĂM								
1	NGUYỄN THỊ CẨM	GIANG	NỮ	07/09/1984	PHÚ YÊN	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705-25
2	TRẦN THỊ THU	HIÊN	NỮ	10/08/1997	PHÚ YÊN	ĐH LUẬT KINH TẾ	KINH	705-25
3	ĐÌNH THỊ	HÒA	NỮ	20/01/1997	NGHỆ AN	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25



4	NGUYỄN NGỌC HÙNG	NAM	25/09/1978	PHÚ YÊN	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	705-25
5	LÊ NGUYỄN XUÂN KHOA	NAM	09/09/1998	PHÚ YÊN	ĐH TRÌNH SÁT AN NINH	KINH	705-25
6	BÙI XUÂN SANG	NAM	20/10/1982	HÀ TĨNH	ĐH Y TẾ CÔNG CỘNG	KINH	705-25
7	PHẠM THỊ HUYỀN THẢO	NỮ	02/09/1995	PHÚ YÊN	ĐH SINH HỌC	KINH	705-25
8	PHAN THƯƠNG THẨM	NỮ	02/04/2001	PHÚ YÊN	ĐH QUẢN TRỊ DVDL VÀ LỮ HÀNH	KINH	705-25
9	NGÔ VĂN THÔNG	NAM	22/10/1989	PHÚ YÊN	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
10	VÕ THỊ MỸ THƯƠNG	NỮ	13/12/2001	PHÚ YÊN	KS CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT HÓA HỌC	KINH	705-25
11	NGUYỄN THỊ NHƯ YÊN	NỮ	28/11/1993	GIA LAI	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25

Danh sách này có: 44 sinh viên

CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

CÁN BỘ KIỂM TRA

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT


Nguyễn Thị Thu Hiền


Võ Đình Lâm





Nguyễn Hoàng Sơn

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2024
TẠI TRUNG TÂM GDTX - TỈNH BÌNH ĐỊNH - NHẬP HỌC: 05/01/2024

Kèm theo Quyết định số ...56./QĐ-VĐTMCNTT ngày 03...tháng 04...năm 2024 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Văn bằng	Dân tộc	Ngành - TGĐT
	NGÀNH LUẬT						
	THỜI GIAN ĐÀO 4.5 NĂM						
1	MAI THỊ BÍCH	LIÊU	NỮ	20/12/1999	BÌNH ĐỊNH	THPT	KINH 503-45
	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH						
	THỜI GIAN ĐÀO 2.5 NĂM						
1	NGUYỄN PHƯƠNG DUY	CƯƠNG	NAM	30/03/1986	BÌNH ĐỊNH	BÁC SĨ Y KHOA	KINH 705-25
2	PHẠM THỊ NGỌC	DIỄM	NỮ	15/01/1991	BÌNH ĐỊNH	ĐH KẾ TOÁN	KINH 705-25
3	VÕ THỊ MỸ	DUNG	NỮ	02/06/1999	BÌNH ĐỊNH	BÁC SĨ Y KHOA	KINH 705-25
4	ĐOÀN THỊ MỸ	DUYÊN	NỮ	22/03/2000	BÌNH ĐỊNH	ĐH LUẬT	KINH 705-25
5	TRẦN THỊ THÙY	DƯƠNG	NỮ	23/11/1996	BÌNH ĐỊNH	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH 705-25
6	VŨ THÀNH	DƯƠNG	NAM	05/01/1998	BÌNH ĐỊNH	ĐH CHÍNH TRỊ HỌC	KINH 705-25
7	LÊ THỊ KIM	ĐÌNH	NỮ	27/10/1992	BÌNH ĐỊNH	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH 705-25
8	NGUYỄN PHẠM THANH	ĐÌNH	NAM	29/10/1999	BÌNH ĐỊNH	ĐHSP TOÁN HỌC	KINH 705-25
9	NGUYỄN THANH	ĐÌNH	NAM	27/03/1989	BÌNH ĐỊNH	ĐH LUẬT	KINH 705-25
10	NGUYỄN THỊ NGÂN	HÀ	NỮ	15/11/1980	QUẢNG NAM	ĐH THỦ Y	KINH 705-25
11	LÊ TẤN	HẢI	NAM	22/10/1992	BÌNH ĐỊNH	ĐH LUẬT	KINH 705-25
12	NGUYỄN LƯƠNG	HẢI	NAM	26/12/1989	BÌNH ĐỊNH	KS XÂY DỰNG CẦU - ĐƯỜNG	KINH 705-25
13	TRẦN MINH	HẢI	NAM	01/01/1981	QUẢNG NAM	ĐH LÀM VƯỜN - SINH VẬT CẢNH	KINH 705-25
14	PHẠM HỒNG	HIỆP	NAM	06/02/1989	BÌNH ĐỊNH	ĐH CÔNG TÁC XÃ HỘI	KINH 705-25
15	ĐỖ XUÂN	HÒA	NAM	21/07/1990	BÌNH ĐỊNH	BÁC SĨ	KINH 705-25

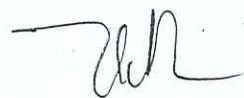


16	TRẦN DUY	HÙNG	NAM	22/08/1976	GIA LAI	ĐH Y	KINH	705-25
17	NGUYỄN VĂN	LUÂN	NAM	19/04/1989	BÌNH ĐỊNH	ĐH LUẬT	KINH	705-25
18	NGUYỄN THỊ TỎ	NỮ	NỮ	15/05/1985	BÌNH ĐỊNH	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705-25
19	BÙI VĂN	PHI	NAM	04/08/1976	BÌNH ĐỊNH	ĐH LUẬT	KINH	705-25
20	NGUYỄN KIM	PHONG	NAM	30/05/1999	GIA LAI	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705-25
21	TẠ THỊ HUY	PHÚ	NỮ	12/02/1981	BÌNH ĐỊNH	ĐH TRỒNG TRỌT	KINH	705-25
22	HUỖNH XUÂN	PHƯƠNG	NAM	16/06/1985	BÌNH ĐỊNH	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
23	TRƯƠNG LÊ BÍCH	PHƯƠNG	NỮ	28/08/1997	BÌNH ĐỊNH	ĐH VĂN HỌC	KINH	705-25
24	THÂN TRỌNG	QUYÊN	NAM	29/10/1979	BÌNH ĐỊNH	KS ĐIỆN KHÍ HÓA VÀ CUNG CẤP ĐIỆN	KINH	705-25
25	TRẦN NGỌC	QUỖNH	NAM	12/02/1986	BÌNH ĐỊNH	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
26	TRẦN QUANG	TÂM	NAM	06/01/1991	BÌNH ĐỊNH	KS LÂM NGHIỆP	KINH	705-25
27	TRỊNH THỊ CHÂU	TÂM	NỮ	28/07/1987	BÌNH ĐỊNH	ĐH CÔNG TÁC XÃ HỘI	KINH	705-25
28	NGUYỄN NHẬT	THẢO	NỮ	22/07/1990	BÌNH ĐỊNH	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
29	TRẦN THỊ	THẢO	NỮ	19/11/1984	BÌNH ĐỊNH	ĐH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	KINH	705-25
30	NGUYỄN VĂN	THUẬN	NAM	25/06/1985	PHÚ YÊN	KS KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	KINH	705-25
31	TRƯƠNG THỊ	THUẬN	NỮ	06/08/1980	BÌNH ĐỊNH	ĐH NÔNG HỌC	KINH	705-25
32	ĐỖ THỊ XUÂN	THÙY	NỮ	22/07/1982	BÌNH ĐỊNH	ĐH NÔNG HỌC	KINH	705-25
33	TỪ MINH	THƯ	NAM	02/03/1999	BÌNH ĐỊNH	ĐH SINH HỌC	KINH	705-25
34	NGUYỄN TRẦN THÙY	TIÊN	NỮ	11/05/1993	BÌNH ĐỊNH	KS NÔNG HỌC	KINH	705-25
35	THÂN TRỌNG	TÍN	NAM	20/12/1985	BÌNH ĐỊNH	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705-25
36	ĐẶNG THỊ BÍCH	TOÀN	NỮ	11/07/1992	BÌNH ĐỊNH	ĐH LUẬT	KINH	705-25
37	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂM	NỮ	11/09/2001	BÌNH ĐỊNH	ĐH LUẬT	KINH	705-25
38	LÊ THỊ KIỀU	TRINH	NỮ	05/12/1996	BÌNH ĐỊNH	ĐH VĂN HỌC	KINH	705-25
39	NGUYỄN TOÀN	TRUNG	NAM	20/11/1989	BÌNH ĐỊNH	ĐH LUẬT	KINH	705-25
40	HOÀNG THỊ HOÀNG	TUYÊN	NỮ	02/10/1988	BÌNH ĐỊNH	ĐH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC	KINH	705-25

41	TRẦN HỮU	TUYỂN	NAM	20/12/1989	BÌNH ĐỊNH	ĐH LUẬT	KINH	705-25
42	HOÀNG THANH	TÚ	NAM	03/04/1980	QUẢNG BÌNH	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	KINH	705-25
43	PHAN TRẦN	VIỆT	NAM	11/08/1982	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH LÀM VƯỜN VÀ SINH VẬT CẢNH	KINH	705-25
44	HUỲNH TRÚC	VY	NỮ	21/07/1994	BÌNH ĐỊNH	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	705-25

Danh sách này có: 45 sinh viên

CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ



Nguyễn Thị Thu Hiền

CÁN BỘ KIỂM TRA



Võ Đình Lâm

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT




Nguyễn Hoàng Sơn

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2024
TẠI TRUNG TÂM GDTX - TỈNH NINH THUẬN - NHẬP HỌC: 05/01/2024

Kèm theo Quyết định số ...56../QĐ-VĐTMCNTT ngày 03..tháng ..01..năm 2024 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế

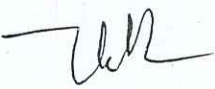
STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Văn bằng	Dân tộc	Ngành - TGĐT
	NGÀNH LUẬT						
	THỜI GIAN ĐÀO TẠO 2.5 NĂM						
1	NGUYỄN TRẦN MAI VI	NỮ	06/07/1998	NINH THUẬN	ĐH ĐỒ THỊ HỌC	KINH	503-25

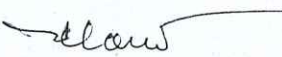
Danh sách này có: 1 sinh viên

CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

CÁN BỘ KIỂM TRA

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT


Nguyễn Thị Thu Hiền


Võ Đình Lâm





Nguyễn Hoàng Sơn

ĐẠI HỌC HUẾ

VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mã đợt: 202409

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2024
TẠI TRUNG TÂM GDTX TỈNH KHÁNH HÒA

Kèm theo Quyết định số ... 56.../QĐ-VĐTMCNTT ngày 13...tháng 01...năm 20 24 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế



STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Văn bằng	Dân tộc	Ngành - TGDĐT
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH. NHẬP HỌC: 05/01/2024							
THỜI GIAN ĐÀO TẠO 2.5 NĂM							
1	TRẦN QUỐC AN	NAM	21/02/1988	KHÁNH HOÀ	ĐH LUẬT	KINH	705-25
2	LUƠNG NGỌC YẾN ANH	NỮ	29/08/1982	KHÁNH HÒA	ĐH LUẬT	KINH	705-25
3	NGUYỄN NGỌC MINH ANH	NỮ	21/03/1997	ĐẮK LẮK	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
4	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	NỮ	06/09/1989	QUẢNG NINH	ĐH KTVT BIÊN	KINH	705-25
5	TRẦN LÊ NGỌC ANH	NỮ	18/12/2000	KHÁNH HÒA	ĐH LUẬT	KINH	705-25
6	NGUYỄN HỮU BÁCH	NAM	03/02/1989	CAO BẰNG	ĐH TC-NH	KINH	705-25
7	BÙI KHÁNH BÌNH	NAM	21/10/1989	KHÁNH HÒA	KS KTVT BIÊN	KINH	705-25
8	VÕ THÁI BÌNH	NAM	04/09/1983	HÀ TĨNH	ĐHSP VĂN	KINH	705-25
9	TRẦN NGỌC BÍCH	NAM	30/03/1979	KHÁNH HÒA	ĐH LUẬT	KINH	705-25
10	ĐOÀN NGỌC NHẢ CA	NỮ	01/01/1994	KHÁNH HÒA	ĐHSP ÂM NHẠC	KINH	705-25
11	HOÀNG NGỌC CẢNH	NAM	03/10/1988	ĐẮK LẮK	ĐH LUẬT	KINH	705-25
12	NGUYỄN VĂN CẢNH	NAM	10/09/1976	PHÚ YÊN	ĐH LUẬT	KINH	705-25

13	NGUYỄN VĂN	CHÍ	NAM	10/10/1980	HÀ NỘI	ĐHSP GDĐB	KINH	705-25
14	NGUYỄN ĐÌNH	CHUNG	NAM	01/06/1989	NGHỆ AN	ĐH TÀI CHÍNH KT	KINH	705-25
15	PHAN THÀNH	CHUNG	NAM	23/11/1971	QUẢNG BÌNH	ĐH VPD-TTLL	KINH	705-25
16	TRẦN VĂN	CƯỜNG	NAM	13/09/1991	NAM ĐỊNH	BS QUÂN Y	KINH	705-25
17	NGUYỄN THỊ THU	DUNG	NỮ	02/07/1989	HÒA BÌNH	ĐH LUẬT	KINH	705-25
18	NGUYỄN ĐỨC	DUY	NAM	29/11/1992	KHÁNH HÒA	ĐH KTXN Y HỌC	KINH	705-25
19	KHÔNG THỊ	DUYÊN	NỮ	12/09/2000	ĐẮK LẮK	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
20	TRẦN THỊ	DUYÊN	NỮ	11/08/1986	THÁI BÌNH	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
21	PHẠM VIỆT	DŨNG	NAM	21/02/1990	QUẢNG NINH	ĐH CHỈ HUY-TMTT	KINH	705-25
22	ĐÀO MINH	DƯƠNG	NAM	09/06/1983	KHÁNH HOÀ	ĐH LUẬT	KINH	705-25
23	NGUYỄN THÁI	DƯƠNG	NAM	31/10/1988	KHÁNH HÒA	ĐH LUẬT	KINH	705-25
24	LÊ VIỆT	DƯỠC	NAM	02/06/1995	ĐẮK LẮK	KS ĐKTBQS	KINH	705-25
25	NGUYỄN TÂN	ĐẠI	NAM	20/10/1987	KHÁNH HÒA	ĐH KTTM	KINH	705-25
26	NGUYỄN ĐỨC	ĐẠT	NAM	22/01/1999	HẢI PHÒNG	ĐH KINH TẾ NT	KINH	705-25
27	VŨ THÀNH	ĐẠT	NAM	22/09/1992	THÁI BÌNH	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
28	NGUYỄN TRỌNG	ĐỨC	NAM	01/01/1989	KHÁNH HÒA	KTS - KT	KINH	705-25
29	HOÀNG HẢI	HÀ	NAM	16/11/1997	KHÁNH HÒA	KS KH HÀNG HẢI	KINH	705-25
30	LÊ THỊ THU	HÀ	NỮ	15/08/1979	KHÁNH HÒA	ĐH NGỮ VĂN	KINH	705-25
31	LÊ THỊ THU	HÀ	NỮ	21/02/1990	THANH HÓA	ĐH NTTS	KINH	705-25
32	LÊ VĂN QUANG	HÀ	NAM	01/10/1993	HÀ TĨNH	KS CNKTĐTHQ	KINH	705-25
33	NGUYỄN THỊ QUÝ	HÀ	NỮ	08/05/1986	QUẢNG BÌNH	ĐH ĐIỀU DƯỠNG-ĐA KHOA	KINH	705-25

34	TRẦN THỊ	HIỆU	NỮ	15/08/1992	HÀ TĨNH	ĐH LUẬT	KINH	705-25
35	ĐOÀN QUANG	HIỆU	NAM	04/01/1980	HÀ TĨNH	ĐH LUẬT	KINH	705-25
36	NGUYỄN XUÂN	HOÀNG	NAM	13/02/1980	THANH HÓA	ĐH QLKD	KINH	705-25
37	TRẦN THỊ	HUỆ	NỮ	15/09/1988	NGHỆ AN	ĐH LUẬT	KINH	705-25
38	ĐẶNG THỊ	HUYỀN	NỮ	20/01/1994	QUẢNG NGÃI	ĐHSP ÂM NHẠC	KINH	705-25
39	LÊ THỊ LAN	HƯƠNG	NỮ	01/05/1997	KHÁNH HÒA	ĐH TCNH	KINH	705-25
40	TRẦN THỊ DIỆU	HƯƠNG	NỮ	06/06/1995	THỪA THIÊN HUẾ	ĐHSP TOÁN	KINH	705-25
41	TRẦN THỊ THANH	HƯƠNG	NỮ	01/11/1976	KHÁNH HÒA	ĐH LUẬT	KINH	705-25
42	SỬ ĐĂNG	KHÁNH	NỮ	07/08/1983	KHÁNH HÒA	BS Y HỌC CT	KINH	705-25
43	HỒ QUANG	LANH	NAM	06/12/1982	KHÁNH HÒA	ĐH LUẬT	KINH	705-25
44	TRẦN NGUYỄN BẢO	LINH	NỮ	22/10/1997	KHÁNH HÒA	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
45	VŨ VĂN	LINH	NAM	10/06/1982	THANH HÓA	ĐH LUẬT	KINH	705-25
46	NGUYỄN VĂN	MẠNH	NAM	01/02/1996	THANH HÓA	ĐH CHỈ HUY-TMTT	KINH	705-25
47	PHẠM HỮU	MINH	NAM	08/09/1989	KHÁNH HÒA	ĐH LUẬT	KINH	705-25
48	VÕ HỒNG	MINH	NAM	02/02/1981	KHÁNH HOÀ	KS CNTT	KINH	705-25
49	BÙI VŨ TUYẾT	MỸ	NỮ	14/08/1990	KHÁNH HÒA	ĐH LUẬT HỌC	KINH	705-25
50	NGUYỄN ÁI HUYỀN	NGA	NỮ	26/03/1987	ĐẮK LẮK	ĐHSP VẬT LÝ	KINH	705-25
51	PHẠM THỊ KIM	NGÂN	NỮ	31/10/1999	KHÁNH HÒA	ĐH LUẬT	KINH	705-25
52	TRẦN THỊ THANH	NGÂN	NỮ	20/11/1978	NAM ĐỊNH	ĐH SINH HỌC	KINH	705-25
53	NGUYỄN TRÍ	NGHĨA	NAM	10/12/1991	KHÁNH HÒA	ĐH LUẬT	KINH	705-25
54	ĐẶNG LÊ BẢO	NGỌC	NỮ	27/08/1990	KHÁNH HÒA	ĐH QTKD	KINH	705-25

55	TÔNG THỊ	NHÃ	NỮ	22/05/2001	NINH THUẬN	ĐH NTTS	KINH	705-25
56	TRẦN NỮ UYÊN	NHI	NỮ	17/12/1997	KHÁNH HÒA	ĐH LUẬT	KINH	705-25
57	NGUYỄN VĂN	NHIỆM	NAM	13/05/1988	NAM ĐỊNH	KS ĐKTBQS	KINH	705-25
58	CHUNG VĂN	NHÌ	NAM	01/04/2001	NINH BÌNH	ĐH NTTS	KINH	705-25
59	TRẦN MINH	NHỰT	NAM	09/10/1982	KHÁNH HÒA	ĐH LUẬT	KINH	705-25
60	BÙI THỊ MỸ	PHƯƠNG	NỮ	04/03/1989	KHÁNH HÒA	ĐH LUẬT	KINH	705-25
61	NGUYỄN THẾ	PHƯƠNG	NAM	25/12/1986	ĐẮK LẮK	BS ĐA KHOA	KINH	705-25
62	TÔ THỊ BÍCH	PHƯƠNG	NỮ	01/03/1987	KHÁNH HÒA	BS ĐA KHOA	KINH	705-25
63	LÊ VŨ HOÀNG	PHƯỚC	NAM	10/09/1997	KHÁNH HÒA	BS Y ĐA KHOA	KINH	705-25
64	HỒ XUÂN	QUANG	NAM	24/01/1978	KHÁNH HÒA	ĐH KIẾN TRÚC-CT	KINH	705-25
65	NGÔ LÊ MẠNH	QUÂN	NAM	14/02/1989	KHÁNH HÒA	ĐH KTVT	KINH	705-25
66	NGÔ LÊ MINH	QUÂN	NAM	21/09/1997	KHÁNH HÒA	ĐH TRÌNH SÁT-AN NINH	KINH	705-25
67	NGUYỄN HỒNG	QUÂN	NAM	26/06/1997	THÁI BÌNH	BS Y ĐA KHOA	KINH	705-25
68	ĐÀO LÊ MINH	QUÝ	NAM	07/02/1984	PHÚ YÊN	ĐH LUẬT	KINH	705-25
69	TRẦN	QUÝ	NAM	26/04/1982	HÀ TĨNH	ĐH LUẬT	KINH	705-25
70	NGUYỄN THỊ QUỲNH	SÂM	NỮ	17/07/1993	QUẢNG BÌNH	ĐH LUẬT	KINH	705-25
71	VÕ VIỆT	THANH	NAM	17/02/1998	BÌNH ĐỊNH	BS Y ĐA KHOA	KINH	705-25
72	VŨ THỊ PHƯƠNG	THANH	NỮ	15/06/1988	THANH HÓA	ĐH ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705-25
73	NGÔ NHẬT	THÀNH	NAM	26/09/1994	KHÁNH HÒA	KS ĐKTBQS	KINH	705-25
74	PHẠM KHẮC	THÀNH	NAM	02/01/1984	HẢI DƯƠNG	ĐH KTĐT	KINH	705-25
75	PHAN NGỌC	THÁI	NAM	09/07/1978	KHÁNH HÒA	ĐH KINH TẾ	KINH	705-25

76	PHẠM HỒNG PHƯƠNG	THẢO	NỮ	24/08/1985	KHÁNH HÒA	ĐH LUẬT HỌC	KINH	705-25
77	NGUYỄN XUÂN	THẮNG	NAM	14/01/1998	KHÁNH HÒA	KS CNKTĐK&TĐH	KINH	705-25
78	NGUYỄN LÊ KỶ	THỊNH	NAM	21/08/1985	KHÁNH HÒA	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
79	NGUYỄN THANH	THỊNH	NAM	07/07/1999	QUẢNG BÌNH	ĐH CHỈ HUY-TMTT	KINH	705-25
80	NGUYỄN MINH	THÔNG	NAM	20/06/1987	NGHỆ AN	ĐH LUẬT KT	KINH	705-25
81	LÊ THỊ THANH	THU	NỮ	15/04/1994	HÀ NAM	ĐH LUẬT	KINH	705-25
82	TRẦN THỊ KIM	THÚY	NỮ	28/10/1991	KHÁNH HÒA	ĐH QTKD	KINH	705-25
83	LÊ THỊ	THƯỜNG	NỮ	20/11/1984	HÀ TĨNH	ĐH NTTS	KINH	705-25
84	NGUYỄN BÁ	TIẾN	NAM	30/04/1995	THÁI BÌNH	KS ĐKTBQS	KINH	705-25
85	NGUYỄN QUỐC	TỈNH	NAM	12/04/1988	KHÁNH HÒA	ĐH LUẬT	KINH	705-25
86	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	NỮ	10/12/1990	KHÁNH HÒA	ĐH SƯ PHẠM VẬT LÝ	KINH	705-25
87	NGUYỄN TRẦN QUỲNH	TRANG	NỮ	06/04/1988	GIA LAI	ĐH KINH TẾ	KINH	705-25
88	HỒ XUÂN .	TRƯỜNG	NAM	15/09/1983	ĐẮK LẮK	ĐH LUẬT	KINH	705-25
89	NGUYỄN ANH	TUẤN	NAM	18/12/1980	PHÚ YÊN	ĐH LUẬT	KINH	705-25
90	NGUYỄN LÊ THANH	TUẤN	NAM	20/02/1978	KHÁNH HÒA	ĐH ĐIỆN TỬ	KINH	705-25
91	NGUYỄN PHƯƠNG	TUẤN	NAM	13/10/1987	KHÁNH HÒA	ĐH CHÍNH TRỊ HỌC	KINH	705-25
92	CÙ THỊ THANH	TUYỀN	NỮ	16/03/1986	ĐẮK LẮK	ĐH ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705-25
93	PHẠM MINH	TUYỀN	NAM	02/03/1980	KHÁNH HÒA	ĐH TOÁN TIN UD	KINH	705-25
94	HOÀNG THỊ	TUYẾT	NỮ	07/07/1988	HÀ TĨNH	ĐH LUẬT	KINH	705-25
95	TRẦN THỊ MỸ	TUYẾT	NỮ	21/01/1988	KHÁNH HÒA	ĐH ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705-25
96	NGUYỄN THỊ HẠ	UYÊN	NỮ	13/10/1999	KHÁNH HÒA	ĐH GDMN	KINH	705-25

97	NGUYỄN THỊ	VÂN	NỮ	19/09/1990	NGHỆ AN	ĐH LUẬT	KINH	705-25
98	NGUYỄN THỊ SÂM	VÂN	NỮ	24/10/1990	KHÁNH HÒA	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
99	NGUYỄN LÊ	VIÊN	NỮ	26/07/1982	KHÁNH HÒA	ĐH LUẬT	KINH	705-25
100	PHẠM HUỠNH TUỜNG	VIÊN	NỮ	08/05/1989	KHÁNH HÒA	ĐH LUẬT TMQT	KINH	705-25
101	HOÀNG VĂN	VIỆT	NAM	21/11/1992	KHÁNH HÒA	ĐH LUẬT	KINH	705-25
102	TRẦN THỊ HIỀN	VY	NỮ	05/02/1989	KHÁNH HÒA	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
103	TRANG KIM	YÊN	NỮ	04/08/1994	KHÁNH HÒA	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25

Danh sách này có: 103 sinh viên
CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

CÁN BỘ KIỂM TRA

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT



Nguyễn Hoàng Sơn

Võ Đình Lâm

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2024
TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÌNH THUẬN

Kèm theo Quyết định số ... 56/QĐ-VĐTMCNTT ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Văn bằng	Dân tộc	Ngành - TGDĐT
	NGÀNH LUẬT- NHẬP HỌC: 05/01/2024						
	THỜI GIAN ĐÀO TẠO 2.5 NĂM						
1	PHAN THỊ TƯỜNG AN	NỮ	26/06/1999	BÌNH THUẬN	ĐH NGÔN NGỮ ANH	KINH	503-25
2	CHUNG THỊ DIỄM	NỮ	08/12/1989	BÌNH THUẬN	ĐH LỊCH SỬ ĐCS VN	KINH	503-25
3	NGUYỄN THỊ HIỀN DIỆU	NỮ	22/10/1993	BÌNH THUẬN	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	503-25
4	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	NỮ	05/01/1998	BÌNH THUẬN	ĐH ĐỊA CHẤT HỌC	KINH	503-25
5	NGUYỄN THỊ TRƯỜNG HẠNH	NỮ	10/02/1986	BÌNH THUẬN	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503-25
6	TRẦN THỊ HỒNG HẠNH	NỮ	17/08/1983	BÌNH THUẬN	ĐH GIÁO DỤC THỂ CHẤT	KINH	503-25
7	NGUYỄN THỊ HỒNG HẢO	NỮ	26/03/1991	BÌNH THUẬN	KS CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT MT	KINH	503-25
8	HUỲNH THỊ THU HIỀN	NỮ	15/05/1979	BÌNH THUẬN	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503-25
9	LÊ XUÂN HÒA	NAM	30/04/1984	THANH HÓA	ĐH KINH TẾ NÔNG NGHIỆP	KINH	503-25
10	TRẦN THỊ DIỆU HÒA	NỮ	20/07/1992	BÌNH THUẬN	ĐH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	KINH	503-25
11	LÊ THỊ HUỆ	NỮ	11/05/1989	THANH HÓA	ĐH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	KINH	503-25
12	NGUYỄN THÀNH LÂM	NAM	18/06/1976	BÌNH THUẬN	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	503-25
13	TRẦN THỊ KIM LIÊN	NỮ	20/06/1992	BÌNH THUẬN	KS HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐỊA LÝ	KINH	503-25
14	NGUYỄN VĂN LONG	NAM	07/03/1988	HUNG YÊN	KS CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	KINH	503-25
15	BÙI THỊ NGÀ	NỮ	08/06/1978	QUẢNG NGÃI	ĐH XÃ HỘI HỌC	KINH	503-25
16	NGUYỄN HỮU NHẬT	NAM	08/04/1990	BÌNH THUẬN	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503-25
17	PHAN THỊ MỸ QUYÊN	NỮ	29/05/1990	BÌNH THUẬN	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503-25



18	NGUYỄN VÕ THANH	THU	NỮ	25/09/1995	BÌNH THUẬN	ĐH DƯỢC SĨ	KINH	503-25
19	NGUYỄN THỊ MỸ	TRÂM	NỮ	21/09/1998	BÌNH THUẬN	KS QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	KINH	503-25
20	LƯƠNG THỊ DUY	TRỄ	NỮ	26/04/1985	BÌNH THUẬN	ĐH HÀNH CHÍNH HỌC	CHĂM	503-25
21	NGUYỄN QUỐC	TUẤN	NAM	15/05/1976	BÌNH THUẬN	ĐH HÀNH CHÍNH HỌC	KINH	503-25
THỜI GIAN ĐÀO TẠO 3 NĂM								
1	NGUYỄN THỊ THU	HÔNG	NỮ	13/10/1983	BÌNH THUẬN	TC PHÁP LÝ, THPT.	KINH	503-30
2	K' THỊ	HÒM	NỮ	25/12/1973	BÌNH THUẬN	TC DỊCH VỤ PHÁP LÝ, THPT	K HO	503-30
THỜI GIAN ĐÀO TẠO 4.5 NĂM								
1	NGUYỄN NGỌC UYÊN	CHI	NỮ	20/10/1999	BÌNH THUẬN	THPT	KINH	503-45
2	MANG	DỪNG	NAM	04/02/1994	BÌNH THUẬN	THPT	RAGLAI	503-45
3	NGUYỄN HUỖNH NHƯ	HẢO	NỮ	29/10/2005	BÌNH THUẬN	THPT	KINH	503-45
4	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	HIỀN	NỮ	17/04/1984	BÌNH THUẬN	THPT	KINH	503-45
5	VĂN THỊ DUY	HOÀNG	NỮ	16/07/1992	BÌNH THUẬN	THPT	KINH	503-45
6	TRỊNH THỊ	HÔNG	NỮ	02/02/1984	BÌNH THUẬN	THPT	RAGLAI	503-45
7	NGUYỄN MINH	KHOA	NAM	01/11/1987	BÌNH THUẬN	THPT.	KINH	503-45
8	HUỶNH VĂN	MƯỜI	NAM	01/01/1983	BÌNH THUẬN	THPT	KINH	503-45
9	TRẦN PHƯƠNG	NHẢ	NỮ	04/11/2004	BÌNH THUẬN	THPT	KINH	503-45
10	CAO NHẤT	SƠN	NAM	13/01/1994	HỒ CHÍ MINH	THPT	KINH	503-45
11	PHẠM MINH	THÁI	NAM	30/07/2004	BÌNH THUẬN	THPT	KINH	503-45
12	NGUYỄN ĐỨC	THÔNG	NAM	19/03/1997	BÌNH THUẬN	THPT	KINH	503-45
13	LÊ THỊ HỒNG	VÂN	NỮ	19/06/1994	BÌNH THUẬN	THPT	KINH	503-45
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - NHẬP HỌC: 05/01/2024								

76

	THỜI GIAN ĐÀO TẠO 2.5 NĂM							
1	ĐẶNG VĂN	AN	NAM	09/11/1990	THANH HÓA	KS LÂM NGHIỆP	KINH	705-25
2	NGUYỄN THỊ KIM	ANH	NỮ	09/07/1989	NGHỆ AN	ĐH LUẬT	KINH	705-25
3	PHẠM TRẦN CÔNG	BÌNH	NAM	23/10/1986	BÌNH THUẬN	ĐH QUẢN LÝ VĂN HOÁ	KINH	705-25
4	VÕ HÙNG	CHUNG	NAM	20/07/1977	BÌNH THUẬN	ĐH LUẬT KINH TẾ	KINH	705-25
5	NGÔ VĂN	ĐẠI	NAM	24/04/1990	HÀ TĨNH	ĐH LUẬT	KINH	705-25
6	ĐẶNG THỊ THÚY	DIỄM	NỮ	10/08/1987	BÌNH THUẬN	ĐH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	KINH	705-25
7	MAI HOÀNG RIN	ĐÔ	NAM	21/11/1997	KHÁNH HÒA	KS QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	KINH	705-25
8	MÃN THỊ THÚY	DUNG	NỮ	10/05/1979	BÌNH THUẬN	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705-25
9	PHẠM THỊ	HÀ	NỮ	20/04/1987	NINH BÌNH	ĐH TÀI CHÍNH	KINH	705-25
10	NGUYỄN PHI	HẢI	NAM	14/10/1991	BÌNH THUẬN	ĐH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	KINH	705-25
11	NGUYỄN THỊ THÚY	HÀNG	NỮ	06/05/1986	QUẢNG NAM	ĐH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	KINH	705-25
12	PHẠM THỊ THU	HIỀN	NỮ	01/11/1983	BÌNH THUẬN	ĐH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	KINH	705-25
13	BÙI MINH	HÒA	NAM	18/06/1993	BÌNH THUẬN	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705-25
14	NGHIÊM DUY	HOÀNG	NAM	10/10/1997	BÌNH THUẬN	ĐH PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	KINH	705-25
15	NGUYỄN THỊ	HUỆ	NỮ	18/07/1994	TÂY NINH	KS LÂM NGHIỆP	KINH	705-25
16	BIỆN DUY	HƯNG	NAM	05/01/1994	BÌNH THUẬN	KS LÂM NGHIỆP	KINH	705-25
17	KIỀU THỊ	HƯƠNG	NỮ	24/04/1988	HÀ NỘI	ĐH QUẢN TRỊ VĂN PHÒNG	KINH	705-25
18	PHẠM QUỲNH	HƯƠNG	NỮ	04/03/1995	HỒ CHÍ MINH	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705-25
19	TÔN THỊ THANH	HUYỀN	NỮ	29/10/1994	BÌNH THUẬN	ĐH LUẬT KINH TẾ	KINH	705-25
20	TRƯƠNG HOÀNG VĂN	KHOA	NAM	24/03/1984	BÌNH THUẬN	KS NUÔI TRỒNG THỦY SẢN	KINH	705-25
21	NGUYỄN THỊ	LOAN	NỮ	05/03/1984	HÀ TĨNH	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705-25

22	LÊ VĂN	MÃN	NAM	17/05/1994	BÌNH THUẬN	KS CÔNG NGHỆ KT MÔI TRƯỜNG	KINH	705-25
23	NGUYỄN THỊ NGỌC	NGHĨA	NỮ	28/09/1989	BÌNH THUẬN	KS CÔNG NGHỆ KT MÔI TRƯỜNG	KINH	705-25
24	PHAN HỒNG	NGỌC	NỮ	24/09/2001	BÌNH THUẬN	ĐH LUẬT	KINH	705-25
25	TRẦN THẢO	NGUYỄN	NỮ	31/12/1994	BÌNH THUẬN	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
26	BÁ VĂN	NHÂN	NAM	13/04/1987	BÌNH THUẬN	ĐH QUẢN TRỊ VĂN PHÒNG	CHĂM	705-25
27	HUỖNH THANH	NHỊ	NAM	01/11/1984	BÌNH THUẬN	KS KỸ THUẬT XÂY DỰNG	KINH	705-25
28	LÊ ĐÔNG	PHA	NỮ	16/04/1999	BÌNH THUẬN	ĐH LUẬT	KINH	705-25
29	NGÔ THỊ THANH	PHƯƠNG	NỮ	20/02/1988	BÌNH THUẬN	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705-25
30	PHAN THỊ KIỀU	PHƯƠNG	NỮ	20/07/1988	TÂY NINH	ĐH Y TẾ CÔNG CỘNG	KINH	705-25
31	HỒ THỊ MINH	TÂM	NỮ	03/08/1983	BÌNH THUẬN	ĐH LUẬT	KINH	705-25
32	ĐA VĂN	THẮNG	NAM	23/12/1996	BÌNH THUẬN	ĐH LUẬT	CHĂM	705-25
33	ĐOÀN BÁ	THÀNH	NAM	12/09/1988	BÌNH THUẬN	ĐH LUẬT	KINH	705-25
34	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	NỮ	02/05/1991	TÂY NINH	ĐH Y TẾ CÔNG CỘNG	KINH	705-25
35	TRƯƠNG NHẬT ANH	THỊ	NỮ	11/08/1998	BÌNH THUẬN	ĐH LUẬT	KINH	705-25
36	QUA ĐÌNH	THIỆN	NAM	19/05/1985	BÌNH THUẬN	ĐH LUẬT	CHĂM	705-25
37	NGUYỄN VY	THỊNH	NỮ	12/05/1993	BÌNH THUẬN	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
38	TRẦN ANH	THƯ	NỮ	29/04/1989	BÌNH THUẬN	ĐH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	KINH	705-25
39	TRẦN NGUYỄN ANH	THƯ	NỮ	18/11/1984	BÌNH THUẬN	ĐH HÀNH CHÍNH HỌC	KINH	705-25
40	NGÔ HOÀI	THƯƠNG	NỮ	07/04/1984	BÌNH THUẬN	ĐH NHÂN HỌC	KINH	705-25
41	TRẦN THỊ HÒA	THƯƠNG	NỮ	28/02/1991	BÌNH THUẬN	ĐH LUẬT	KINH	705-25
42	ĐỖ PHƯƠNG	THÚY	NỮ	16/04/1984	BÌNH THUẬN	ĐH QUẢN LÝ VĂN HOÁ	KINH	705-25
43	ĐẶNG HUỖNH NHƯỘC	THỦY	NỮ	22/11/1998	BÌNH THUẬN	ĐH DƯỢC HỌC	KINH	705-25

27

44	TRƯƠNG BÍCH	THỦY	NỮ	20/01/1994	BÌNH ĐỊNH	ĐH LUẬT	KINH	705-25
45	NGUYỄN VĂN	TIỀN	NAM	15/11/1997	BÌNH THUẬN	ĐH LUẬT	KINH	705-25
46	ĐẶNG THỊ BẢO	TRANG	NỮ	16/09/1991	THÁI BÌNH	ĐH VĂN HỌC	KINH	705-25
47	HỒ THỊ	TRANG	NỮ	25/05/1995	ĐẮK LẮK	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705-25
48	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	NỮ	24/07/1991	BÌNH THUẬN	ĐH XÃ HỘI HỌC	KINH	705-25
49	CHÂU NGỌC BẢO	TRỌNG	NAM	07/06/2000	BÌNH THUẬN	ĐH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	KINH	705-25
50	DIỆP THỊ TIỀN	TUỔI	NỮ	26/10/1989	BÌNH THUẬN	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
51	NGUYỄN HỮU	TƯỜNG	NAM	29/06/1979	BÌNH THUẬN	ĐH LUẬT	KINH	705-25
52	TRẦN THỊ MINH	TƯỜNG	NỮ	04/09/1988	BÌNH THUẬN	ĐH TOÁN HỌC	KINH	705-25
53	TRẦN THẾ	VINH	NAM	21/06/1983	BÌNH THUẬN	ĐH HÀNH CHÍNH HỌC	KINH	705-25
54	LÊ THỊ THANH	XUÂN	NỮ	06/04/1987	BÌNH THUẬN	ĐH HÀNH CHÍNH HỌC	KINH	705-25
55	NGUYỄN THANH	XUÂN	NAM	07/11/1991	BÌNH THUẬN	ĐH SP LỊCH SỬ - GD QUỐC PHÒNG	KINH	705-25
56	NGUYỄN VIỆT	XUÂN	NAM	08/11/1980	BÌNH THUẬN	ĐH CHỈ HUY PHÂN ĐỘI PHÁO BÌNH	KINH	705-25

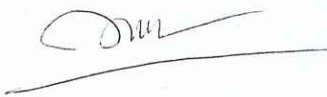
Danh sách này có: 92 sinh viên
CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

CÁN BỘ KIỂM TRA

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT


Trần Công Tâm


Võ Đình Lâm





DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2024
TẠI TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

Kèm theo Quyết định số ...56./QĐ-VPTMCNTT ngày ..03..tháng ...01..năm 2024 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Văn bằng	Dân tộc	Ngành-TGĐT
	NGÀNH LUẬT. NHẬP HỌC: 05/01/2024						
	THỜI GIAN ĐÀO TẠO 2.5 NĂM						
1	TRẦN THỊ MỸ PHỤNG	NỮ	31/12/1994	BÌNH DƯƠNG	KS QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	KINH	503-25
	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH. NHẬP HỌC: 05/01/2024						
	THỜI GIAN ĐÀO TẠO 2.5 NĂM						
1	NGUYỄN DƯƠNG HOÀI AN	NAM	08/05/1992	BÌNH DƯƠNG	ĐH LUẬT	KINH	705-25
2	NGUYỄN PHÚC AN	NAM	26/09/1990	BÌNH DƯƠNG	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705-25
3	PHẠM NGUYỄN HUY AN	NỮ	24/08/1992	HỒ CHÍ MINH	ĐH LUẬT HỌC	KINH	705-25
4	NGUYỄN THỊ LOAN ANH	NỮ	05/09/1985	BÌNH DƯƠNG	ĐH LUẬT HỌC	KINH	705-25
5	NGUYỄN VĂN ANH	NỮ	10/12/1986	NGHỆ AN	ĐH CÔNG TÁC XÃ HỘI	KINH	705-25
6	NGÔ HOÀNG AN	NAM	06/02/1986	BÌNH DƯƠNG	ĐH DƯỢC SĨ	KINH	705-25
7	NGUYỄN LÊ HỮU BẢO	NAM	04/06/1988	HỒ CHÍ MINH	ĐH XÃ HỘI HỌC	KINH	705-25
8	PHAN VĂN BẢNG	NAM	17/07/1980	HÀ TĨNH	ĐH TRIẾT HỌC	KINH	705-25
9	NGUYỄN THỊ HẢI BÌNH	NỮ	25/12/1984	BÌNH DƯƠNG	ĐH HÀNH CHÍNH HỌC	KINH	705-25
10	NGUYỄN THỊ THIÊN CHUÔNG	NỮ	08/02/1991	BÌNH DƯƠNG	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705-25
11	NGUYỄN NGỌC DIỆP	NAM	12/01/1983	BÌNH DƯƠNG	ĐHSP HÓA HỌC	KINH	705-25
12	NGUYỄN PHƯƠNG DUNG	NỮ	27/02/1987	BÌNH DƯƠNG	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705-25
13	NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	NỮ	20/04/1987	THANH HÓA	ĐH KHOA HỌC CÂY TRỒNG	KINH	705-25
14	PHAN ÁI THANH DUNG	NỮ	14/04/1985	BÌNH DƯƠNG	ĐH XÃ HỘI HỌC	KINH	705-25
15	TRƯƠNG THỊ MỸ DUNG	NỮ	30/05/1985	LÂM ĐỒNG	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
16	TRẦN LÊ KHÁNH DUY	NAM	15/01/1999	TIỀN GIANG	ĐH XD ĐẢNG VÀ CQ NHÀ NƯỚC	KINH	705-25
17	LƯU HỮU DUYÊN	NAM	22/01/1975	BÌNH DƯƠNG	ĐH KINH TẾ CHÍNH TRỊ	KINH	705-25
18	HOÀNG MẠNH DŨNG	NAM	25/09/1994	NINH BÌNH	ĐH ĐIỀU TRA TRÌNH SÁT	KINH	705-25
19	NGUYỄN TIẾN DŨNG	NAM	04/04/1988	NGHỆ AN	ĐH KINH TẾ NÔNG LÂM	KINH	705-25
20	TRẦN ANH DŨNG	NAM	20/09/1986	BÌNH DƯƠNG	ĐH KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP	KINH	705-25
21	NGUYỄN THỊ ANH ĐÀO	NỮ	21/09/1976	NAM ĐỊNH	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705-25
22	MAI THANH ĐIỀN	NAM	25/04/1994	BÌNH DƯƠNG	ĐH KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG	KINH	705-25
23	NGUYỄN VĂN GIÁP	NAM	11/10/1985	HÀ TĨNH	ĐHSP LỊCH SỬ	KINH	705-25

24	LÊ NGỌC	HÀ	NAM	15/02/1983	BÌNH DƯƠNG	ĐH CHÍNH TRỊ HỌC	KINH	705-25
25	NGUYỄN NGỌC LINH	HÀ	NAM	27/09/1984	BÌNH DƯƠNG	ĐH LUẬT	KINH	705-25
26	LÊ THU	HẢI	NỮ	23/09/1984	YÊN BÁI	ĐH LUẬT	KINH	705-25
27	TRẦN THANH	HẢI	NAM	06/09/1987	BÌNH DƯƠNG	ĐH LUẬT	KINH	705-25
28	MAI QUỲNH	HẠNH	NỮ	22/09/1985	HÀ NỘI	ĐH NGÔN NGỮ	KINH	705-25
29	PHẠM THỊ	HẠNH	NỮ	28/03/1986	GIA LAI	ĐH CN SINH HỌC (THỰC PHẨM)	KINH	705-25
30	VƯƠNG THỊ TUYẾT	HẠNH	NỮ	10/01/1985	BÌNH DƯƠNG	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705-25
31	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	HÀNG	NỮ	30/08/1984	BÌNH DƯƠNG	ĐH KINH TẾ CHÍNH TRỊ	KINH	705-25
32	HOÀNG THỊ	HỆN	NỮ	17/01/1988	HÀ TĨNH	ĐH LỊCH SỬ	KINH	705-25
33	HÀ THỊ	HIỀN	NỮ	02/10/1986	BÌNH DƯƠNG	ĐH HÀNH CHÍNH HỌC	NÔNG	705-25
34	TRẦN THỊ THANH	HIỀN	NỮ	14/08/1992	BÌNH DƯƠNG	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705-25
35	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	NAM	02/04/1986	THÁI BÌNH	ĐH KIẾN TRÚC	KINH	705-25
36	TRƯƠNG VĂN	HOÀNG	NAM	07/01/1972	BÌNH DƯƠNG	ĐHSP NGỮ VĂN	KINH	705-25
37	VÔ THANH	HOÀNG	NAM	14/09/1978	BÌNH DƯƠNG	ĐH CHÍNH TRỊ HỌC	KINH	705-25
38	HOÀNG TRỌNG	HÒA	NAM	06/10/1986	THANH HÓA	BS Y KHOA	KINH	705-25
39	PHẠM THANH	HÒA	NAM	20/07/1984	BÌNH ĐỊNH	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705-25
40	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	NỮ	09/10/1995	HÀ NỘI	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705-25
41	NGUYỄN THỊ THU	HUYỀN	NỮ	20/04/1990	HÀ TĨNH	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705-25
42	NGUYỄN THỊ HOÀI	HƯƠNG	NỮ	17/07/1975	QUẢNG TRỊ	ĐH NGỮ VĂN ~ HÁN VIỆT	KINH	705-25
43	NGUYỄN THỊ KIM	HƯƠNG	NỮ	30/11/1979	BÌNH DƯƠNG	ĐH XD ĐẢNG VÀ CQ NHÀ NƯỚC	KINH	705-25
44	ĐOÀN ĐÌNH	HỮU	NAM	03/06/1979	BÌNH DƯƠNG	ĐH LUẬT HỌC	KINH	705-25
45	PHAN TRỌNG	HỮU	NAM	02/01/1985	BÌNH DƯƠNG	ĐH LUẬT HỌC	KINH	705-25
46	NGUYỄN PHƯƠNG	KHANG	NAM	24/11/1993	BÌNH DƯƠNG	ĐH Y TẾ CÔNG CỘNG	KINH	705-25
47	NGUYỄN TUẤN	KHANH	NAM	17/12/1991	BÌNH DƯƠNG	ĐH ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705-25
48	TRƯƠNG VƯƠNG	KHÁNH	NAM	21/08/1978	BÌNH DƯƠNG	ĐH KT ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG	KINH	705-25
49	PHẠM XUÂN	KHOI	NAM	28/10/1991	HẢI DƯƠNG	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705-25
50	PHẠM VĂN	KIÊN	NAM	20/07/1980	HÀ TĨNH	ĐH KINH TẾ CHÍNH TRỊ	KINH	705-25
51	VƯƠNG TUẤN	KIỆT	NAM	04/12/1991	BÌNH DƯƠNG	ĐH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	KINH	705-25
52	PHẠM THỊ	LAN	NỮ	16/09/1983	NGHỆ AN	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
53	LÊ THANH	LÂM	NAM	10/07/1986	BÌNH DƯƠNG	ĐH LUẬT HỌC	KINH	705-25
54	VÔ THỊ THU	LÂM	NỮ	07/05/1985	BÌNH DƯƠNG	ĐH HÀNH CHÍNH HỌC	KINH	705-25
55	BÔ THỊ NGỌC	LINH	NỮ	01/02/1986	BÌNH DƯƠNG	ĐHSP GIÁO DỤC MẦM NON	KINH	705-25
56	MAI THỊ THỦY	LINH	NỮ	20/09/1998	BÌNH DƯƠNG	ĐH LUẬT	KINH	705-25
57	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG	LINH	NỮ	18/08/1983	BÌNH DƯƠNG	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
58	NGUYỄN THANH	LOAN	NỮ	20/02/1977	BÌNH DƯƠNG	ĐH TCKT CÁC DOANH NGHIỆP	KINH	705-25

59	BUI THI	LỘC	NỮ	04/08/1993	BÌNH DƯƠNG	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705-25
60	PHAM HỒNG	LỢI	NỮ	06/07/1991	QUẢNG BÌNH	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
61	PHAM TÂN	LỢI	NAM	30/04/1992	BÌNH DƯƠNG	ĐH TRÌNH SÁT AN NINH	KINH	705-25
62	THÁI THÀNH	LỢI	NAM	28/04/1993	BÌNH DƯƠNG	KS KT ĐIỆN TỬ, TRUYỀN THÔNG	KINH	705-25
63	LÊ CÔNG	MINH	NAM	10/10/1987	BÌNH DƯƠNG	ĐH TRÌNH SÁT CẢNH SÁT	KINH	705-25
64	NGUYỄN THỊ THANH	MỸ	NỮ	21/11/1983	BÌNH DƯƠNG	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705-25
65	NÔNG THỊ NGỌC	MỸ	NỮ	14/10/1997	BÌNH DƯƠNG	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705-25
66	HỒ THỊ	NGA	NỮ	28/09/1994	BÌNH PHƯỚC	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705-25
67	NGUYỄN THỊ BẢO	NGA	NỮ	07/11/1984	BÌNH ĐỊNH	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
68	NGUYỄN THỊ MINH	NGA	NỮ	21/03/1983	QUẢNG NGÃI	ĐH LUẬT HỌC	KINH	705-25
69	LÊ HUỖNH	NGÀ	NAM	28/01/2000	KIÊN GIANG	ĐH VIỆT NAM HỌC	KINH	705-25
70	HỒ THỊ KIM	NGÂN	NỮ	28/06/1984	BÌNH DƯƠNG	ĐHSP TIN HỌC	KINH	705-25
71	MAI TRỌNG	NGHĨA	NAM	10/06/1992	ĐỒNG NAI	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705-25
72	PHAN HỮU	NGHĨA	NAM	28/05/1977	BÌNH DƯƠNG	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705-25
73	PHẠM THẢO	NGUYỄN	NỮ	22/07/1991	BÌNH DƯƠNG	ĐH CÔNG NGHỆ SINH HỌC	KINH	705-25
74	NGUYỄN HỒNG	NHÂN	NAM	03/05/1980	BÌNH DƯƠNG	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
75	PHAN CHÍ	NHÂN	NAM	26/08/1985	BÌNH DƯƠNG	ĐH LUẬT HỌC	KINH	705-25
76	PHAN THÀNH	NHÂN	NAM	30/10/2000	HỒ CHÍ MINH	ĐH KINH DOANH QUỐC TẾ	KINH	705-25
77	NGUYỄN VĂN	PHỐ	NAM	05/04/1991	HÀ TĨNH	ĐHSP TIN HỌC	KINH	705-25
78	HÀ THỊ DIỄM	PHÚC	NỮ	20/10/1983	BÌNH DƯƠNG	ĐHSP GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705-25
79	LÊ HOÀNG	PHƯƠNG	NAM	01/08/1984	BÌNH DƯƠNG	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
80	NGUYỄN HOÀNG	PHƯƠNG	NAM	01/12/1989	BÌNH DƯƠNG	ĐH Y TẾ CÔNG CỘNG	KINH	705-25
81	NGUYỄN HOÀNG	PHƯƠNG	NAM	10/08/1995	BÌNH DƯƠNG	ĐH LƯU TRỮ HỌC	KINH	705-25
82	NGUYỄN MINH	PHƯƠNG	NAM	10/04/1998	BÌNH DƯƠNG	ĐH LUẬT	KINH	705-25
83	PHẠM THỊ	PHƯƠNG	NỮ	19/03/1990	BÌNH DƯƠNG	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
84	VĂN THỊ TRÚC	PHƯƠNG	NỮ	10/04/1992	BÌNH DƯƠNG	ĐH LUẬT	KINH	705-25
85	ĐỖ HỮU	PHƯỚC	NAM	18/09/1980	BÌNH DƯƠNG	ĐH QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP	KINH	705-25
86	HUỖNH TÂN	PHƯỚC	NAM	24/05/1989	BÌNH DƯƠNG	BS Y ĐA KHOA	KINH	705-25
87	CHÂU NGỌC	PHƯƠNG	NỮ	03/07/1999	HỒ CHÍ MINH	ĐHSP GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705-25
88	ĐOÀN THỊ THÚY	PHƯƠNG	NỮ	01/01/1988	BÌNH DƯƠNG	ĐH LUẬT	KINH	705-25
89	NGUYỄN THỊ THÚY	PHƯƠNG	NỮ	26/03/1973	QUẢNG TRỊ	ĐHSP GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705-25
90	NGUYỄN THỊ	QUẾ	NỮ	06/04/1985	HÀ TĨNH	ĐHSP MỸ THUẬT	KINH	705-25
91	NGUYỄN TRỌNG	QUỐC	NAM	24/06/1980	ĐẮK LẮK	ĐH HÀNH CHÍNH HỌC	KINH	705-25
92	LÊ VĂN	QUÝ	NAM	19/09/1988	BÌNH DƯƠNG	ĐH HÀNH CHÍNH HỌC	KINH	705-25
93	NGUYỄN THỊ HỒNG	SEN	NỮ	07/08/1988	BÌNH DƯƠNG	ĐH QUẢN LÝ VĂN HÓA	KINH	705-25

94	NGUYỄN THÀNH	SINH	NAM	10/05/1987	BÌNH DƯƠNG	ĐH LUẬT	KINH	705-25
95	PHẠM HỒNG	SON	NAM	24/01/1979	HỒ CHÍ MINH	BS Y KHOA	KINH	705-25
96	VY CÔNG	SỨC	NAM	30/09/1986	PHÚ THỌ	ĐH TIN HỌC	KINH	705-25
97	NGÔ	SỸ	NAM	12/12/1975	ĐỒNG NAI	ĐHSP KỸ THUẬT ĐIỆN VÀ ĐIỆN TỬ	KINH	705-25
98	NGUYỄN THANH	TÂM	NỮ	13/07/1987	BÌNH DƯƠNG	ĐH KTCS HẠ TẦNG (CT NƯỚC)	KINH	705-25
99	PHAN THỊ THANH	TÂM	NỮ	11/05/1985	HÀ NỘI	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	705-25
100	HUỲNH NHẬT	TÂN	NAM	25/05/1984	BÌNH DƯƠNG	ĐH LUẬT	KINH	705-25
101	LƯƠNG MINH	TÂN	NAM	27/05/1979	BÌNH DƯƠNG	ĐH CHÍNH TRỊ HỌC	KINH	705-25
102	LÊ VĂN	THANH	NAM	09/10/1990	BÌNH DƯƠNG	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705-25
103	PHẠM KIM	THANH	NỮ	26/03/1990	BÌNH DƯƠNG	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
104	TRƯƠNG HẢI	THANH	NỮ	19/12/1979	BÌNH ĐỊNH	ĐHSP TOÁN	KINH	705-25
105	NGUYỄN THỂ	THAO	NAM	11/08/1989	BÌNH DƯƠNG	KS QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG	KINH	705-25
106	HUỲNH THỊ THANH	THẢO	NỮ	30/10/1983	BÌNH DƯƠNG	ĐH SINH HỌC	KINH	705-25
107	NGUYỄN NGỌC	THẢO	NỮ	20/06/1980	BÌNH DƯƠNG	ĐH LUẬT	KINH	705-25
108	NGUYỄN THỊ NGỌC	THẢO	NỮ	12/11/1990	BÌNH DƯƠNG	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705-25
109	TRẦN THUY THU	THẢO	NỮ	14/08/1985	BÌNH DƯƠNG	ĐHSP GIÁO DỤC MẦM NON	KINH	705-25
110	VŨ THỊ PHƯƠNG	THẢO	NỮ	01/09/2000	BÌNH DƯƠNG	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
111	PHAN THIÊN	THẠCH	NAM	02/04/1992	BÌNH DƯƠNG	BS Y KHOA	KINH	705-25
112	TRẦN TOÀN	THẮNG	NAM	05/05/1975	THÁI BÌNH	ĐH LUẬT	KINH	705-25
113	TẠ NGỌC	THI	NỮ	12/08/1986	BÌNH DƯƠNG	ĐH LUẬT	HOA	705-25
114	NGUYỄN CHÂU DIỄM	THÚY	NỮ	03/11/1991	HỒ CHÍ MINH	ĐH HỆ THỐNG THÔNG TIN	KINH	705-25
115	NGUYỄN THANH	THÚY	NỮ	25/07/1983	BÌNH DƯƠNG	ĐH KẾ TOÁN KIỂM TOÁN	KINH	705-25
116	TRẦN THỊ MINH	THƯ	NỮ	14/12/1982	BÌNH DƯƠNG	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705-25
117	TRẦN TRUNG	TÍN	NAM	02/03/1991	BÌNH DƯƠNG	BS Y ĐA KHOA	KINH	705-25
118	NGUYỄN THANH	TOÀN	NAM	30/04/1967	BÌNH DƯƠNG	ĐHSP NGA VĂN	KINH	705-25
119	NGUYỄN KIM	TÔI	NỮ	27/02/1986	BÌNH DƯƠNG	ĐH HÀNH CHÍNH HỌC	KINH	705-25
120	LÊ THỊ ĐOAN	TRANG	NỮ	19/01/1994	BÀ RIA - VŨNG TÀI	ĐH QTCN TRUYỀN THÔNG	KINH	705-25
121	VŨ THỊ HUYỀN	TRANG	NỮ	10/04/1993	BÌNH DƯƠNG	ĐHSP NGỮ VĂN	KINH	705-25
122	HUỲNH THANH	TRÀ	NAM	14/01/1984	BÌNH DƯƠNG	ĐH LUẬT	KINH	705-25
123	NGUYỄN THỊ THANH	TRÀ	NỮ	28/09/1982	BÌNH DƯƠNG	ĐH LUẬT	KINH	705-25
124	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂM	NỮ	24/06/1988	BÌNH DƯƠNG	ĐH QTKD (NGOẠI THƯƠNG)	KINH	705-25
125	LÊ VƯƠNG DIỄM	TRINH	NỮ	16/10/1993	BÌNH DƯƠNG	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
126	NGUYỄN BẠCH MỸ	TRINH	NỮ	23/07/1993	BÌNH DƯƠNG	ĐH LUẬT	KINH	705-25
127	NGUYỄN THỊ TÚ	TRINH	NỮ	26/01/1991	BÌNH PHƯỚC	ĐH Y TẾ CÔNG CỘNG	KINH	705-25
128	NGUYỄN MINH	TRÍ	NAM	25/08/1991	BÌNH DƯƠNG	KS KỸ THUẬT XÂY DỰNG	KINH	705-25

129	PHẠM QUANG	TRÍ	NAM	30/08/1990	BÌNH DƯƠNG	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705-25
130	VÕ TRẦN ĐỨC	TRÍ	NAM	18/01/1988	ĐỒNG NAI	BS Y KHOA	KINH	705-25
131	PHẠM THÀNH	TRUNG	NAM	13/04/1983	BÌNH DƯƠNG	ĐH LUẬT HỌC	KINH	705-25
132	VÕ MINH	TRUNG	NAM	10/09/1996	BÌNH DƯƠNG	ĐH TRÌNH SÁT AN NINH	KINH	705-25
133	TRẦN THANH	TRÚC	NỮ	24/11/2001	BÌNH DƯƠNG	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705-25
134	DƯƠNG NGUYỄN LÂM	TRƯỜNG	NAM	08/08/1999	HỒ CHÍ MINH	ĐH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	KINH	705-25
135	TỔNG XUÂN	TRƯỜNG	NAM	24/04/1983	THANH HÓA	ĐH LỊCH SỬ	KINH	705-25
136	HỒ HỮU	TUẤN	NAM	09/09/1987	BÌNH DƯƠNG	ĐH LUẬT	KINH	705-25
137	LÊ MINH	TUẤN	NAM	15/10/1983	BÌNH DƯƠNG	ĐH LUẬT	KINH	705-25
138	NGUYỄN CÔNG	TUẤN	NAM	12/02/1982	BÌNH DƯƠNG	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705-25
139	NGUYỄN VIỆT	TUẤN	NAM	18/10/1976	HÀ TĨNH	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	705-25
140	VÕ MINH	TUẤN	NAM	08/04/1985	BÌNH DƯƠNG	ĐH LUẬT	KINH	705-25
141	NGUYỄN THỊ MỘNG	TUYỀN	NỮ	22/12/1982	ĐỒNG NAI	ĐH ĐỊA LÝ DU LỊCH	KINH	705-25
142	TRẦN HỒNG	TÚ	NAM	19/01/1991	HỒ CHÍ MINH	ĐH HỆ THỐNG THÔNG TIN	KINH	705-25
143	NGUYỄN THỊ	ÚT	NỮ	01/01/1987	BÌNH DƯƠNG	ĐHSP GIÁO DỤC MẦM NON	KINH	705-25
144	HOÀNG MINH	VÂN	NAM	15/09/1979	BÌNH DƯƠNG	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705-25
145	NGUYỄN THỊ LÊ	VÂN	NỮ	26/08/1983	HÀ TĨNH	ĐH CHÍNH TRỊ HỌC	KINH	705-25
146	NGUYỄN THỊ TUYẾT	VÂN	NỮ	02/02/1979	BÌNH DƯƠNG	ĐH DU LỊCH	KINH	705-25
147	VÕ HOÀI	VÂN	NAM	08/11/1982	TÂY NINH	ĐH TIN HỌC	KINH	705-25
148	PHẠM MINH	VƯƠNG	NAM	15/10/1985	BÌNH DƯƠNG	ĐH HÀNH CHÍNH HỌC	KINH	705-25
149	HÀ THỊ BẢO	YẾN	NỮ	12/08/1982	BÌNH DƯƠNG	ĐH LUẬT	KINH	705-25

Danh sách này có: 150 sinh viên
CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

CÁN BỘ KIỂM TRA

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT



Nguyễn Hoàng Sơn

ĐẠI HỌC HUẾ
VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã đợt: 202417

**DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2024
TẠI TRƯỜNG TRUNG CẤP CÔNG NGHỆ BÁCH KHOA, BÌNH PHƯỚC**

Kèm theo Quyết định số ... 56/QĐ-VĐTMCNTT ngày 23 tháng 04 năm 2024 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Văn bằng	Dân tộc	Ngành-TGĐT
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH. NHẬP HỌC: 05/01/2024							
THỜI GIAN ĐÀO TẠO 2.5 NĂM							
1	VŨ THỊ DOAN	NỮ	27/11/1984	THÁI BÌNH	ĐH ĐIỀU TRA TỘI PHẠM	KINH	705-25
2	NGUYỄN HỮU DUY	NAM	15/04/1981	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH ĐIỆN KHÍ HÓA VÀ CC ĐIỆN	KINH	705-25
3	NGUYỄN MINH HÀ	NAM	07/12/1978	TIỀN GIANG	KS HỆ THỐNG ĐIỆN	KINH	705-25
4	TRIỆU XUÂN HẢI	NAM	18/01/1992	BÌNH PHƯỚC	KS ĐIỆN - ĐIỆN TỬ, ĐIỆN NĂNG	KINH	705-25
5	LÊ DUY HIỀN	NAM	30/02/1978	THÁI BÌNH	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
6	TRẦN THANH HUYỀN	NỮ	01/10/1981	BÌNH PHƯỚC	ĐH QTKD CHUYÊN NGÀNH LUẬT KD	KINH	705-25
7	NGUYỄN TRẦN TRÍ LINH	NAM	06/07/1978	TIỀN GIANG	ĐH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG	KINH	705-25
8	ĐINH THỊ LOAN	NỮ	07/05/1986	HẢI PHÒNG	ĐHSP HÓA HỌC	KINH	705-25
9	TRẦN TRỌNG NGHĨA	NAM	02/01/1976	BÌNH DƯƠNG	KS HỆ THỐNG ĐIỆN	KINH	705-25
10	HUỲNH CHÍ QUANG	NAM	24/11/1981	TIỀN GIANG	ĐH KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ	KINH	705-25
11	LÊ HỒNG QUANG	NAM	12/10/1985	THANH HÓA	ĐH GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ	KINH	705-25
12	NGUYỄN THÀNH TÂM	NAM	20/09/1985	BÌNH PHƯỚC	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705-25
13	TRẦN THỊ TÂM	NỮ	24/10/1982	BẮC GIANG	ĐH KINH TẾ ĐỐI NGOẠI	KINH	705-25
14	HUỲNH CÔNG TUẤN	NAM	12/02/1993	BÌNH THUẬN	ĐH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	KINH	705-25

Danh sách này có: 14 sinh viên
CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

CÁN BỘ KIỂM TRA

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT



Nguyễn Hoàng Sơn 824

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2024
TẠI TRUNG TÂM GDTX TỈNH BÌNH PHƯỚC

Kèm theo Quyết định số 56/QĐ-VĐTMCNTT ngày 03. tháng 01. năm 2024 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Văn bằng	Dân tộc	Ngành-TGĐT
NGÀNH LUẬT. NHẬP HỌC: 05/01/2024							
THỜI GIAN ĐÀO TẠO 2.5 NĂM							
1	CAO THỊ KIM ANH	NỮ	27/06/1990	BÌNH PHƯỚC	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	503-25
2	LÝ VĂN ANH	NỮ	23/10/2000	BÌNH PHƯỚC	ĐH NGÔN NGỮ ANH	KINH	503-25
3	NGUYỄN THỊ SÔNG BÈ	NỮ	11/08/1991	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH DU LỊCH HỌC	KINH	503-25
4	LÊ QUANG CẢNH	NAM	26/09/2001	BÌNH PHƯỚC	KS CN KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN	KINH	503-25
5	NGUYỄN THỊ TUYẾT DUNG	NỮ	06/03/1992	BÌNH PHƯỚC	KS KTXDCT GIAO THÔNG	KINH	503-25
6	ĐÌNH TIẾN DŨNG	NAM	17/10/1990	ĐẮK LẮK	KS LÂM SINH	KINH	503-25
7	LÊ THỊ HẰNG	NỮ	20/07/1986	NGHỆ AN	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503-25
8	LÊ ĐÌNH HÒA	NAM	01/01/1991	THANH HÓA	ĐH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	KINH	503-25
9	NGUYỄN QUANG HUNG	NAM	10/02/1982	QUẢNG BÌNH	ĐH LÂM VƯỜN - SV CẢNH	KINH	503-25
10	LÊ THỊ HUONG	NỮ	19/05/1988	THANH HÓA	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503-25
11	HỒ THỊ THANH MỸ	NỮ	26/06/1990	HÀ TĨNH	KS CẤP THOÁT NƯỚC	KINH	503-25
12	NGÔ THỊ KIM NGỌC	NỮ	09/01/1997	BÌNH PHƯỚC	KS NÔNG HỌC	KINH	503-25
13	ĐOÀN THỊ TRINH NGUYỄN	NỮ	24/04/1985	BÌNH DƯƠNG	ĐH HUẤN LUYỆN THỂ THAO	KINH	503-25
14	NGUYỄN THỊ BÌNH NGUYỄN	NỮ	02/08/1991	BÌNH PHƯỚC	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503-25
15	LÊ THỊ TUYẾT NHI	NỮ	14/07/1990	ĐỒNG THÁP	ĐH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	KINH	503-25
16	PHẠM THỊ NHUNG	NỮ	14/06/1989	BÌNH PHƯỚC	KS QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	KINH	503-25
17	THẦN TRỌNG QUAN	NAM	15/06/1997	ĐỒNG NAI	KS ĐIỆN - ĐIỆN TỬ	KINH	503-25
18	PHẠM NGỌC TÂN	NAM	15/05/1994	THÁI BÌNH	ĐH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	KINH	503-25
19	VŨ THỊ THÀNH	NỮ	20/06/1992	VĨNH PHÚC	ĐH QUẢN LÝ VĂN HÓA	KINH	503-25
20	TRẦN NGỌC THẮNG	NAM	20/04/1980	NGHỆ AN	ĐHSP VẬT LÝ	KINH	503-25
21	LÊ THỊ LỆ THỦY	NỮ	15/04/1986	BÌNH PHƯỚC	ĐH TÀI CHÍNH KẾ TOÁN	KINH	503-25
22	MAI THANH TOÀN	NAM	10/04/1981	BÌNH PHƯỚC	ĐH GIÁO DỤC THỂ CHẤT	KINH	503-25
23	TRỊNH THỊ HUYỀN TRANG	NỮ	26/07/2000	THANH HÓA	ĐH QUẢN TRỊ DV DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	KINH	503-25
24	NGUYỄN THỊ KIM TUYẾN	NỮ	01/05/1991	BÌNH PHƯỚC	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503-25
THỜI GIAN ĐÀO TẠO 4.5 NĂM							
1	MAI THẾ ANH	NAM	27/08/1991	BÌNH PHƯỚC	TRUNG HỌC PHỔ THÔNG	KINH	503-45



2	HOÀNG THỊ NGỌC	ÁNH	NỮ	12/10/2001	BÌNH PHƯỚC	TRUNG HỌC PHỔ THÔNG	KINH	503-45
3	CAO TIẾN	DŨNG	NAM	13/08/2001	NGHỆ AN	TRUNG HỌC PHỔ THÔNG	KINH	503-45
4	NGUYỄN TUÔNG	GIANG	NAM	21/04/2002	HỒ CHÍ MINH	TRUNG HỌC PHỔ THÔNG	KINH	503-45
5	PHẠM HỒNG	HÀ	NAM	28/10/2004	BÌNH PHƯỚC	TRUNG HỌC PHỔ THÔNG	KINH	503-45
6	NGUYỄN TRUNG	HIỆU	NAM	11/09/1994	BÌNH PHƯỚC	TRUNG HỌC PHỔ THÔNG	KINH	503-45
7	PHẠM THỊ THANH	HUYỀN	NỮ	24/09/2004	NAM ĐỊNH	TRUNG HỌC PHỔ THÔNG	KINH	503-45
8	NGUYỄN THỊ THANH	HƯƠNG	NỮ	17/08/2002	BÌNH PHƯỚC	TRUNG HỌC PHỔ THÔNG	KINH	503-45
9	TRẦN THỦ	KHOA	NAM	31/07/1989	BÌNH PHƯỚC	TRUNG HỌC PHỔ THÔNG	KINH	503-45
10	TRẦN THỊ THÙY	LINH	NỮ	24/11/1996	THỪA THIÊN HUẾ	TRUNG HỌC PHỔ THÔNG	KINH	503-45
11	TRỊNH THỊ PHƯƠNG	LOAN	NỮ	07/04/2005	BÌNH PHƯỚC	TRUNG HỌC PHỔ THÔNG	KINH	503-45
12	NGUYỄN TRÍ NHẬT	LONG	NAM	18/02/2000	BÌNH PHƯỚC	TRUNG HỌC PHỔ THÔNG	KINH	503-45
13	NGUYỄN THỊ THÚY	NGA	NỮ	04/12/1997	BÌNH PHƯỚC	TRUNG HỌC PHỔ THÔNG	KINH	503-45
14	HỨA THỊ	NGỌC	NỮ	16/10/1988	LANG SƠN	TRUNG HỌC PHỔ THÔNG	KINH	503-45
15	LÊ THANH	NGUYỄN	NAM	14/08/1987	ĐẮK LẮK	TRUNG HỌC PHỔ THÔNG	NỪNG	503-45
16	TRẦN VĂN	PHƯƠNG	NAM	17/08/1997	BÌNH PHƯỚC	TRUNG HỌC PHỔ THÔNG	KINH	503-45
17	TẶNG THỊ	SÂM	NỮ	23/02/1992	BÌNH PHƯỚC	TRUNG HỌC PHỔ THÔNG	KINH	503-45
18	NGUYỄN NGỌC	SON	NAM	05/01/1989	BÌNH PHƯỚC	TRUNG HỌC PHỔ THÔNG	KINH	503-45
19	NGUYỄN MINH	THÀNH	NAM	02/11/1984	BẾN TRE	TRUNG HỌC PHỔ THÔNG	KINH	503-45
20	NGUYỄN TRUNG	TÍN	NAM	31/01/1997	BÌNH PHƯỚC	TRUNG HỌC PHỔ THÔNG	KINH	503-45
21	NGÔ TRỊNH VĨNH	TRỊNH	NỮ	03/11/2001	ĐỒNG NAI	TRUNG HỌC PHỔ THÔNG	KINH	503-45

Danh sách này có: 45 sinh viên
CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

CÁN BỘ KIỂM TRA

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT



Nguyễn Hoàng Sơn

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2024
TẠI TRUNG TÂM GDTX TỈNH ĐỒNG NAI - NHẬP HỌC: 05/01/2024

Kèm theo Quyết định số ...56./QĐ-VĐTMCNTT ngày 4.3.tháng 01 năm 2024 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Văn bằng	Dân tộc	Ngành-TGĐT
	NGÀNH LUẬT						
	THỜI GIAN ĐÀO TẠO 2.5 NĂM						
1	NGUYỄN NGỌC THẢO	AN	NỮ	27/11/1991	ĐỒNG NAI	ĐH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	KINH 503-25
2	ĐÀO TUẤN	ANH	NAM	07/10/1986	THANH HÓA	ĐH HÓA HỌC	KINH 503-25
3	HUỲNH NGỌC	ANH	NỮ	04/12/1990	ĐỒNG NAI	ĐH KINH TẾ	KINH 503-25
4	NGUYỄN THÁI	BẢO	NAM	03/01/1994	ĐỒNG NAI	KS CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG	KINH 503-25
5	NGUYỄN NGỌC	BẢO	NAM	19/06/1994	ĐỒNG NAI	ĐH KẾ TOÁN	KINH 503-25
6	BÙI VĂN	BÌNH	NAM	13/07/1987	HÀ TĨNH	KS CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT XÂY DỰNG	KINH 503-25
7	VŨ THỊ	CHÂM	NỮ	20/12/1982	HẢI DƯƠNG	ĐH KẾ TOÁN	KINH 503-25
8	TRẦN LÊ ANH	CHI	NỮ	02/09/1997	ĐỒNG NAI	KS CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM	KINH 503-25
9	PHẠM VĂN	CHINH	NAM	03/06/1992	THÁI BÌNH	KS KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG	KINH 503-25
10	LÊ VĂN	ĐOAN	NAM	15/02/1983	NINH BÌNH	ĐHSP TIN HỌC	KINH 503-25
11	NGUYỄN THỊ MINH	HẠNH	NỮ	26/09/1984	HÀ TĨNH	ĐH KẾ TOÁN	KINH 503-25
12	NGUYỄN THỊ	HẬU	NỮ	12/07/2000	ĐẮK LẮK	KS QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	KINH 503-25
13	PHAN THANH	HẰNG	NỮ	01/12/1981	NGHỆ AN	ĐH THÔNG TIN - THƯ VIỆN	KINH 503-25
14	HỒ THỊ NGỌC	HIỀN	NỮ	22/05/1985	ĐỒNG NAI	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH 503-25
15	LƯƠNG THỊ THU	HIỀN	NỮ	30/10/1988	BÌNH ĐỊNH	KS QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	KINH 503-25
16	NGUYỄN THỊ	HIỀN	NỮ	20/10/1994	NGHỆ AN	ĐH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	KINH 503-25
17	NGUYỄN THỊ	HIỀN	NỮ	12/07/2000	ĐẮK LẮK	KS QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	KINH 503-25

82

STT	Họ tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Văn bằng	Dân tộc	Ngành-TGĐT
18	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	NỮ	16/10/1987	HÀ NỘI	ĐH KÊ TOÁN	KINH	503-25
19	TRƯƠNG THỊ THANH	HƯƠNG	NỮ	15/11/1992	ĐỒNG NAI	ĐH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	KINH	503-25
20	BÙI ĐĂNG	KHOA	NAM	15/02/1990	ĐỒNG NAI	ĐH KINH DOANH THƯƠNG NGHIỆP VÀ DỊCH VỤ	KINH	503-25
21	NGUYỄN VĂN AN	KHƯƠNG	NAM	09/06/2001	ĐỒNG NAI	KS CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	KINH	503-25
22	NGUYỄN THỊ	LAN	NỮ	09/08/1988	QUẢNG TRỊ	ĐH VĂN HỌC	KINH	503-25
23	NGUYỄN THỊ	LONG	NỮ	15/03/1987	ĐỒNG NAI	ĐH HÓA HỌC	KINH	503-25
24	HOÀNG VĂN	LÝ	NAM	03/08/1991	HÀ TĨNH	ĐH HÀNH CHÍNH HỌC	KINH	503-25
25	BÙI THỊ	MƠ	NỮ	11/04/1991	ĐỒNG NAI	KS QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	KINH	503-25
26	NGUYỄN THỊ	NGÂN	NỮ	26/08/1989	NGHỆ AN	KS LÂM NGHIỆP	KINH	503-25
27	ĐỖ THỊ BÍCH	NGỌC	NỮ	15/11/1980	NINH BÌNH	ĐH HỆ THỐNG THÔNG TIN KINH TẾ	KINH	503-25
28	ĐINH THỊ HỒNG	NHUNG	NỮ	12/02/1996	ĐỒNG NAI	ĐHSP TOÁN HỌC	KINH	503-25
29	BÙI LƯƠNG HOÀNG	PHÚC	NAM	06/05/1996	ĐỒNG NAI	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	503-25
30	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	NỮ	19/01/1987	HÀ NAM NINH	ĐH XÃ HỘI HỌC	KINH	503-25
31	PHẠM THỊ	PHƯƠNG	NỮ	26/06/1990	ĐỒNG NAI	ĐH KÊ TOÁN	KINH	503-25
32	NGUYỄN HỮU	PHƯỚC	NAM	10/01/1985	QUẢNG NAM	ĐH VÔ TUYẾN ĐIỆN VÀ THÔNG TIN LIÊN LẠC	KINH	503-25
33	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯƠNG	NỮ	18/03/1993	TIỀN GIANG	ĐH GIÁO DỤC MẦM NON	KINH	503-25
34	LÊ DUY	QUÂN	NAM	14/03/1989	THANH HÓA	KS CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	KINH	503-25
35	MAI THỊ THU	THẢO	NỮ	17/01/1995	QUẢNG BÌNH	ĐH MARKETING	KINH	503-25
36	VŨ ĐỨC	THỊNH	NAM	07/07/1999	HỒ CHÍ MINH	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	503-25
37	NGUYỄN THỊ	THU	NỮ	29/04/1984	NGHỆ AN	ĐH KINH TẾ NÔNG LÂM	KINH	503-25
38	NGUYỄN BẢO	THUẬN	NỮ	25/01/1982	ĐỒNG NAI	ĐH TÀI CHÍNH KÊ TOÁN	KINH	503-25
39	PHAN THIÊN	THUẬT	NAM	02/03/1985	NINH BÌNH	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	503-25
40	THÁI THUY	TRANG	NỮ	05/09/1985	ĐỒNG NAI	ĐH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	KINH	503-25

STT	Họ tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Văn bằng	Dân tộc	Ngành-TGĐT
41	NGUYỄN THỊ TÚ	TRINH	NỮ	12/12/1994	BÀ RỊA VŨNG TÀU	ĐHSP TOÁN HỌC	KINH	503-25
42	NGUYỄN HỮU	TRUNG	NAM	04/02/1989	ĐỒNG NAI	KS QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	KINH	503-25
43	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	NAM	10/11/1988	ĐỒNG NAI	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503-25
44	PHẠM XUÂN	TRƯỜNG	NAM	10/12/1990	ĐỒNG NAI	ĐH GIÁO DỤC THỂ CHẤT	KINH	503-25
45	VÕ NGỌC THANH	TUYỀN	NỮ	14/03/1993	ĐỒNG NAI	ĐH XÃ HỘI HỌC	KINH	503-25
46	NGÔ HÙNG	VĂN	NAM	22/10/1998	PHÚ YÊN	KS CHĂN NUÔI	KINH	503-25
47	BÙI VĂN	VŨ	NAM	20/01/1990	HẢI DƯƠNG	BÁC SĨ THỦ Y	KINH	503-25
48	LÝ ĐỒNG THỊ	XUÂN	NỮ	04/11/1981	ĐỒNG NAI	ĐH TÀI CHÍNH KẾ TOÁN	KINH	503-25
	NGÀNH LUẬT							
	THỜI GIAN ĐÀO TẠO 4.5 NĂM							
1	TRẦN NAM	ANH	NAM	04/09/1998	ĐỒNG NAI	THPT	KINH	503-45
2	TRẦN NGỌC	ÁNH	NAM	04/03/2003	HỒ CHÍ MINH	THPT	KINH	503-45
3	TRẦN THIÊN	BẢO	NAM	15/09/2004	HỒ CHÍ MINH	THPT	KINH	503-45
4	TRẦN MINH	CHƯƠNG	NAM	07/05/1985	ĐỒNG NAI	THPT	KINH	503-45
5	NGUYỄN PHƯƠNG	DUY	NAM	06/08/1986	ĐỒNG NAI	THPT	KINH	503-45
6	CHUÔNG NGUYỄN	ĐÔNG	NAM	29/05/2002	ĐỒNG NAI	THPT	HOA (HÁN)	503-45
7	TRẦN THANH	HẢI	NAM	18/03/1999	ĐỒNG NAI	THPT	KINH	503-45
8	NGUYỄN HOÀNG	HIỆP	NAM	17/11/1998	ĐỒNG NAI	THPT	KINH	503-45
9	TRẦN VĂN	HOÀNG	NAM	15/03/1993	THANH HÓA	THPT	KINH	503-45
10	VŨ TIẾN	HUY	NAM	09/09/1981	HẢI DƯƠNG	THPT	KINH	503-45
11	PHAN THỊ KỶ	KỶ	NỮ	17/04/1999	ĐỒNG NAI	THPT	KINH	503-45
12	NGUYỄN THÀNH	LỢI	NAM	04/10/2003	ĐỒNG NAI	THPT	KINH	503-45
13	TÔ TRẦN KHÁNH	NAM	NAM	07/02/2003	HỒ CHÍ MINH	THPT	KINH	503-45

STT	Họ tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Văn bằng	Dân tộc	Ngành-TGĐT
14	TRẦN NGUYỄN THÁI	PHONG	NAM	01/05/2003	ĐỒNG NAI	THPT	KINH	503-45
15	TRẦN ĐIỂM	PHÚC	NAM	09/07/1997	ĐỒNG NAI	THPT	KINH	503-45
16	ĐẶNG MINH	THÀNH	NAM	25/06/1987	BẾN TRE	THPT	KINH	503-45
17	HỒ LÊ	THÁI	NAM	17/07/2000	ĐỒNG NAI	THPT	KINH	503-45
18	NGUYỄN VĂN	THUẬN	NAM	15/01/2005	ĐỒNG NAI	THPT	KINH	503-45
19	ĐÀO TRỌNG	TÌNH	NAM	09/05/1996	ĐỒNG NAI	THPT	KINH	503-45
20	NGUYỄN HỮU	TÍNH	NAM	28/09/1997	ĐỒNG NAI	THPT	KINH	503-45
21	ĐỖ TIỀN	TÙNG	NAM	10/06/2001	ĐỒNG NAI	THPT	KINH	503-45
22	NGUYỄN VĂN	ÚT	NAM	04/04/1994	ĐỒNG NAI	THPT	KINH	503-45
23	ĐỖ	XUÂN	NAM	02/09/2002	ĐỒNG NAI	THPT	KINH	503-45
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH								
THỜI GIAN ĐÀO TẠO 2.5 NĂM								
1	NGUYỄN THỊ KIM	ÁI	NỮ	10/02/1999	ĐỒNG NAI	ĐHSP NGỮ VĂN	KINH	705-25
2	VƯƠNG BÁ	CHƯƠNG	NAM	20/08/1980	BẮC NINH	ĐH BÌNH CHỪNG HỢP THÀNH	KINH	705-25
3	ĐẶNG HỮU	ĐÔNG	NAM	13/10/1984	ĐỒNG NAI	ĐH LUẬT	KINH	705-25
4	HÀ THỊ	HÀNG	NỮ	15/08/1988	QUẢNG BÌNH	ĐH NGỮ VĂN	KINH	705-25
5	HÀ NGUYỄN LÊ	HOÀNG	NAM	16/11/1997	HỒ CHÍ MINH	ĐHSP TIN HỌC	KINH	705-25
6	NGUYỄN ÚT ĐÔNG	HÒA	NAM	17/10/1985	ĐỒNG NAI	ĐH LUẬT	KINH	705-25
7	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	NỮ	30/10/1987	NGHỆ AN	ĐH PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	KINH	705-25
8	THÁI VĂN	HÙNG	NAM	15/01/1983	NGHỆ AN	ĐH LUẬT	KINH	705-25
9	PHAN THỊ	LAM	NỮ	05/02/1998	HÀ TĨNH	ĐHSP TOÁN HỌC	KINH	705-25
10	VĂN THỊ KIM	LIÊN	NỮ	07/04/1991	THANH HÓA	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	705-25
11	NGUYỄN PHƯƠNG	LOAN	NỮ	26/02/1992	ĐỒNG NAI	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	705-25

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Văn bằng	Dân tộc	Ngành-TGĐT
12	NÔNG PHƯỚC LỘC	NAM	11/01/1993	ĐỒNG NAI	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	705-25
13	PHẠM HÙNG MINH	NAM	08/06/1986	BẾN TRE	ĐH GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ	KINH	705-25
14	LÊ THỊ NAM NHẬN	NỮ	05/12/1970	HẢI PHÒNG	ĐH GIÁO DỤC ĐẶC BIỆT	KINH	705-25
15	HỒ VĂN PHONG	NAM	01/01/1970	BÌNH ĐỊNH	ĐH LUẬT	KINH	705-25
16	TRẦN THỊ HỒNG PHƯƠNG	NỮ	09/10/1981	ĐỒNG NAI	ĐH LUẬT	KINH	705-25
17	NGUYỄN HỒNG PHƯỢNG	NỮ	02/06/1987	ĐỒNG NAI	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705-25
18	TRẦN NGỌC QUANG	NAM	12/11/1981	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH Y TẾ CÔNG CỘNG	KINH	705-25
19	PHẠM THỊ HỒNG THÀ	NỮ	07/02/1985	HỒ CHÍ MINH	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
20	LÊ THỊ THU	NỮ	07/09/1988	THANH HÓA	ĐH TIN HỌC ỨNG DỤNG	KINH	705-25
21	TRẦN THỊ THANH THÚY	NỮ	25/12/1997	BẮC GIANG	ĐHSP NGỮ VĂN	KINH	705-25
22	TRẦN THỊ HOA TỐI	NỮ	29/01/1996	AN GIANG	ĐH GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ	KINH	705-25
23	NGUYỄN LÊ HOÀNG TUẤN	NAM	20/05/1999	ĐỒNG NAI	KS CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	KINH	705-25
24	CHU ĐÌNH TƯ	NAM	26/06/1981	PHÚ THỌ	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705-25
25	LÊ HẢI YẾN	NỮ	05/10/1986	THANH HÓA	ĐH NGỮ VĂN	KINH	705-25

Danh sách này có: 96 sinh viên

CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

[Signature]

Nguyễn Thị Thu Hiền

CÁN BỘ KIỂM TRA

[Signature]

Võ Đình Lâm

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT

[Signature]



Nguyễn Hoàng Sơn

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2024
TẠI TRUNG TÂM GDTX TỈNH ĐỒNG THÁP - NHẬP HỌC: 05/01/2024

Kèm theo Quyết định số ...56/QĐ-VĐTMCNTT ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Văn bằng	Dân tộc	Ngành - TGDĐT
NGÀNH LUẬT							
THỜI GIAN ĐÀO TẠO 2.5 NĂM							
1	HỒ THỊ CHƠN	NỮ	20/03/1988	ĐỒNG THÁP	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503-25
2	CAO QUỐC HIỆP	NAM	05/08/1984	LONG AN	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	503-25
3	PHẠM THỊ THÚY KIỀU	NỮ	13/06/1991	ĐỒNG THÁP	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503-25
4	NGUYỄN THỊ TRÚC LINH	NỮ	22/12/1989	ĐỒNG THÁP	ĐHSP SINH HỌC	KINH	503-25
5	CHUNG THỊ CẨM NAN	NỮ	12/05/1990	ĐỒNG THÁP	ĐHSP LỊCH SỬ	KINH	503-25
6	NGUYỄN VĂN NHÚT	NAM	10/06/1977	CAM PHU CHIA	ĐH KINH TẾ - CN KINH TẾ CHÍNH TRỊ	KINH	503-25
7	CAO VĂN THẮNG	NAM	06/06/1993	ĐỒNG THÁP	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	503-25
8	ĐOÀN HỒ MINH THU	NAM	21/09/1996	ĐỒNG THÁP	ĐH GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ	KINH	503-25
9	NGUYỄN THỊ THANH THỦY	NỮ	20/03/1988	ĐỒNG THÁP	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503-25
THỜI GIAN ĐÀO TẠO 4.5 NĂM							
1	NGUYỄN THỊ KIM ANH	NỮ	18/09/2001	ĐỒNG THÁP	THPT	KINH	503-45
2	HỒ MINH BÌNH	NAM	01/06/1975	ĐỒNG THÁP	THPT	KINH	503-45
3	NGUYỄN VĂN CHẮC	NAM	25/12/1986	ĐỒNG THÁP	THPT	KINH	503-45
4	LÊ THỊ BÍCH LIÊU	NỮ	04/06/1992	AN GIANG	THPT	KINH	503-45
5	TRẦN PHƯỚC NGUYỄN	NAM	27/03/1999	ĐỒNG THÁP	THPT	KINH	503-45



	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH						
	THỜI GIAN ĐÀO TẠO 2.5 NĂM						
1	ĐÌNH NGUYỄN MINH	TÂN	NAM	05/03/1994	ĐỒNG THÁP	KINH	DƯỢC SĨ 705-25

Danh sách này có: 15 sinh viên

CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

Thi

Nguyễn Thị Thu Hiền

CÁN BỘ KIỂM TRA

slaw

Võ Đình Lâm

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT

DM



Nguyễn Hoàng Sơn

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2024
TẠI TRUNG TÂM GDTX TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Kèm theo Quyết định số 56./QĐ-VĐTMCNTT ngày 03.tháng 1 năm 2024 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Văn bằng	Dân tộc	Ngành - TGĐT
	NGÀNH LUẬT - NHẬP HỌC: 05/01/2024						
	THỜI GIAN ĐÀO TẠO 2.5 NĂM						
1	VŨ THỊ LAN ANH	NỮ	31/10/1986	BÀ RỊA VŨNG TÀU	ĐH ĐÔNG NAM Á HỌC	KINH	503-25
2	VÕ PHAN THÚY ÁI	NỮ	21/03/1994	BÀ RỊA VŨNG TÀU	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503-25
3	BÙI THỊ TUYẾT CHINH	NỮ	08/08/1996	HÒA BÌNH	ĐH NGÔN NGỮ ANH	MƯỜNG	503-25
4	PHAN KHÁNH CƯỜNG	NAM	19/05/1989	ĐỒNG NAI	KS CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	KINH	503-25
5	HUỲNH TRUNG DŨNG	NAM	30/08/1981	BÀ RỊA VŨNG TÀU	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	503-25
6	NGÔ NGUYỄN THANH HÀ	NỮ	15/11/1999	BÀ RỊA VŨNG TÀU	ĐH LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	KINH	503-25
7	VÕ THỊ HẠNH	NỮ	05/04/1979	BÀ RỊA VŨNG TÀU	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503-25
8	NGUYỄN THỊ BÍCH HẰNG	NỮ	30/07/1979	VĨNH PHÚC	ĐH THƯ VIỆN - THÔNG TIN HỌC	KINH	503-25
9	LÊ HOÀNG PHI HỒ	NAM	25/04/1998	BÌNH ĐỊNH	ĐH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	KINH	503-25
10	HÀ THỊ THANH HUẾ	NỮ	10/04/1978	HÀ TĨNH	ĐH KINH TẾ	KINH	503-25
11	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	NỮ	19/09/1989	QUẢNG TRỊ	ĐH CÔNG TÁC XÃ HỘI	KINH	503-25
12	DƯƠNG VĂN KẾT	NAM	08/10/1989	QUẢNG BÌNH	ĐH VĂN HỌC	KINH	503-25
13	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	NỮ	13/05/1989	BÀ RỊA VŨNG TÀU	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503-25
14	PHẠM THỦY LINH	NỮ	01/12/2000	BÀ RỊA VŨNG TÀU	ĐH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	KINH	503-25
15	NGUYỄN THỊ HỒNG LOAN	NỮ	16/07/1988	BÀ RỊA VŨNG TÀU	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	503-25
16	PHẠM THIÊN MINH	NAM	02/11/1980	BÀ RỊA VŨNG TÀU	ĐH CHÍNH TRỊ HỌC CHUYÊN NGÀNH CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG	KINH	503-25
17	LÊ THỊ TUYẾT NHUNG	NỮ	02/11/1980	BÀ RỊA VŨNG TÀU	DƯỢC SĨ	KINH	503-25



18	NGUYỄN THANH	QUANG	NAM	22/08/1984	BÀ RỊA VŨNG TÀU	ĐH CHÍNH TRỊ HỌC	KINH	503-25
19	ĐÀO THỊ NGỌC	QUYÊN	NỮ	20/08/1992	BÀ RỊA VŨNG TÀU	ĐH CÔNG TÁC XÃ HỘI	KINH	503-25
20	ĐẶNG THỊ	QUYÊN	NỮ	28/01/1987	HÀ NỘI	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503-25
21	HỨA THANH	TÂM	NAM	02/10/1991	TIỀN GIANG	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503-25
22	TRƯƠNG THỊ HỒNG	THANH	NỮ	18/08/1982	BÀ RỊA VŨNG TÀU	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	503-25
23	MÃ THỊ NGỌC	THẢO	NỮ	06/09/1984	BÀ RỊA VŨNG TÀU	ĐH PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VÀ KHUYẾN NÔNG	KINH	503-25
24	NGUYỄN THỊ KIM	THOA	NỮ	16/06/1990	BÀ RỊA VŨNG TÀU	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	503-25
25	TÔ THỊ HUYỀN	TRANG	NỮ	13/06/1988	THÁI BÌNH	ĐH BÁO CHÍ TRUYỀN THÔNG	KINH	503-25
26	TRẦN THỊ MỸ	TRINH	NỮ	14/12/1995	BÀ RỊA VŨNG TÀU	ĐH THỦ Y	KINH	503-25
27	PHẠM THỊ THANH	TUYỀN	NỮ	22/03/1987	BÀ RỊA VŨNG TÀU	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503-25
28	NGUYỄN THỊ HUƠNG	TÚ	NỮ	30/08/2000	BÀ RỊA VŨNG TÀU	ĐH QUAN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	KINH	503-25
29	PHẠM THỊ HOÀNG	VÂN	NỮ	02/09/1981	BÀ RỊA VŨNG TÀU	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	503-25
30	ĐỖ HÙNG	VƯƠNG	NAM	13/12/2000	BÀ RỊA - VŨNG TÀU	KS CNKT CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG	KINH	503-25
THỜI GIAN ĐÀO TẠO : 4,5 NĂM								
1	TRẦN THỊ NHẬT	ANH	NỮ	10/07/2004	BÀ RỊA VŨNG TÀU	THPT	KINH	503-45
2	LÊ MINH QUỐC	CƯỜNG	NAM	07/10/1996	BÀ RỊA VŨNG TÀU	THPT	KINH	503-45
3	TRẦN VĂN	HIẾU	NAM	19/02/2002	BÀ RỊA VŨNG TÀU	THPT	KINH	503-45
4	BÙI VIỆT	HÙNG	NAM	26/07/1999	BÀ RỊA VŨNG TÀU	THPT	KINH	503-45
5	PHẠM THỊ KIM	LAN	NỮ	23/10/1985	ĐỒNG NAI	THPT	KINH	503-45
6	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LINH	NỮ	07/07/2000	BÀ RỊA VŨNG TÀU	THPT	KINH	503-45
7	ĐỖ QUANG	MINH	NAM	03/11/1992	BÀ RỊA VŨNG TÀU	THPT	KINH	503-45
8	LẠI PHƯỢNG	NHI	NỮ	20/06/1997	BÀ RỊA VŨNG TÀU	THPT	KINH	503-45



9	TRẦN THIÊN	PHÚ	NAM	16/02/1990	BÀ RỊA VŨNG TÀU	THPT	KINH	503-45
10	NGUYỄN THANH	THẢO	NỮ	11/07/1992	BÀ RỊA VŨNG TÀU	THPT	KINH	503-45
11	VÕ THỊ PHƯƠNG	THẢO	NỮ	26/06/1985	ĐỒNG NAI	THPT	KINH	503-45
12	TRẦN THỊ	THE	NỮ	09/01/1984	ĐỒNG NAI	THPT	KINH	503-45
13	NGUYỄN CÔNG	TRƯỜNG	NAM	01/01/1992	BÀ RỊA VŨNG TÀU	THPT	KINH	503-45
14	TRẦN ANH PHÚ	VINH	NAM	22/08/1994	HỒ CHÍ MINH	THPT	KINH	503-45
15	TRẦN THANH HUY	VŨ	NAM	02/01/1982	BÀ RỊA VŨNG TÀU	THPT	KINH	503-45
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - NHẬP HỌC: 05/01/2024								
THỜI GIAN ĐÀO TẠO : 2,5 NĂM								
1	NGUYỄN THỊ HỒNG	HẠNH	NỮ	05/12/1988	BÀ RỊA VŨNG TÀU	ĐH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	KINH	705-25
2	NGUYỄN THỊ	MỸ	NỮ	21/11/2000	BÀ RỊA VŨNG TÀU	KS KHAI THÁC VẬN TẢI	KINH	705-25
3	TRẦN VIỆT	QUỐC	NAM	28/09/1999	BÀ RỊA VŨNG TÀU	KS KHAI THÁC VẬN TẢI	KINH	705-25
4	NGUYỄN TRÍ	TÂM	NAM	20/01/1993	TIỀN GIANG	ĐH KINH DOANH	KINH	705-25
5	PHAN NGUYỄN BÁ	THANH	NAM	15/09/2000	BÀ RỊA VŨNG TÀU	ĐH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	KINH	705-25
6	ĐÌNH LÊ HOÀI	THI	NAM	18/12/1986	ĐỒNG NAI	ĐH LUẬT	KINH	705-25
7	PHAN NGUYỄN BÁ	THÔNG	NAM	03/09/2001	BÀ RỊA VŨNG TÀU	ĐH LUẬT	KINH	705-25
8	NGUYỄN MINH	THƯ	NỮ	15/10/1998	BÀ RỊA VŨNG TÀU	ĐH LUẬT	KINH	705-25
9	LÊ THỊ XUÂN	TRANG	NỮ	18/05/1992	BÀ RỊA VŨNG TÀU	ĐH LUẬT	KINH	705-25
10	PHAN THU	TRANG	NỮ	10/03/1987	NGHỆ AN	ĐHSP TÂM LÝ GIÁO DỤC	KINH	705-25
11	PHẠM THỊ HOÀNG	YẾN	NỮ	07/01/1994	BÀ RỊA VŨNG TÀU	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25

Danh sách này có: 56 sinh viên

CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

CÁN BỘ KIỂM TRA

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT


Nguyễn Thị Thu Hiền


Võ Đình Lâm





Nguyễn Hoàng Sơn

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2024
TẠI TTGDTX TỈNH TÂY NINH

Kèm theo Quyết định số 56.../QĐ-VĐTMCNTT ngày 03...tháng 04...năm 2024 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế

STT	Họ tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Văn bằng	Ngành-TGĐT
	NGÀNH LUẬT - NHẬP HỌC: 05/01/2024							
	THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 2.5 NĂM							
1	NGUYỄN THỊ LINH	CHI	NỮ	02/01/1990	TÂY NINH	KINH	ĐH KẾ TOÁN	503-25
2	LÂM HIỆP MINH	CƯỜNG	NAM	31/10/1986	TÂY NINH	KINH	KS CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	503-25
3	BÙI THỊ	HÀ	NỮ	09/08/1979	THÁI BÌNH	KINH	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	503-25
4	LÊ THỊ THU	HÀ	NỮ	11/07/1988	QUẢNG BÌNH	KINH	ĐH TRIẾT HỌC	503-25
5	PHẠM NGỌC	HÂN	NỮ	01/01/1990	TRÀ VINH	KINH	ĐH KẾ TOÁN	503-25
6	TRẦN THỊ	HOÀI	NỮ	24/06/1988	NGHỆ AN	KINH	ĐH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	503-25
7	LÊ NHẬT	HUY	NAM	09/04/1992	TÂY NINH	KINH	ĐH HUẤN LUYỆN THỂ THAO	503-25
8	ĐẶNG MINH	LUÂN	NAM	20/10/1990	TÂY NINH	KINH	KS KHOA HỌC MÁY TÍNH	503-25
9	LÊ THỊ ANH	LÝ	NỮ	16/04/1996	TÂY NINH	KINH	ĐH KẾ TOÁN	503-25
10	NGUYỄN HOÀNG BẢO	NGỌC	NỮ	10/09/2000	TÂY NINH	KINH	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	503-25
11	BÙI TIẾN	NHÂN	NAM	19/09/1998	TÂY NINH	KINH	KS KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH THỦY	503-25
12	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	NỮ	28/07/1999	TÂY NINH	KINH	ĐH CÔNG TÁC XÃ HỘI	503-25
13	HUỲNH THANH	PHÚ	NAM	07/07/1984	TÂY NINH	KINH	ĐH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	503-25
14	NGUYỄN TRẦN THANH	SON	NAM	08/04/1984	TÂY NINH	KINH	ĐH CNTT	503-25
15	VÕ THỊ THU	THẢO	NỮ	01/08/1992	TÂY NINH	KINH	ĐH HÀNH CHÍNH HỌC	503-25
16	VÕ THỊ NGỌC	THIỆN	NỮ	01/01/1988	TÂY NINH	KINH	ĐH KẾ TOÁN	503-25
17	TRẦN THỊ	THƠ	NỮ	16/08/1988	TÂY NINH	KINH	ĐH KẾ TOÁN	503-25
18	NGUYỄN KIỀU	THU	NỮ	24/03/1989	TÂY NINH	KINH	ĐH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM	503-25



STT	Họ tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Văn bằng	Ngành-TGĐT
19	NGUYỄN THỊ HIẾU	TRANG	NỮ	01/11/1990	TÂY NINH	KINH	KS CN SINH HỌC	503-25
20	VÕ THỊ CẨM	TÚ	NỮ	25/09/1988	TÂY NINH	KINH	ĐH KẾ TOÁN	503-25
21	HOÀNG THỊ	XUÂN	NỮ	24/06/1987	HÀ TĨNH	KINH	ĐH GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ	503-25
22	TRỊNH THỊ	XUÂN	NỮ	18/01/1989	THANH HOÁ	KINH	ĐH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	503-25
	THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4.5 NĂM							
1	LÊ NGỌC VÂN	ANH	NỮ	13/07/2005	TÂY NINH	KINH	THPT	503-45
2	NGUYỄN VĂN	CHANH	NAM	01/12/1974	TÂY NINH	KINH	THPT	503-45
3	NGUYỄN VĂN	DÀO	NAM	01/10/1988	TÂY NINH	KINH	THPT	503-45
4	HUỖNH THỊ NGỌC	DUYÊN	NỮ	15/07/1994	TÂY NINH	KINH	THPT	503-45
5	HUỖNH THỊ NHƯ	HẢO	NỮ	23/12/2005	TÂY NINH	KINH	THPT	503-45
6	TÔ KIM	HÂN	NỮ	15/01/2004	TÂY NINH	KINH	THPT	503-45
7	NGUYỄN DƯƠNG PHƯƠNG	HIỀN	NỮ	10/05/1984	TÂY NINH	KINH	THPT	503-45
8	NGUYỄN THU	HIẾU	NỮ	05/03/1984	TÂY NINH	KINH	THPT	503-45
9	ĐOÀN HỮU	HÙNG	NAM	27/12/1992	TÂY NINH	KINH	THPT	503-45
10	NGUYỄN VĂN	KIỆT	NAM	25/12/1999	TÂY NINH	KINH	THPT	503-45
11	BÙI THANH	NINH	NAM	17/05/1997	TÂY NINH	KINH	THPT	503-45
12	HUỖNH TẤN	PHÁT	NAM	13/10/1994	TÂY NINH	KINH	THPT	503-45
13	PHAN THANH	SANG	NAM	18/10/1984	TÂY NINH	KINH	THPT	503-45
14	HỒ VĂN	SỰ	NAM	02/12/2002	TÂY NINH	KINH	THPT	503-45
15	ĐÀO THỊ MỸ	TÂM	NỮ	17/10/2002	TÂY NINH	KINH	THPT	503-45
16	TỔNG THỊ HUYỀN	TRÂN	NỮ	11/03/2005	TÂY NINH	KINH	THPT	503-45
17	ĐỖ THỊ CẨM	VÂN	NỮ	10/08/2003	TÂY NINH	KINH	THPT	503-45
18	PHAN VĂN	VINH	NAM	01/02/1998	TÂY NINH	KINH	THPT	503-45
	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - NHẬP HỌC: 05/01/2024							
	THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 2.5 NĂM							

STT	Họ tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Văn bằng	Ngành-TGĐT
1	CAO THỊ	AN	NỮ	12/09/1985	TÂY NINH	KINH	ĐH KẾ TOÁN	705-25
2	HỒ NGỌC	BẢO	NAM	15/04/1982	NGHỆ AN	KINH	ĐH HÀNH CHÍNH HỌC	705-25
3	LÂM THỊ KIM	CHÂU	NỮ	28/06/1990	LONG AN	KINH	ĐH KẾ TOÁN	705-25
4	MANG NGỌC	DIỄM	NỮ	24/02/1993	TÂY NINH	KINH	ĐHSP SINH HỌC	705-25
5	PHAN THỊ THÙY	DƯƠNG	NỮ	01/10/1981	TÂY NINH	KINH	ĐH LUẬT	705-25
6	LÊ VĂN	HÀ	NAM	02/09/1984	THANH HÓA	KINH	ĐH CH-TMLQ	705-25
7	TRẦN THỊ	HÀ	NỮ	08/01/1980	HÀ TĨNH	KINH	ĐHSP NGỮ VĂN	705-25
8	TRẦN HOÀNG	HẢI	NAM	19/07/1979	TÂY NINH	KINH	ĐH NGỮ VĂN	705-25
9	BÙI PHƯỚC	HÒA	NỮ	20/06/1988	HỒ CHÍ MINH	KINH	ĐH LUẬT	705-25
10	NGUYỄN XUÂN	HÒA	NAM	27/07/1980	TÂY NINH	KINH	ĐH CHÍNH TRỊ HỌC	705-25
11	NGUYỄN THỊ TUYẾT	HỒNG	NỮ	29/05/1985	HỒ CHÍ MINH	KINH	KS QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	705-25
12	NGUYỄN NHẬT ANH	KHOA	NAM	10/09/1993	HỒ CHÍ MINH	KINH	ĐH KẾ TOÁN	705-25
13	ĐỖ TUẤN	KIỆT	NAM	21/10/1985	TÂY NINH	KINH	ĐH TÀI CHÍNH- NGÂN HÀNG	705-25
14	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	LINH	NỮ	06/02/1985	TÂY NINH	KINH	ĐH GIÁO DỤC MẦM NON	705-25
15	NGUYỄN THỊ TRÚC	MAI	NỮ	20/05/1987	TÂY NINH	KINH	ĐH BÁO CHÍ	705-25
16	NÔNG VĂN	MÁT	NAM	05/10/1987	BẮC GIANG	KINH	ĐH XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CQNN	705-25
17	KIM THỊ	MINH	NỮ	22/05/1981	HÀ NỘI	KINH	ĐH TÂM LÝ GIÁO DỤC	705-25
18	ĐINH CAO	MUÔN	NAM	11/05/1989	TÂY NINH	KINH	ĐH LUẬT	705-25
19	HÀ THỊ PHƯƠNG	NGA	NỮ	27/01/1985	TÂY NINH	KINH	ĐH LUẬT HỌC	705-25
20	NGUYỄN THỊ THU	NGA	NỮ	04/10/1990	TÂY NINH	KINH	ĐH LỊCH SỬ	705-25
21	VÕ THỊ TUYẾT	NGA	NỮ	29/12/1983	HỒ CHÍ MINH	KINH	ĐH LUẬT HỌC	705-25
22	NGUYỄN PHẠM TRÚC	NGÂN	NỮ	16/06/1988	TÂY NINH	KINH	ĐH BÁO CHÍ	705-25
23	NGUYỄN THỊ	NGOAN	NỮ	28/12/1995	BÌNH PHƯỚC	KINH	DƯỢC SỸ	705-25
24	DƯƠNG THỊ KIM	NGỌC	NỮ	20/07/1982	TÂY NINH	KINH	ĐH LUẬT	705-25
25	TRẦN THỊ KIM	NGUYỆT	NỮ	12/12/1982	TÂY NINH	KINH	ĐH LUẬT	705-25

STT	Họ tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Văn bằng	Ngành-TGĐT
26	ĐINH TÂN	NHÀN	NAM	24/10/1986	TÂY NINH	KINH	ĐH LUẬT	705-25
27	TRƯƠNG THỊ THANH	NHU	NỮ	02/11/1984	TÂY NINH	KINH	ĐH KẾ TOÁN	705-25
28	NGUYỄN THỊ	NHUNG	NỮ	21/07/1986	TÂY NINH	KINH	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	705-25
29	NGUYỄN THÚY	OANH	NỮ	01/11/1978	TÂY NINH	KINH	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	705-25
30	TRẦN THANH	PHONG	NAM	10/10/1981	TÂY NINH	KINH	ĐH SỬ HỌC	705-25
31	VÕ THỊ KIM	PHƯƠNG	NỮ	21/01/1984	TÂY NINH	KINH	ĐH GIÁO DỤC MẦM NON	705-25
32	TRẦN VĂN	QUÍ	NAM	27/07/1987	TÂY NINH	KINH	ĐH QUẢN TRỊ VĂN PHÒNG	705-25
33	NGUYỄN THỊ KIM	QUY	NỮ	11/12/1989	TÂY NINH	KINH	ĐH KẾ TOÁN	705-25
34	TRẦN THANH	SON	NAM	30/11/2000	HỒ CHÍ MINH	KINH	KS KỸ THUẬT XÂY DỰNG	705-25
35	LÊ BÁ	THÀNH	NAM	07/06/1985	TÂY NINH	KINH	ĐH BÁO CHÍ	705-25
36	LÊ THỊ PHƯƠNG	THẢO	NỮ	13/04/1990	HỒ CHÍ MINH	KINH	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	705-25
37	LÊ ĐÌNH	THẠCH	NAM	17/03/1982	HỒ CHÍ MINH	KINH	ĐH LUẬT HỌC	705-25
38	PHẠM ĐỨC	THẮNG	NAM	18/10/1987	HẢI DƯƠNG	KINH	ĐH LS ĐẢNG CSVN	705-25
39	HUỖNH HUNG	THỊNH	NAM	22/12/2000	TÂY NINH	KINH	ĐH KINH TẾ	705-25
40	HỒ KIM	THOẠI	NỮ	22/08/1986	TÂY NINH	KINH	ĐH KẾ TOÁN	705-25
41	HÀ THỊ	THÓI	NỮ	18/08/1990	TÂY NINH	KINH	ĐHSP NGỮ VĂN	705-25
42	HỒ THỊ	THU	NỮ	20/02/1985	TÂY NINH	KINH	ĐH KẾ TOÁN	705-25
43	HUỖNH THỊ NHẬT	THÙY	NỮ	27/07/1987	TÂY NINH	KINH	ĐH KẾ TOÁN	705-25
44	NGUYỄN THỊ KIỆU	TIÊN	NỮ	27/08/1997	TÂY NINH	KINH	ĐH VĂN HÓA HỌC	705-25
45	NGUYỄN THỊ HOÀI	TRÂN	NỮ	02/07/1989	TÂY NINH	KINH	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	705-25
46	HOÀNG NHẬT	TRƯỜNG	NAM	18/04/1985	TÂY NINH	KINH	ĐH GIÁO DỤC THỂ CHẤT	705-25
47	VÕ THỊ THANH	TUYÊN	NỮ	21/09/1990	TÂY NINH	KINH	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	705-25
48	LÊ THANH	TUYÊN	NAM	21/10/1978	HỒ CHÍ MINH	KINH	ĐH XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NN	705-25
49	ĐẶNG THỊ MỸ	VINH	NỮ	23/11/1993	TÂY NINH	KINH	ĐH KẾ TOÁN	705-25
50	LÊ PHƯỚC	VINH	NAM	05/12/1995	TÂY NINH	KINH	ĐH LUẬT	705-25

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Văn bằng	Ngành-TGĐT
51	TRẦN PHONG VŨ	NAM	28/10/1978	TÂY NINH	KINH	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	705-25
52	LÂM SƠN VƯƠNG	NAM	01/12/1991	TÂY NINH	KINH	ĐH BÁO CHÍ	705-25
53	ĐẶNG TRẦN KHÁNH VY	NỮ	28/08/1993	TÂY NINH	KINH	ĐH QUAN HỆ QUỐC TẾ	705-25
54	HÀ THỊ XUÂN	NỮ	02/08/1986	THANH HOÁ	KINH	ĐH LUẬT	705-25

Danh sách này có: 94 sinh viên

CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ



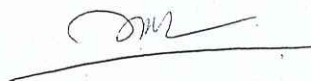
Nguyễn Văn Lộc

CÁN BỘ KIỂM TRA



Võ Đình Lâm

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT




Nguyễn Hoàng Sơn

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2024
TẠI TRƯỜNG TRUNG CẤP QUỐC TẾ KHÔI VIỆT TP. HỒ CHÍ MINH - NHẬP HỌC: 05/01/2024

Kèm theo Quyết định số ...57.../QĐ-VĐTM&CNTT ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Văn bằng	Dân tộc	Ngành - TGDĐT
	NGÀNH LUẬT						
	THỜI GIAN ĐÀO TẠO 2.5 NĂM						
1	PHAN HỒNG HẢI	NAM	10/02/1984	NGHỆ AN	KS CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	KINH	503-25
2	NGUYỄN TÂN TÀI	NAM	12/02/1995	LONG AN	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	503-25
3	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	NỮ	18/05/1987	KON TUM	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	503-25

Danh sách này có: 3 sinh viên

CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

CÁN BỘ KIỂM TRA

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT


Nguyễn Thị Thu Hiền





Nguyễn Hoàng Sơn

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2024
TẠI TRƯỜNG CĐ CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CƠ SỞ HỒ CHÍ MINH

Kèm theo Quyết định số ...56.../QĐ-VĐTMCNTT ngày 03...tháng 01 năm 2024 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Văn bằng	Dân tộc	Ngành - TGĐT
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - NHẬP HỌC: 05/01/2024							
THỜI GIAN ĐÀO TẠO 2.5 NĂM							
1	ĐỖ THANH HOÀNG PHÚC	NAM	19/08/1991	HỒ CHÍ MINH	BS Y ĐA KHOA	KINH	705-25
2	LÊ THỊ MAI PHƯƠNG	NỮ	16/09/2000	ĐẮK LẮK	ĐH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	KINH	705-25
3	TRẦN THỊ PHƯƠNG	NỮ	06/11/2000	ĐẮK LẮK	ĐH CÔNG NGHỆ SINH HỌC	KINH	705-25
4	HOÀNG VĂN THINH	NAM	10/01/1985	LẠNG SƠN	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705-25
5	TRẦN NGỌC TY	NAM	09/09/1986	KIÊN GIANG	ĐH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	KINH	705-25
6	NGÔ TUỜNG VY	NỮ	26/05/1998	ĐỒNG NAI	KS KINH TẾ GIA ĐÌNH	KINH	705-25

Danh sách này có: 6 sinh viên

CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

CÁN BỘ KIỂM TRA

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT

VIỆN TRƯỞNG


Nguyễn Thị Thu Hiền


Võ Đình Lâm





Nguyễn Hoàng Sơn

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2024
TẠI TRƯỜNG TC CÔNG ĐOÀN TP. HỒ CHÍ MINH - NHẬP HỌC: 05/01/2024

Kèm theo Quyết định số ...56../QĐ-VĐTMCNTT ngày 03..tháng 01...năm 20 24 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Văn bằng	Dân tộc	Ngành - TGĐT
	NGÀNH LUẬT						
	THỜI GIAN ĐÀO TẠO 4.5 NĂM						
1	TRẦN THỊ HỒNG VÂN	NỮ	31/05/1980	TIỀN GIANG	THPT	KINH	503-45
	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH						
	THỜI GIAN ĐÀO TẠO 2.5 NĂM						
1	NGUYỄN MINH CƯƠNG	NAM	24/07/1987	TÂY NINH	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	KINH	705-25
2	NGUYỄN THỊ KIỀU DIỄM	NỮ	07/09/2000	HÙNG YÊN	ĐH VẬT LÝ HỌC	KINH	705-25
3	CAO VĂN HUẤN	NAM	06/03/1984	THANH HÓA	ĐH TIN HỌC	KINH	705-25
4	TRẦN THANH TÙNG	NAM	03/02/1983	HỒ CHÍ MINH	ĐH LUẬT	KINH	705-25

Danh sách này có: 5 sinh viên

CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

CÁN BỘ KIỂM TRA

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT


Nguyễn Thị Thu Hiền





Nguyễn Hoàng Sơn